

I THÁNG 6 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

VIỆT PHƯƠNG *con đường dẫn tới hòa bình* *
NGUYỄN đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 9 của
Cộng đảng Trung-hoa • NGUYỄN HIỂN LÊ nhà văn nổi
danh trong giai đoạn trưởng thành của văn học Trung-
quốc hiện đại : Ba-Kim * NGUYỄN KHÁNH HÒA
Herbert Marcuse, tiên tri của người sinh viên nổi
loạn • PHẠM VIỆT CHÂU Phi-luật-tân, giữa vũng
lầy do phong kiến và tư bản Tây phương để lại *
VÕ QUANG YẾN hoa lệ * LAN ĐÌNH người
Thượng đạo theo dãy Trường sơn * LINH BẢO
chuyện cá voi * TỪ KỂ TƯỜNG như chỗ nghỉ
chân • TRẦN HOÀI THƯ
tình yêu dậy thì * TRÀNG
THIÊN thời sự văn nghệ •

298





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê — SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh — SAIGON**



B Á C H

K H O A

T H Ò I - Đ A I

Số 298 ngày 1 - 6 - 1969

VIỆT PHƯƠNG <i>con đường dẫn tới hòa bình</i>	5
NGUYỄN <i>đại-hội đại-biểu toàn quốc lần thứ 9 của Cộng đảng Trung-hoa</i>	11
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>nhà văn nổi danh trong giai-đoạn trưởng thành của văn-học Trung quốc hiện đại : Ba-Kim</i>	17
NGUYỄN KHÁNH HÒA <i>Herbert Marcuse, tiên tri của người sinh viên nổi loạn</i>	27
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định-mệnh : Phi-luật-tân, giữa vùng lầy do phong kiến và tư bản Tây-phương để lại</i>	53
VÕ QUANG YẾN <i>hoa lệ</i>	59
LAN ĐÌNH <i>người Thượng dọc theo dãy Trường-sơn</i>	43
LINH BẢO <i>chuyện cá voi</i>	47
TỪ KẾ TƯỜNG <i>như chỗ nghỉ chân (truyện)</i>	53
TRẦN HOÀI THU <i>tình yêu dậy thì (truyện)</i>	66
TRĂNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	15

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin trân trọng giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **Thông điệp Phật đản 2.513 về sứ mệnh hòa bình của Đức Tăng Thống GHPGVNTN** gồm 24 trang bằng Việt, Anh và Pháp ngữ, nhấn mạnh đến việc «tạo thành một sức mạnh hóa giải cho toàn diện những cuộc xung đột trong hiện tại và tương lai».

Nghĩ gì 2 — (vài ý nghĩa về văn hóa (và văn nghệ của Trần Trọng Phủ, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 7 vấn đề văn hóa, văn nghệ hiện đại và những Phụ-lục về cơ-cấu, về văn học, về kiểm duyệt. Giá 90đ. (Bản đặt biệt).

— **Những quan hệ giữa Pháp và Trung-hoa về vấn đề Việt-nam (1880-1885)** của Hoàng ngọc Thành, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 64 trang gồm 4 chương từ sự bang giao Pháp-Hoa trước 1870, qua giai đoạn hòa hoãn đến giai đoạn va chạm.

Bản đặt biệt. Giá bản thường : 50đ.

— **Nạn nhân buổi giao thời**, tuyển tập truyện ngắn của Pearl S. Buck, bản dịch của Nguyễn Hùng, do tổ hợp xuất bản «Giờ» ấn hành và gửi tặng. Sách dày 318 trang gồm 10 truyện chọn lọc Giá 190đ.

— **Phía ngoài tập truyện của Huỳnh Phan Anh và Nguyễn Đình Toàn** do Hồng Đức xuất bản và gửi tặng. Sách dày 162 trang gồm 10 truyện của hai tác giả. Bản đặt biệt.

— **Sống bằng sự nghiệp** tạp văn của Nguyễn Mạnh Côn do Văn-Uiển

xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 146 trang gồm những bài viết về Vũ Trọng Phụng, Nhất Linh, Lê văn Trương và Đinh Hùng «những người đã quá vãng mà sự sống vẫn còn tiếp tục bằng sự nghiệp» Bản đặc biệt. Giá nhất định, bản thường, 30đ.

— **Nhà văn hôm nay (1954-1959)** Tập 1, của Nguyễn đình Tuyển do Nhà văn Việt-Nam xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 296 trang chia làm 3 phần : Tiểu-thuyết-gia (8 người), Thi gia (14 người), Kịch tác gia (5 người). Các nhà văn, thơ, kịch (có cả người ngoại quốc) mỗi tác giả đều có : tiểu-sử, nhận định của soạn giả và trích đăng tác phẩm. Bản đặc biệt.

— **Giấc ngủ chập chờn** truyện dài của Nhật Tiến do Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 240 trang, tác phẩm thứ mười hai của tác giả. Giá 150đ.

— **Những hàng châu ngọc trong thi ca hiện đại (1933-63)**. Khảo luận của Huy-Trâm, do Sáng xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 218 trang gồm 7 chương, mỗi chương mang một chủ đề từ Thiên Nhiên, tình yêu đến tình hoài hương, hùng ca... mỗi chương có một số bài thơ được phân tích và một số thơ đặc sắc thuộc chủ-đề của chương đó. Giá 220đ.

— **Biển đông xe cát (Le Mythe de Sisyphe)** của Albert Camus và (Citadelle) của St. Exupéry, do Bùi Giang dịch, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 174 trang, Giá 90đ.

— **Sáu cửa vào động Thiếu thất (Thiếu thất lục môn)** của Bồ Đề Đạt Ma, do Trúc Thiên dịch, An Tiêm xuất bản trong «Tủ sách Phật học» và gửi tặng. Sách dày 172 trang, ngoài bản văn về 6 cửa còn phần phụ lục : tiểu sử Bồ-Đề Đạt-Ma. Giá 60đ.

Con đường văn hồi hòa-bình

Trong các cuộc tranh luận tại Hội nghị hòa đàm ở Balê, người ta thường nghe thấy nói lập tới trường 4 điểm của Bắc - Việt và lập trường 5 điểm của MTGPMN.

Ngày 8-5-1969 trong phiên họp thứ 16 cuộc Hội đàm Balê, Trần Bửu Kiếm lại đưa ra một giải pháp toàn bộ nhằm lập lại hòa bình ở Việt Nam gồm 10 điểm mà các báo hàng ngày đã từng nói tới.

Ở phía bên này, ngày 7-4-1968 trong một thông điệp đọc trước Quốc hội (lưỡng viện) nhân buổi khai mạc khóa họp thường lệ đầu năm 1969, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu đã đưa ra một kế hoạch văn hồi hòa bình gồm 6 điểm.

Rồi đến lượt Tổng-thống Nixon ngày 15-5-69 lại đọc một bài diễn văn quan trọng tại Hoa - thịnh - đốn trình bày một kế hoạch hòa bình 8 điểm của ông hình như để đáp lại giải pháp toàn bộ 10 điểm của Trần Bửu Kiếm.

Tất cả những lập trường, kế hoạch, chương trình, giải pháp tính bằng con số cho dễ nhớ đó đều nhằm mục đích tìm kiếm hòa bình cố nhiên là mỗi bên theo ý muốn của mình. Đề độc giả có tài liệu đối chiếu tiện rút ra những điểm dị đồng khả dĩ có thể tiến tới một giải pháp thỏa hiệp hoặc đưa đến bế tắc, chúng tôi xin trình bày dưới đây những kế hoạch chương trình của mỗi bên đề độc giả rộng đường suy luận.

Trước hết, là chương trình 4 điểm của Bắc Việt :

— 1) Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân VN : hòa bình độc lập, chủ quyền thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn. Theo hiệp định Genève 1954, Mỹ phải rút hết quân đội khỏi miền Nam VN, kể cả nhân viên quân sự lẫn vũ khí đủ loại, xóa bỏ các căn cứ quân sự, các liên-minh quân-sự với miền Nam. Mỹ phải chấm dứt « chính sách can thiệp và xâm lược miền Nam ». Theo Hiệp định Genève 1954, Mỹ phải ngưng mọi hoạt động chiến tranh chống miền Bắc V.N., hoàn toàn chấm dứt mọi xâm phạm đến chủ quyền và lãnh thổ của nước VNDC CH (Bắc Việt).

— 2) Trong khi chờ đợi hòa - bình thống-nhất tổ quốc và trong khi V.N. còn tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, những điều khoản quân-sự của Hiệp-định Genève 1954 về V.N. phải được triệt để tôn-trọng. Hai miền phải từ khước gia nhập các liên-minh quân sự với nước ngoài, không cho quân đội và nhân viên quân sự ngoại quốc lập căn cứ và đóng quân trên lãnh thổ V.N.

— 3) Công việc nội bộ của miền Nam V.N. phải do nhân dân miền Nam V.N. giải quyết phù hợp với chương trình của MTD TGPMN. không có sự can thiệp của nước ngoài.

— 4) Việc hòa bình thống nhất VN phải

do nhân dân VN thuộc cả 2 miền quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Sau đây là chương trình 5 điểm của cái gọi là MTGPMN :

1) Miền Nam VN quyết phấn đấu để thực hiện quyền thiêng liêng của mình. độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, quyết tiến tới hòa bình thống nhất.

— 2) Mỹ phải chấm dứt "chiến tranh xâm lược VN", rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và các phương tiện chiến tranh ra khỏi miền Nam VN.

— 3) Công việc nội bộ của miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo cương lĩnh chính trị của MTDGPMN, không có sự can thiệp của nước ngoài.

— 4) Việc thống nhất nước VN sẽ do nhân dân VN ở 2 miền giải quyết từng bước bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa 2 miền, không có sự can thiệp của nước ngoài thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng rãi, tổ chức Tổng tuyển cử tự do ở miền Nam VN.

— 5) Miền Nam VN thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình trung lập, không liên minh quân sự với nước ngoài dưới bất cứ hình thức nào, đặt quan hệ hữu nghị với tất cả các nước trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, thiết lập quan hệ láng giềng tốt với vương quốc Campuchia. trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trên biên giới hiện tại và với Lào trên cơ sở tôn trọng hiệp định Genève năm 1962 về Lào.

(Điểm khác biệt giữa chương trình 4 điểm của B.V và chương trình 5 điểm của MTGP là ở chỗ chương trình của B.V nhấn mạnh đến nghĩa vụ quân sự của 2 miền (không gia nhập liên minh, không chấp nhận căn cứ quân

sự ngoại quốc) nhưng lại bỏ qua không nói tới vấn đề trung lập.

Về việc thống nhất đất nước, chương trình của MTGP lại nói rõ hơn là giải quyết từng bước bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc thỏa thuận giữa 2 miền.

Ngoài điểm đó ra chương trình của MTGP lại không nói gì tới miền Bắc, chỉ ngời đến vấn đề cục bộ miền Nam mà thôi, chứ không có tính cách tổng quát cho cả 2 miền như chương trình của Bắc-Việt.

oOo

Trước tình hình biến chuyển một cách mau lẹ và đề ứng phó cho kịp thời cuộc và gây tác động với đối phương, Trần Bửu Kiếm đã tung ra một giải pháp toàn bộ cho vấn đề VN gồm 10 điểm sau đây :

— 1) Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân VN là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đã được Hiệp định Genève 1954 về VN xác nhận.

— 2) Chính phủ Mỹ phải rút hết quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và của các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam VN mà không được đòi hỏi điều kiện gì, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam VN., từ bỏ mọi hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ và an ninh của miền Nam VN. và của nước VNDCCH.

— 3) Quyền của nhân dân VN chiến đấu bảo vệ tổ quốc mình là quyền tự vệ thiêng liêng bất khả xâm phạm của mọi dân tộc. Lực lượng vũ trang VN ở miền Nam VN sẽ do các bên Việt Nam cùng giải quyết.

(Điều khoản này là cốt đề hợp-thức-hóa sự hiện diện của quân đội BV. ở

miền Nam VN. Quân đội đó không thể coi là quân đội ngoại nhập và vấn đề này sẽ do các bên Việt-Nam nghĩa là BV, VNCH và MTGPMN cùng giải quyết).

4) Nhân dân miền Nam Việt-Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình không có sự can thiệp của nước ngoài. Nhân dân miền Nam tự quyết định chế độ chính trị của miền Nam VN. bằng Tổng tuyển cử tự do và dân chủ. Thông qua Tổng tuyển cử tự do và dân chủ sẽ bầu Quốc hội lập hiến xây dựng hiến pháp và thành lập Chính phủ liên hiệp chính thức của miền Nam VN phản ánh sự hòa hợp dân tộc và đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân.

(Nếu theo điều khoản này thì Hiến pháp đệ-ngũ cộng-hòa sẽ bị thủ tiêu và Quân đội VNCH sẽ bị giải tán. Điều khoản này tất nhiên VNCH không có thể chấp nhận được).

5) Trong thời gian từ khi hòa-bình được lập lại cho đến khi Tổng tuyển cử, không một bên nào cưỡng bách nhân dân miền Nam VN. phải nhận chế-độ chính-trị của mình.

Các lực lượng chính trị đại diện cho các tầng lớp nhân dân và các khuynh hướng chính trị ở miền Nam VN. kể cả những người vì lý do chính trị phải cư trú ở nước ngoài, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, sẽ cùng nhau thương lượng để thành lập một chính-phủ liên-hiệp lâm-thời trên nguyên-tắc bình-đẳng dân-chủ và tôn trọng lẫn nhau, nhằm thực hiện một miền Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập.

Chính phủ liên-hiệp lâm thời có nhiệm vụ :

a) Thi hành các hiệp định được ký kết về việc rút quân Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ v.v..

b) Thực hiện hòa hợp dân tộc, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các lực lượng chính trị, các dân tộc, các tôn giáo và tất cả mọi người không phân biệt xu hướng chính trị và quá khứ miền là tán thành hòa bình, độc lập và trung lập.

c) Thực hiện các quyền tự do dân chủ rộng rãi, tự do ngôn luận. tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do lập đảng phái và tổ chức chính trị, tự do biểu tình v.v.. trả lại tự do cho những người bị bắt vì lý do chính trị, cấm chỉ mọi hành động khủng bố trả thù và phân biệt đối xử đối với những người đã hợp tác với bên này hoặc bên kia, hiện ở trong nước hay ở ngoài nước, theo như hiệp định Genève 1954 về VN. đã quy định.

d) Hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, khôi phục sinh hoạt bình thường của nhân dân và cải thiện đời sống của nhân dân lao động.

e) Tổ chức Tổng tuyển cử tự do và dân chủ trên toàn miền Nam VN theo nội dung điểm 4 trên đây.

(Điểm này có tính cách tuyên truyền gây ảnh hưởng để tranh thủ cảm tình của dân chúng. Nó hoàn toàn trái với những phương pháp mà Cộng-sản từ xưa tới nay vẫn làm. Do đó, mặc dầu tính cách hấp dẫn, nó vẫn chưa đánh tan được mọi nghi kỵ. Hơn nữa việc thành lập chính phủ liên-hiệp dù là lâm thời hay chính thức đều trái với Hiến-pháp VNCH. Nếu chính phủ VNCH chấp nhận nó tức là đã chấp nhận tiêu-hủy nền đệ-nhị cộng-hòa. Điều này được nêu ra là cốt ý để cho chính phủ VNCH không thể nào chấp nhận được và đối phương sẽ vin

vào sự chối từ đó mà kích động dư-luận nhân-dân VN. đang khao khát hòa bình. Do đó nó chỉ có giá trị tuyên truyền và khó có thể là một căn-bản để thương thuyết).

—6) Miền Nam Việt-Nam thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình trung lập :

— Thực hiện chính sách láng giềng tốt với vương quốc Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong biên-giới hiện tại, thực hiện chính sách láng giềng tốt với vương-quốc Lào trên cơ sở tôn trọng Hiệp-định Genève năm 1962 về Lào.

— Lập quan-hệ ngoại-giao, kinh-tế, văn-hóa với tất cả các nước không phân biệt chế-độ chính-trị và xã-hội, kể cả với Mỹ theo 5 nguyên tắc chung sống hòa-bình: Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, chung sống hòa-bình, nhận viện trợ kinh-tế và kỹ-thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều-kiện chính trị ràng buộc.

(Điều này cũng gần giống như điểm 5 của chương trình 5 điểm trước đây của MTGPMN, nhưng đặc biệt, ngoài việc về văn Cam-bốt và Lào, điểm trên còn chú trọng về văn cả Hoa-kỳ để hy-vọng Mỹ nhượng bộ, nuốt trôi viên thuốc đắng bọc đường.

Điều này có thể dung hợp với quan-điểm của VNCH, vì VNCH cũng đòi hỏi phải tôn trọng Hiệp-định Genève 1962 về Lào, không xâm phạm lãnh thổ Cam-bốt, chung sống hòa bình với các nước lân-bang kể cả với miền Bắc.

Nhưng điểm khác biệt là ở động cơ thúc đẩy 2 bên :

Về phía Cộng sản, đề cao chính sách láng giềng tốt là cốt để lôi kéo các nước này đứng ở cương vị trung lập, nhất là muốn cho nước Lào trở thành một gương mẫu chính-phủ liên-hiệp và trung lập.

Về phía VNCH thì chủ trương không xâm phạm các nước lân bang là để ngăn cản không cho các lực lượng Bắc-Việt và Việt-Cộng dùng các nước đó làm bàn đạp để tấn công VNCH.

Vì thế cho nên tuy cùng một mục-dích, nhưng khác động cơ, đi đến được thỏa-hiệp cũng còn nhiều khó khăn.)

—7) Việc thống nhất nước Việt-Nam sẽ thực hiện từng bước, bằng phương pháp hòa-bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa 2 miền, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Trong khi chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt-nam, hai miền lập lại quan hệ bình thường về mọi mặt trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau.

Giới - tuyến quân - sự giữa hai miền ở vĩ - tuyến 17, như Hiệp - định Genève 1954 về V.N. quy định, chỉ có tính cách tạm thời, không phải là ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ. Hai miền thỏa thuận về quy chế khu Phi quân-sự và định ra thể thức qua lại giới-tuyến tạm thời.

(Về điểm này, có một vài điều có thể thỏa-hiệp được :

a) Hai bên cùng thỏa thuận về điểm thống nhất đất nước,

— nhưng VNCH chủ trương thống nhất bằng Tổng-Tuyên-cử tự do dưới sự kiểm soát quốc tế.

— còn phe CS chủ trương thống nhất bằng hòa bình thương lượng, thực hiện

từng bước và không có sự can thiệp của nước ngoài.

b) Hai bên cùng chủ trương trong khi chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhất VN, hai miền lập lại quan-hệ bình-thường về mọi mặt, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. Theo VNCH thì 2 bên sẽ thực hiện những cuộc trao đổi kinh tế, văn hóa, thư tín trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.

c) Hai bên cùng chú trọng đến việc lập lại giới-tuyến tạm thời giữa 2 miền và tái lập quy-chế khu Phi quân-sự.)

— 8) Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam quy định, trong khi chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt Nam, hai miền Bắc và Nam Việt-Nam cam kết không tham gia liên-minh quân sự với nước ngoài, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự trên đất mình, không công nhận sự bảo-hộ của bất cứ nước nào, liên minh hoặc khối quân sự nào.

(Điều này nhằm trối buộc VNCH, vì sự yểm trợ của Cộng sản quốc tế đối với Bắc-Việt không cần phải thể-hiện dưới một hình thức liên-minh nào mà vẫn có thể hữu hiệu hơn. Nhưng một khi đã tiến tới một căn bản thỏa hiệp, VNCH khó lòng có thể từ chối, không chấp nhận điều này, nếu muốn tránh những dư-luận không tốt đẹp.)

— 9) Đề giải quyết những hậu quả của chiến tranh,

a) các bên thương lượng về việc thả những quân nhân bị bắt trong chiến tranh.

b) chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn

trách nhiệm về sự thiệt hại và tàn phá do Mỹ đã gây ra cho nhân dân VN ở cả 2 miền. (Điều này quyến rũ Mỹ về khoản thả tù binh, nhưng lại bắt chẹt Mỹ về khoản bồi thường. Nếu Mỹ nhận nguyên-tắc bồi thường, dù ít dù nhiều, tức là đã xác nhận mình là xâm lược, trong khi từ trước đến nay lập trường của Mỹ vẫn là : Mỹ chỉ đến đây giúp đỡ VNCH theo lời yêu cầu của chính phủ VNCH để chống Cộng sản xâm lược.)

— 10) Các bên sẽ thỏa thuận về một sự giám-sát quốc-tế đối với việc rút quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam V.N.

(Về điều này hai bên có thể đồng ý trên nguyên tắc, nhưng về hình thức, sự tổ chức kiểm soát quốc-tế sao cho hữu hiệu, thì lập trường 2 bên còn xa cách nhau :

VNCH hình như sẵn sàng chấp nhận một sự kiểm soát của LHQ cho sự rút quân của cả 2 bên Hoa-kỳ và Bắc-Việt ; Còn Cộng sản thì chỉ đồng ý kiểm soát sự rút quân của Hoa-kỳ mà thôi.)

oOo

Trên đây là 10 điểm của giải pháp toàn bộ do Trần-Bửu-Kiểm đưa ra và sơ lược về những khó khăn để tiến tới một sự thỏa-hiệp giữa 2 bên, căn cứ vào những chương trình và kế-hoạch của phe lại thỏa Cộng sản.

Nay ta hãy xét thử những chương trình và kế-hoạch của phe VNCH Hoa-kỳ để thử xem có thể tiến gần hiệp được không.

Hội-nghị Thượng-đỉnh Manila tháng

10-1966 đã đưa ra một kế-hoạch văn hồi hòa-bình gồm 6 điểm sau đây :

— 1) Bắc-Việt ngưng xâm lược và khủng bố.

— 2) Bảo-vệ toàn vẹn lãnh thổ của miền Nam VN.

— 3) Thống nhất V.N. bằng tự do lựa chọn.

— 4) Nhân dân miền Nam tự mình giải quyết lấy những vấn đề nội bộ của miền Nam V.N.

— 5) Quân đội Đồng-minh sẽ triệt thoái khỏi miền Nam khi nào B.V. rút hết các lực lượng võ trang của họ về miền Bắc và thôi khủng bố, bạo động.

— 6) Bảo-đảm quốc-tế hữu-hiệu.

Để thực hiện nghị quyết của hội-ng nghị Thượng-đỉnh Manila, chính-phủ VNCH đầy mạnh kế-hoạch xây dựng nông thôn, đồng thời với chiến dịch chiêu hồi, xây dựng kinh-tế, đề thu hút quần chúng và mở rộng vùng kiểm soát quốc-gia.

Với cuộc tấn công Tết Mậu-Thân của

Cộng sản, cuộc ngưng oanh tạc hạn chế miền Bắc V.N. ngày 31-3-1968 của T.T. Johnson, tiếp đến hội-ng nghị sơ-bộ Mỹ-Bắc Việt ở Paris, cuộc ngưng oanh tạc hoàn toàn miền Bắc V.N. ngày 31-10-1968, tiếp theo là cuộc hội đàm Ba-lê giữa Hoa-kỳ VNCH một bên là Bắc-Việt MTGPMN một bên, tình hình biến chuyển rất nhiều. Cái gọi là MTGPMN đã được chính-phủ VNCH coi là một thực thể, tuy chưa phải là thực-thể, tức là trên thực tế, VNCH đã nhìn nhận sự có mặt của MTGPMN chứ không phủ nhận nó như xưa, chỉ chấp nhận các cá nhân của Mặt-Trận bỏ khí giới và từ bỏ chủ-nghĩa Cộng-sản, trở về như những người hồi chánh.

Về vấn đề rút quân, bản thông-cáo chung của Hội nghị thượng-đỉnh Manila đã minh định rõ ràng là lực lượng Đồng-Minh chỉ triệt thoái khỏi Việt-Nam sau khi các lực lượng võ trang của Bắc Việt đã rút lui hết về Bắc vĩ-tuyến 17 và chấm dứt mọi hoạt động khủng bố

(Tiếp theo trang 79)

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin :

THÂN PHỤ nhà văn LAN GIAO (Bác sĩ Trương-Quý-Lâm) đã mãn phần tại Huế ngày 12-5-1969.

Xin trân trọng chia buồn cùng nhà văn Lan-Giao và thành kính cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu Miền Cực-Lạc.

MINH QUÂN, MINH ĐỨC HOÀI TRINH, VÕ PHIẾN,
ĐOÀN THÊM, KHAI TRÍ, NGUYỄN HỮU NGU, LÊ
PHƯƠNG CHI, LÊ TẤT ĐIỀU, LÊ NGỘ CHÂU

Đại-hội Đại-biểu Toàn-quốc lần thứ 9 của Cộng đảng Trung-hoa

Theo tinh-thần bản điều-lệ 1966, Đại-hội lần thứ 9 lẽ ra đã phải được triệu tập vào năm 1961. Tình-hình bất thuận lợi thêm với cuộc Cách-mạng Văn-hóa đã khiến Đại-hội này chỉ được triệu tập sau Đại-hội lần thứ 8 (5-1968) tới hơn chục năm. Đã từ lâu lắm, sau cơn sốt xuất huyết của cuộc Cách-mạng Văn-hóa, từ địa đầu Hắc-long-Giang băng giá tới miền Hoa-Nam oi nồng, hàng triệu dân Trung-hoa lại được huy-động xuống đường, hò hét hoan hô trong tiếng thanh la náo bạt. Lần này không phải đề đập tan bộ phận Trung-ương Đảng, mà là đề phụ họa vào việc làm hồi sinh một Đảng Cộng-sản Trung-hoa mới.

Ngược lại với sự ồn ào ngoài mặt, Đại-hội Cộng-đảng Trung-hoa lần thứ 9 đã diễn ra trong một bầu không khí bí mật và khép kín.

Thật vậy, không những không một Đại-diện Cộng-đảng anh em nào được dự khán mà ngay cả đến địa-điểm phòng họp cũng không được công bố. Hầu hết những tin tức liên quan đến Đại-hội này đều phải rút từ những bản báo-cáo chính-thức của Đại-hội.

oOo

Đúng 5 giờ chiều ngày 1-4-1969, Mao-trạch-Đông và «người bạn thân thiết» Lâm-Bưu đã bước lên đài Chủ-tịch trong tiếng vỗ tay và hoan hô của 1512 đại-biểu. Thành phần đại-biểu bao gồm từ «những nhà cách-mạng vô sản lão thành» đến «rất nhiều» đội viên tiên-tuyến «xuất hiện trong cuộc Đại Cách-mạng Văn-hóa vô-sản», «các chiến-sĩ mới lập công trong cuộc bảo-vệ biên-cương» và lần đầu tiên «các đoàn viên Hồng vệ-binh».

Mao-Trạch-Đông đọc một bài diễn-

văn khai-mạc ngắn, kể đó là cuộc bầu Chủ-tịch-đoàn Đại-hội gồm 176 nhân vật. Mao và Lâm-Bưu được bầu làm Chủ-tịch và Phó Chủ-tịch; Chu-Âm-Lai làm Tổng Thư-ký. Trong Chủ-tịch đoàn ngoài những nhân-vật mới nổi như Giang-Thanh, Tạ-Phú-Trị, Đồng-Tất-Vũ, còn có các nhân vật và tướng lĩnh cựu trào như Lưu-Bá-Thừa, Chu-Đức, Trần-Vân, Trần-Nghị...

Chương trình nghị sự của Đại-hội được chia ra làm 3 phần :

1. Lâm - Bưu đọc bản báo cáo chính-trị.

2. Sửa đổi Điều-lệ Đảng.

3. Bầu Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng.

Mở đầu chương-trình nghị-sự, Lâm-Bưu lên diễn đàn đọc suốt 2 giờ 10 phút bản báo-cáo chính-trị, gồm 8 vấn đề dài hơn 2 vạn 4 ngàn chữ Hán (1).

Bản báo-cáo mở đầu bằng lời ca ngợi « chiến thắng vĩ đại » của cuộc Cách-mạng Văn-hóa đã đập tan « Bộ Tư-lệnh tư-sản » do Lưu-Thiếu-Kỳ cầm đầu và nhóm phản bội « theo con đường Tư-bản chủ-nghĩa ».

Bản báo-cáo tiết lộ là chính Mao-Trạch-Đông đích thân lãnh-đạo và hoàn toàn quyết định mọi chính-sách trong cuộc Cách-mạng văn-hóa. Theo lời Lâm-Bưu, đó là một cuộc Cách-mạng trong lòng thượng-tầng kiến-trúc nhắm vào « bè lũ theo con đường tư-bản chủ-nghĩa trong Đảng ».

Các cuộc « trả đũa tàn bạo của bọn tư-bản cầm-quyền » và việc đập tan các « âm-mưu kế-hoạch » kể trên trong khoảng thời-gian từ 1966 đến đầu năm 1967 cũng được Lâm trình bày trong bản Báo-cáo.

« Đấu tranh — Phê phán — Cải cách » là một phong-trào phải được liên-tục thực-hiện tốt mới đưa Trung-hoa tới được mục-tiêu tối hậu Đó là điều Lâm nhấn mạnh trong phần thứ ba.

Trong phần thứ tư, [Lâm] đã hé lộ cho mọi người thấy chính-sách của cuộc Cách-mạng Văn-hóa là « lợi dụng mâu-thuẫn tranh thủ đa số, chống lại thiểu-số, đập tan từng kẻ địch một... » Việc giáo-dục bọn « quyền-uy học-thuật phản-động tư-sản », bọn « trí-thức do

các trường học cũ đào tạo », và những đảng-viên « mắc sai lầm » cũng được đề-cập tới.

Lâm còn đề cao vai trò ưu việt của chính-trị trong kinh tế. « Chính-trị là mạch sống của mọi công-tác kinh-tế », chính nhờ đó mà đến cuối năm 1968, Trung-cộng đã trả hết toàn bộ công-trái và trở nên một nước xã-hội « không mắc nợ trong, không mắc nợ ngoài ».

Có một điểm đặc biệt là trong phần thứ năm, khi bàn về « Thắng lợi cuối cùng của Cách-mạng nước ta » Lâm Bưu thấy rằng thắng lợi của cuộc Cách-mạng Văn-hóa « thật là vĩ đại » nhưng quyết không thể cho rằng đã có thể « yên trí rồi ». Vì, như Mao-Trạch-Đông nói vào tháng 10 năm 1968, những giai-cấp bị thất bại. « sẽ còn giãy dụa, những lũ ấy vẫn còn, giai-cấp ấy vẫn còn ». Bởi thế mà Lâm-Bưu đã nhận định rằng « không có thể nói đã giành được thắng lợi cuối cùng, trong mấy chục năm cũng không thể nói thế, không nên mất cảnh-giác ».

Bản báo-cáo còn suy tôn ngôi-vị tối-thượng của Mao-Trạch-Đông và tư-tưởng của Mao đối với toàn Đảng, toàn quốc : « Không có Đảng Cộng-sản thì không có nước Trung-quốc xã-hội chủ-nghĩa. Không có sự lãnh-đạo của Mao-Trạch-Đông và tư-tưởng chỉ-đạo của Mao-Trạch-Đông thì Đảng không có thể tiến được ». Do đó, « kẻ

(1) Công cuộc chuẩn-bị cuộc Cách-mạng Văn-hóa — 2 Quá trình Cách-mạng Văn-hóa — 3 Về việc nghiêm chỉnh làm tốt việc đấu tranh, phê phán và cải-cách. — 4 Chính-sách của cuộc Cách-mạng Văn-hóa — 5 Thắng lợi cuối cùng của Cách-mạng Trung-quốc — 6 Việc chỉnh-đốn và xây dựng Đảng — 7 Quan-hệ giữa Trung-quốc và nước ngoài — 8 Toàn đảng và nhân dân toàn quốc kết lại giành thắng-lợi to lớn hơn nữa:

nào chống đối Mao-Trạch-Đông và tư tưởng Mao-Trạch-Đông sẽ bị toàn đảng toàn quốc tấn công».

Riêng đoạn bàn về quan-hệ giữa Trung-cộng và các nước ngoài, Lâm-Buru đã có một thái-độ khá thận trọng. Lâm đã, biện-giải dài dòng về chủ-trương giải-quyết các cuộc tranh-chấp biên-giới «một cách công-bằng hợp-lý» với Népal, Miến-Điện, A-Phú-Hãn và Mông-Cổ, buộc tội cho Nga và Ấn là «ngoan cố». Lâm còn nhấn mạnh về việc Trung-cộng duy trì năm nguyên-tắc Sống chung Hòa-bình. Chính-sách đó không phải là «quyền biến nhất thời» mà là một chính-sách «phải giữ vững và thi hành lâu dài». «Trước đây chúng ta làm như thế, từ nay về sau ta vẫn kiên trì làm như vậy».

Lâm cũng tiết lộ là «đang suy xét, rồi sẽ trả lời» về đề-nghị «khôi-phục thương lượng» của Nga ngày 29-3-69.

Trong đoạn nói về việc kiên-quyết ủng-hộ các dân-tộc bị áp-bức bởi «đế-quốc Mỹ và bọn xét lại Liên-xô» Lâm chỉ nhắc phớt tới Việt-Nam trong một câu ngắn.

Lâm còn nêu rõ chủ-trương chỉ phản ứng khi bị tấn công chứ sẽ không tấn công trước, bằng cách nhắc lại câu của Mao : «nếu mi không đụng đến ta thì ta không đụng đến mi, nếu mi đụng đến ta thì ắt ta đụng đến mi».

Tuy vậy Lâm cũng cảnh-giác các đảng viên về một cuộc «xâm-lược đại-qui-mô» có thể sẽ do Nga hoặc Mỹ gây ra :

«Chúng ta phải chuẩn-bị sẵn sàng và đầy đủ, chuẩn bị chúng đánh to, chuẩn bị chúng đánh sớm, chuẩn bị chúng đánh bằng vũ-khí hạt nhân».

Trong đoạn kết của bản Báo-cáo, Lâm

Buru kêu gọi toàn đảng, toàn dân đoàn kết chặt chẽ hơn nữa để dành thắng lợi to lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung và trong công-tác xây-dựng «iđô quốc xã-hội chủ-nghĩa hùng mạnh».

Sau khi đọc cả hai tiếng đồng hồ liên tục như vậy, người ta không khỏi khâm phục Lâm còn đủ sức hô một lúc sáu khẩu hiệu, nhất là khẩu hiệu sau cùng tung hô «lãnh tụ vĩ đại» Mao-Trạch-Đông với một cái đuôi rất dài : «...muôn năm, muôn năm, muôn muôn năm, muôn muôn năm !» (nguyên văn).

oOo

Sang tới ngày 2-4-1969, Đại-hội bắt đầu chia thành từng nhóm để thảo luận Bản báo-cáo Chính-trị của Lâm-Buru và Bản dự-thảo sửa đổi Điều-lệ của Đảng. Sau mười ba ngày «nghiêm-chỉnh thảo luận đi thảo luận lại từng đoạn từng câu» trong Bản Báo-cáo Chính-trị cũng như «từng chương từng điều» của Bản Dự-thảo, ngày 14-4-1969, toàn thể Đại-hội đã «nhất trí thông qua» cả hai văn-kiện vừa kể. Nhân dịp này Mao-Trạch-Đông và Lâm-Buru đều đọc một bài diễn văn «rất quan trọng và cổ động lòng người» (!). Chu-Ẩn-Lai, Trần-Bá-Đạt, Hoàng-Vinh-Thắng...cũng lên đọc «tham luận».

Bản Điều-lệ mới của Cộng-đảng Trung Hoa (1) có những điểm đặc biệt như sau :

— Tư tưởng của Mao-Trạch-Đông

(1) Gồm 6 chương : 1- Cương-lĩnh chung 2- Đảng-viên, 3- Nguyên tắc tổ-chức của Đảng 4- Tổ-chức Trung-ương của Đảng, 5- Tổ chức của Đảng ở địa phương và trong quân đội, 6- Tổ chức cơ sở của Đảng.

được coi là «chủ nghĩa Marx-Lénine trong thời đại» và là «cơ-sở lý-luận để chỉ đạo tư-tưởng» Đảng.

— Lâm-Bưu được chọn làm «người kế tục sự nghiệp» của Mao.

— Thay thế lập trường «Sống chung Hòa-bình với phương Tây» bằng lập-trường «đánh đổ chủ-nghĩa xét-lại hiện đại do tập đoàn phản bội xét lại Liên-xô làm trung tâm».

— Tăng quyền-hành của Chủ-tịch, Phó Chủ-tịch và Ban Thường-vụ của Bộ Chính-trị Trung ương (có thể «lập ra những bộ máy gọn gàng, cần thiết để thống nhất, giải quyết công việc hàng ngày của Đảng, chánh-quyền và quân-đội», như vậy các buổi họp «hường lệ của Ủy-ban Trung-ương không còn cần thiết nữa).

— Uốn nắn tinh thần đảng viên kỹ hơn, một trong những điều đảng viên phải thực hiện là «học tập vận-dụng thật sống tư tưởng Mao-Trạch-Đông». Đặc biệt cảnh giác «những kẻ có dã tâm âm mưu, hai mặt», phòng ngừa những kẻ xấu đó «tước đoạt quyền lãnh đạo của Đảng và Nhà nước».

oOo

Bắt đầu từ ngày 15-4, Đại-hội bước vào phần thứ ba của chương-trình nghị sự : « Bầu Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng». Phải mất cả mười ngày ròng rã, tới 24-4-1969 Đại-hội mới bầu ra Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng khóa 9.

Kết-quả cuộc bầu cử chánh thức được công bố như sau :

Chủ tịch Ban Chấp hành Trung-ương:
Mao-Trạch-Đông

Phó Chủ-tịch Ban Chấp-hành Trung
ương : Lâm-Bưu

Ủy-viên thường-vụ Bộ Chính-trị Trung
ương :

Mao-Trạch-Đông, Lâm-Bưu,

Trần-Bá-Đạt, Chu-Ân-Lai, Khang-Sinh (xếp theo nét chữ Hán).

Ủy viên Bộ Chính-trị Trung-ương :

Mao-Trạch-Đông, Lâm-Bưu

(Các ủy-viên khác xếp theo nét chữ Hán)

Diệp Quần (1) Diệp Kiếm Anh (2) Lưu-Bá-Thừa (3), Giang-Thanh (4), Chu Đức (5), Hứa-Thế-Hữu, Trần-Bá-Đạt, Trần Tích-Liên, Lý Tiên Niệm (6), Lý Tất Bành, Ngô Pháp Hiếu (7), Trương Xuân-Kiều, Khương Hội Tác, Chu Ân-Lai, Dương văn Nguyên (8) Khang Sinh, Hoàng Vĩnh Thắng (9), Đồng-Tất-Vũ, Tạ-Phú-Trị (10).

Ủy-viên dự-khuyết Bộ Chính-trị Trung
ương (xếp theo nét chữ Hán).

Vũ-Đặng-Khuê, Lý-tiến-Phong, Lý-Quốc-Sinh, Uông Đẳng Hưng (11).

Như vậy Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng gồm có :

5 Ủy-viên Thường-vụ

16 Ủy-viên chính thức

4 Ủy-viên dự-khuyết.

Ngoài ra Đại-hội còn bầu các ủy-viên thuộc Ban Chấp-hành Trung-ương kết quả như sau :

170 ủy viên chính thức

(1) Vợ Lâm Bưu (2) Thống-Chế, bạn thân của Lâm Bưu (3) Thống-chế, từng bị kiểm thảo (4) Vợ Mao, (5) Thống chế. (6) Phó Thủ tướng, từng bị kiểm thảo. (7) Tư lệnh Không-quân, phe Lâm Bưu, (8) Nhà báo, con rể tương lai của Mao, (9) Tham mưu trưởng quân đội, phe Lâm Bưu (10) Chủ tịch Ủy ban Cách mạng Bắc kinh, (11) Cận vệ của Mao.

109 ủy viên dự khuyết.

Ba phần tư số ủy-viên này là những ủy-viên mới bước chân vào sân khấu chính trị quốc-gia lần đầu.

Nhìn vào thành phần Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng người ta nhận thấy có những điểm đáng lưu ý sau đây :

— Ban Thường-vụ Trung-ương từ 14 ủy viên trong năm 1966 nay rút xuống còn có 5 ủy viên.

— Trong số 7 ủy viên thường trực năm 1958 nay chỉ còn có 3 ủy viên (*) Trong số đó Lâm Bưu từ hàng thứ 7, đã leo lên hàng thứ 2, Mao và Chu vẫn giữ nguyên thứ bậc cũ (1 và 3).

— Hai ủy-viên dự-khuyết trong năm 1958, Trần Bá Đạt (bí-thư riêng của Mao và Khang-Sinh (Giám đốc mật vụ) từ địa vị 24 và 25 trong Bộ Chính-trị đã nhảy vọt lên một trong 5 hàng đầu của Ủy ban Thường-vụ năm 1969.

Trong Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng hiện nay có thể tạm chia ra làm 3 nhóm :

Nhóm Mao - Lâm (khoảng 12 ủy viên)

Nhóm Lão tướng (khoảng 6 ủy viên)

Nhóm Thực-tiến : Chu Ân Lai và Lý Tiên Niệm.

Nhóm Thực-tiến xem chừng là nhóm đơn độc lẻ loi nhất, riêng về nhóm Lão tướng và Mao - Lâm thì chưa rõ quan-hệ sẽ tốt xấu ra sao; có nhiều nguồn dư luận cho rằng nhóm đó nghi kỵ Lâm-Bưu, cũng có dư luận cho rằng Mao dựa vào nhóm đó để làm quân bình cán cân thế lực với Lâm. Có dư luận lại cho rằng nhóm đó sẽ đóng vai trò dung hòa vì bản chất các Lão-tướng cũng như quân đội tại bất cứ đâu, luôn luôn muốn duy trì pháp luật và trật tự.

Duy có một điều rõ hơn hết là xem chừng Đại-hội lần này không diễn ra đúng như ý-định của Mao cũng như của Lâm. Đây không phải là một Đại-hội bùng bùng hào khí cách mạng như Mao Lâm mong mỏi, mặc dầu có sự hiện diện của một số Hồng-vệ-binh, anh hùng lao động, .v.v. Vì vai trò then chốt trong kỳ đại-hội này lại lọt vào tay đám quân nhân. Trong số 170 ủy-viên chính thức của Ban Chấp-hành Trung ương có tới 105 ủy viên là quân nhân hoặc những kẻ có liên quan tới binh nghiệp, mà đa số những ủy viên đó lại là Chủ-tịch của "Ủy ban Cách-mạng" tại các thị trấn trên lục địa. Trong 29 Ủy ban Cách mạng trên toàn quốc, hiện có 20 Ủy-ban do các sĩ-quan lục quân đảm nhiệm. Điều này lại còn ý nghĩa hơn nữa khi mà Trung-hoa lục-địa hiện nay ở vào một tình trạng phân quyền hơn lúc nào hết. Một điểm cần lưu ý nữa là chính những quân nhân này đã đóng những vai trò chính-yếu trong việc duy trì an ninh trật tự trong giai đoạn Cách-mạng Văn-hóa, nên họ lại càng không thể coi là cấp-tiến theo như tiêu chuẩn của Mao.

Như vậy cứ nhìn vào thành phần của Ủy-ban Chấp-hành Trung ương và kẻ cả Bộ Chính-trị Trung-ương, ta thấy rằng Trung-hoa lục-địa hiện nay phần lớn nằm trong tay các quân nhân chín chắn, quyết tâm ngăn chặn các chiến-dịch điên cuồng của những người chủ trương Cách-mạng thường trực.

Trong bản Thông-cáo cuối cùng của Đại-hội mặc dù đầy rẫy những khẩu hiệu rất kêu, nhưng nó vẫn thiếu hẳn

(*) 4 ủy-viên khác là : Lưu Thiệu Kỳ, Chu Đức, Trần Văn, Đặng Tiểu Bình.

cái nhiệt tình cách-mạng của Mao. Thay vì kêu gọi các đảng-viên tiếp tục thành quả của Cách-mạng Văn-hóa, bản Thông-cáo chỉ nhắc nhở rằng đây là lúc «kiểm điểm các chiến thắng vĩ-đại và kinh nghiệm căn-bản» của cuộc Cách mạng do Mao phát động.

Phải chăng Đại-hội Đại-biểu toàn quốc

lần thứ 9 báo hiệu một giai-đoạn mới bắt đầu : Đảng không còn chỉ huy được ngọn súng của đám Giải phóng quân thắm một vì cuộc Cách-mạng thường trực do Đảng phát động. Mũi súng của đám Giải-phóng-quân kia sẽ khởi sự kiểm-chế Đảng chăng ?

NGUYỄN

THUỐC BỔ :

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỒI BỔ CƠ THỂ,
CỎ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

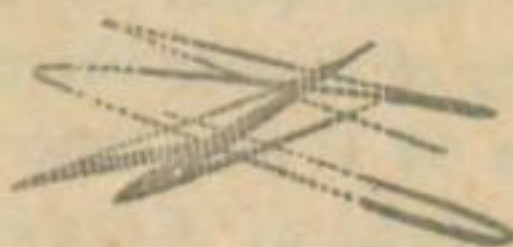
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina 'g'

CỎ ACIDE GLUTAMIQUE

khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.8YT

*Những nhà văn nổi danh trong giai đoạn
trưởng thành của văn học Trung quốc hiện đại*

B A K I M

L.T.S. Trên Bách-Khoa số 269-70 (15-3-68) chúng tôi đã đăng bài « Vài nét chính của Văn học Trung quốc hiện đại » của Ô Nguyễn Hiến Lê và trên những số báo kế tiếp chúng tôi cũng giới thiệu 2 nhà văn tiêu-biểu là Lỗ Tấn và Lão Xá. trên Bách-Khoa số trước và số này chúng tôi lại xin giới thiệu thêm 2 nhà văn nổi tiếng trong giai đoạn trưởng thành của Văn-học Trung-quốc hiện đại : Mao-Thuần và Ba-Kim. Mao-Thuần là « sử gia của cách mạng Trung-hoa », lại am hiểu tường tận tâm trạng rất nhiều giới trong xã hội ông vào thời-kỳ sôi-động 1925-40, còn Ba-Kim là « ca sĩ của cách-mạng », một nhà văn được nhiều thanh niên Trung-hoa tìm đọc vì ông đã diễn tả được những thắc mắc thời đại của họ.

Các bài nói trên đây đều rút trong bộ « Văn học Trung quốc hiện đại » của Ô. Nguyễn-Hiến-Lê sắp xuất-bản.

Trong số các nhà văn Trung Hoa, có lẽ không người nào có một bút danh đặc biệt như Lý Phế Cam, vì hai chữ Ba Kim ông ký trên các tác phẩm không có nghĩa gì hết. Nó chỉ là hai âm lựa trong tên hai nhà cách mạng Nga rồi ghép lại : Bakunine và Kropotkin. Bakunine thì gần như vô danh : Bộ Larousse du XX^e siècle en six tomes không ghi tên ông ta ; còn Kropotkine (1842-1921) thì có lưu lại nhiều tác phẩm : *Paroles d'un révolté, La conquête du pain, La Grande Révolution, L'anarchie, sa philosophie, son idéal...* Nguyên do là hồi 15 tuổi, Lý đọc một truyện đơn của Kropotkin kêu gọi thanh niên, sinh lòng khâm phục Kropotkin, nên lấy âm cuối tên nhà cách mạng đó để đặt bút

danh cho mình ; còn tên Bakunine ông được biết trong trường hợp nào thì chúng tôi chưa rõ.

Xét nội cách ông lựa bút danh, chúng ta cũng đoán được chí hướng của ông rồi : ông nhất quyết dùng cây viết để phục vụ cách mạng. Trong một tập hồi ký ông viết :

« Đời tôi rất buồn... Mặc dầu vậy không bao giờ tôi mất lòng tin tưởng. Có tánh kiên cường của dòng dõi Hán tộc, tôi đã mím môi chịu đựng mọi nỗi khổ. Có lẽ vì vậy mà tiểu thuyết của tôi đượm một vẻ u sầu, nhưng nỗi u sầu đó không bao giờ làm mờ được tia sáng tin tưởng của tôi. Lòng yêu nhân loại kích thích và cho tôi đủ nghị

lực để chiến đấu với mọi cảnh... » (1)

Ông thích đọc lại truyện Jean Christophe, vì cũng nuôi một lý tưởng như Romain Rolland : cảnh tình dân tộc, truyền niềm tin bừng bừng của mình vào lòng dân tộc để cải tạo quốc gia, xã hội, dù có gây giông tố cũng không ngại.

Cho nên Monsterleet bảo Mao Thuấn là sử gia của cách mạng, còn ông là ca sĩ của cách mạng.

oOo

Ông sinh năm 1905 (2) ở Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, một nơi hẻo lánh miền Tây còn giữ trọn các cổ tục, mà gia đình ông lại là một gia đình địa chủ lớn, rất trọng truyền thống « tam tứ đại đồng đường » : ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, con cháu ở chung với nhau, chịu kỷ luật chặt chẽ của gia trưởng.

Ông bẩm sinh rất đa cảm, âu sầu. Hồi năm sáu tuổi, một hôm người nhà làm thịt một con gà trống lớn mà ông nâng niu, thấy nó đẩy chết, cánh vẫy máu, mắt nhắm lại, đầu gục xuống, ông òa lên khóc.

Ít lâu sau chị vú nuôi ông đau nặng, ông vô phòng thăm, nhìn chị nằm im lìm dưới chiếc mền, ông xúc động không thốt nên lời, lặng lẽ khóc, nước mắt đầm bàn tay của chị.

Những kỷ niệm buồn rầu đó, sau ông kể cả lại trong tập *Diệt vong* hoặc *Thu*.

Tuổi thơ của ông được ít năm sung sướng :

« Hồi nhỏ, tôi yêu mọi người và mọi người yêu tôi... Mỗi buổi tối, trước khi đi ngủ, má tôi gọi tôi và một người nh con chú con bác của tôi lại, dạy

chúng tôi học một bài thơ mà người đã đích thân chép tay lại... Má tôi tận tâm với mọi người và thường giúp đỡ họ mà không nghĩ tới mình. Nhờ lòng tốt của người mà tôi được gia nhân thành thật yêu mến và che chở. Họ yêu và kính ma tôi như người thân của họ. Trong các đêm đông, tình thương của má tôi sưởi ấm lòng của những người xấu số đó. » (3)

Nhưng tới hồi mười tuổi ông mồ côi mẹ rồi hai hay ba năm sau mồ côi cha. Trong khoảng mấy năm đó ông mất thêm một người chị, một người ở gái, bạn nhỏ của ông. Ông bỏ quê hương, từ biệt rừng núi, suối sông, « vượt những núi cao hơn, những biển mênh mông hơn mà lúc nào cũng thấy lòng mình cô độc. »

Năm 1919, cuộc vận động cách mạng văn học đương thịnh, ông 15 tuổi, học ở Nam Kinh, được đọc Emma Goldman (4), Kropotrine và Léon Kampf, một nhà cách mạng Ba-Lan, tác giả kịch *Le Grand Soir*.

Mấy tác giả cách mạng đó đã gây xúc động mạnh mẽ trong lòng ông và suốt đời ông chịu ảnh hưởng của họ, gần bằng chịu ảnh hưởng của mẫu thân.

Trong tập *Sinh chi sám hối* ông viết:

« Trong lòng tôi (...) bừng bừng một ngọn lửa : sống một cách trung thực, yêu một cách trung thành, giúp đỡ mọi người, đó là những dấu vết mà má tôi ghi lại trong lòng tôi. Trong lòng tôi

(1) Theo S.

(2) Có sách chép là tháng 11 năm 1904

(3) Theo S.

(4) Tác giả cuốn *My disillusion with Russia* và bộ *Living my life*.

chỉ có những tiếng đó chứ không có những tiếng "hạnh phúc", "ngủ ngon", "danh vọng".

Và trong bài tựa bản dịch *Le Grand soir* ông bảo kịch đó đã mở một đường sáng mới mẻ, cho ông thấy bi kịch lớn lao của một thế hệ trẻ chiến đấu cho tự do và hạnh phúc của đồng bào. Lầu đầu tiên ông gặp được vị anh hùng trong mộng của mình. Rồi ông nhớ lại cảnh đại gia đình ở Thành Đô mà đâm tõm : quanh năm chỉ những chuyện ganh tị nhau, chèn cựa nhau, cãi lộn nhau giữa anh em chị em cùng sống chung dưới mái nhà của ông nội; họ ăn không ngồi rồi, bới móc nhau và cư xử tàn nhẫn với bọn gia nhân; thực là xấu xa gấp mấy cảnh *Gia đình* Giả Bảo Ngọc trong *Hồng Lâu mộng* của Tào Tuyết Cần.

Vậy là ngay từ hồi 15 tuổi ông đã có chí làm cách mạng. Năm 1927 ông qua Paris học môn Vạn-vật được ít lâu, đổi chí hướng, theo đuổi ngành văn chương. Sau này ông chép lại nỗi vui của ông khi được hít cái không khí của Pháp, xứ mà ông gọi là "quê hương của tự do, của cách mạng, của Rousseau, của Robespierre". Buổi tối ông thường thờ thần lại vuốt ve cái bê lạnh như đá của tượng Rousseau, nhà văn hào mà Tolstoi gọi là « lương tâm của thế kỷ XVIII ». Những lúc đó ông nhớ tới quê hương, nhớ tới bạn bè đương chiến đấu ở Thượng-Hải, nhớ tới di vãng và cảm xúc dào dạt, ông về nhà trọ viết truyện *Diệt vong*, gửi đăng trong *Tiểu-thuyết nguyệt báo*.

Năm 1929, ông về nước, thấy mình đã nổi danh. Từ đó ông hăng hái bước vào nghề viết văn. Trong mười năm, cho tới khi chiến tranh Trung-Nhật

phát, ông sáng tác được khoảng mười hai truyện dài và bốn tập truyện ngắn, lại chủ trương tờ *Văn qui nguyệt san*. Hết chiến tranh, ông đã có tất cả bốn chục tác phẩm. Dưới đây tôi xin ghi ít tác phẩm chính :

Truyện dài :

Diệt vong 1929.

Sa đình 1932 (Người thợ mỏ Sa : antimoine)

Ái tình đích tam bộ khúc : Vụ, Vũ, Lôi, (Mây mù, Mưa, Sấm) 1936.

Kịch lưu tam bộ khúc : Gia, Xuân, Thu 1933 - 1940.

Hỏa : (Lửa) 1940 - 1945

Khế viên (Vườn chơi) 1944

Đệ tứ bệnh thất : (Phòng bệnh số 4) 1946

Hàn dạ : (Đêm lạnh) 1947

Truyện ngắn :

Ba-Kim đoán thiên tiểu thuyết tập 1936.

Trường sinh tháp 1936 (Tháp trường sinh)

Tiểu nhân tiểu sử 1945 (Chuyện vặt của hạng người tầm thường)

Các loại khác :

Ưc (Hồi ký)

Sinh chi sám hối 1936 (Sám hối về đời)

Mộng dữ túy 1933 (Mộng và Say)

Tĩnh dạ đích bi kịch 1948 (Bi kịch trong đêm tĩnh)

Ba đề tài chính của ông là : vận động cách mạng ; chống lại ái tình ; đảo chế độ đại gia đình. Nhân vật chính hầu hết là thanh niên.

Cuốn *Diệt vong* dùng đề tài thứ nhất. *Đồ Đại Tâm* cũng đa cảm như tác giả

trông thấy gà chết thì khóc, và cũng sớm mồ côi mẹ. Trong một năm thất mùa, chàng thấy tất cả cảnh rừng rợn của bọn người chết đói : người ta đào những cái hố rộng và sâu rồi liệng thây họ xuống hố, « lúc nhúc như bầy ròi ».

Lớn lên chàng yêu một cô em trong họ, nhưng cô này vâng lệnh cha mẹ, kết duyên với một người khác. Chàng đau khổ, lại Thượng-Hải hoạt động cách mạng, ít năm sau gặp lại cô ta, lúc này đã góa chồng. Cô xin lỗi chàng, năn nỉ chàng nối lại tình xưa, chàng đáp : « Không, tôi không thể yêu cô được nữa. Tôi không còn tấm lòng yêu hồi trước nữa. Lòng tôi bây giờ không thể yêu ai được nữa, cũng không thể được ai yêu nữa ».

Chàng muốn hy sinh cho cách mạng, chỉ yêu những kẻ nghèo khổ và chiến đấu cho họ thôi. Chàng bảo : « Những kẻ xây dựng hạnh phúc của mình trên sự đau khổ của người khác, thì phải diệt cho hết ».

Trong một tai nạn xe hơi Đỗ Đại Tâm gặp Lý Lĩnh và cô em là Lý Tinh Thúc. Họ sinh trong một gia đình tư sản, nhưng nhiễm tinh thần cách mạng của Đỗ. Cô em mê chàng liền.

Một đồng chí và bạn thân của Đỗ bị công an bắt rồi xử tử. Đỗ quyết tâm ám sát viên Giám đốc Công an để trả thù cho bạn. Lý tinh Thúc can : « Chúng ta đều là nạn nhân của xã hội... Không ai có quyền giết ai. Ai chẳng do xương thịt máu mủ cha mẹ sinh ra ? Ai chẳng có cha mẹ, anh em chị em như chúng ta ? Những kẻ đó có tội gì ?... Thôi anh Đại Tâm à, nghe em đi, đừng diễn lại cái

bi kịch báo thù, cái bi kịch ăn miếng trả miếng đó nữa. »

Nhưng chàng không nghe mặc dầu rất yêu nàng. Trước khi thi hành thủ đoạn ám sát viên Giám đốc Công an, chàng để lại một bài thơ (vì chàng là một thi sĩ, viết báo cho Đảng) mà đoạn cuối có nghĩa như sau :

« Có ai thấy ở thời nào, ở nước nào mà người ta không phải hy sinh cũng giành lại được tự do không ?

Tôi sẽ chết cho những bạn bị áp bức tức là những người tôi yêu quý nhất : tôi biết rằng tôi có thể hy sinh cho các bạn ấy được và tôi sẽ hy sinh ».

Kết cục : Đỗ Đại Tâm chết mà viên Giám đốc Công an chỉ bị thương nhẹ. Sau hai anh em Lý Tinh Thúc tiếp tục công việc của Đại Tâm trong cuộc vận động Ngũ táp và ta thấy họ xuất hiện lại trong cuốn *Tân Sinh* (1932).

Truyện đó là truyện đầu tay của Ba Kim, kỹ thuật còn non, nhưng vào năm 1929 đã khá hơn nhiều cuốn khác, chẳng hạn của Trương Quang Từ. Văn ít màu sắc, tuy thành thật, cảm động, nhân vật kém sinh động; nhiều đoạn nét đậm quá, tàn nhẫn rừng rợn như đoạn cuối tả tính tình của viên Giám đốc Công an :

Hắn thoát chết, nổi giận, buộc tội viên Chủ tịch Nghiệp đoàn công nhân âm mưu hãm hại hắn, bắt phải nộp cho hắn nửa triệu bạc mới được phóng thích. Rồi hắn khoe rằng nhờ viên đạ của Đỗ Đại Tâm mà hắn có được thêm nửa triệu bạc, mua thêm được mấy cô hầu non và nhiều châu bảo ; trong khi đó thủ cấp của Đại Tâm bêu ở một cột đèn trong thành phố bắt đầu chảy nước, làm cho ai qua đó cũng phải bịt mũi.

oOo

Trong bộ *Ái tình đích tam bộ khúc*, ông khai thác đề tài thứ nhì : một số thanh niên rần chống lại với ái tình, họ ray rứt về sự mâu thuẫn giữa cách mạng và ái tình, giữa bốn phận và hạnh phúc cá nhân.

Bộ gồm ba phần : *Vu*, *Vũ* và *Lôi* ; giữa *Vũ* và *Lôi* có một lớp phụ, ngắn nhan đề là *Điện*.

Ba nhân vật chính tiêu biểu cho ba hạng thanh niên làm cách mạng :

Chu Như Thủy : nhu nhược (như nước : Như Thủy), do dự, không tự quyết đoán được.

Trần Châu : cương quyết, cố chấp.

Ngô Nhân Dân : hăng hái, nóng nảy nhưng lãng mạn, mâu thuẫn.

Trong *Vu*, Chu Như Thủy, mới du học ở Nhật về, bàn về đường lối cách mạng để cứu quốc với Trần và Ngô. Chưa kịp hoạt động thì chàng yêu một thiếu nữ, Trương Nhược Lan, nhưng vì có vợ rồi, chàng có mặc cảm có tội lỗi, thành thử bỏ lỡ cơ hội với Trương, một nhân vật lãng mạn, tha thiết, sẵn sàng hy sinh tất cả cho người yêu. Khi hay tin vợ chết ở quê nhà, Chu lại càng hối hận hơn nữa.

Trần, trái lại, rất khinh các nữ đồng chí, cho họ toàn là bọn « tiểu tư sản », không làm cách mạng được. Vậy không khí trong phần đầu đó còn như sương mù, các nhân vật chưa hoạt động gì cả.

Qua phần giữa, *Vũ*, không hiểu tại sao tác giả cho Trần Châu — một nhân vật ta tưởng rằng sẽ oanh liệt lắm — chết trong một tai nạn xe hơi (cũng lại tai nạn xe hơi), còn lại Chu và Ngô.

Chu lại yêu một thiếu nữ nữa, Lý

Bội Châu, đưa cho nàng nhiều truyền đơn cách mạng ; đọc truyền đơn, nàng « bùng tỉnh », cho ái tình là tầm thường và thấy không thể yêu Chu được. Chu thất vọng, Ngô đã không an ủi thì thôi, lại si nhục chàng, bảo : « Mày nên đâm đầu xuống sông Hoàng-Hà mà chết phứt đi, đừng để cái đời vô nghĩa lý của mày làm nhục nhân loại ». Và Chu đâm đầu xuống sông thật.

Nhưng chính Ngô cũng chẳng anh hùng gì. Chàng có mặc cảm tội lỗi rằng mình còn yêu những tư tưởng tự do. Một đêm chàng nằm mộng thấy xuống địa ngục, gặp nhiều kẻ bị quỷ sứ hành hạ ghê gớm chỉ vì cái tội « tư tưởng tự do ». Tỉnh dậy chàng toát mồ hôi, tởm cho cái đời tiểu tư sản của mình sống sang trọng mà chỉ làm cách mạng bằng miệng.

Mới góa vợ, chàng đã yêu ngay hai nàng : một nàng làm vợ một công chức có quyền hành, sau tự tử ; một nàng nữa ho lao nặng. Chàng muốn hy sinh để cứu cô bạn ho lao, nhưng một đồng chí ngăn cản : hy sinh cho người đẹp như vậy là có tội, phải hy sinh cho cách mạng mới xứng đáng làm người. Ở nhà đồng chí đó ra về, Ngô đi dưới trận mưa, và nước mưa xối xả trên người chàng, gột hết được những tư tưởng tiểu tư sản của chàng.

Trong phần cuối, *Lôi*, Ngô cùng với Lý Bội Châu và nhiều đồng chí khác bỏ Thượng Hải, lại Phúc Kiến để chống bọn độc tài. Họ hô hào quần chúng nổi dậy : nhiều người trong bọn bị bắt và bị tra tấn tàn nhẫn. Tác giả, vì thiếu kinh nghiệm cách mạng, nên tuy rần tả những cảnh đó mà không gây được chút rung động nào trong lòng độc giả. Và không hiểu tại sao ông trở lại vấn đề cách

mạng và ái tình nữa. Một đồng chí mới vô đảng, hỏi Ngô : « Em hỏi anh nhé, bọn chúng mình có thể yêu... nghĩa là có thể yêu như mọi người được không ? Chúng ta có quyền đó không ? Các anh ấy bảo yêu có thể hại cho công việc, có thể cản trở công cuộc cách mạng. Anh đừng cười em... Em chưa... giải quyết được vấn đề đó... đã từ lâu em muốn hỏi ý anh. »

Ngô lúc này mới được hưởng những phút vui với Lý Bội Châu, trả lời liền : « Sao em lại nghi ngờ điều đó ? Hạnh phúc của cá nhân đâu có nhất thiết xung đột với hạnh phúc của đại chúng. Yêu đâu phải là một cái tội. Về điểm đó, chúng ta cũng như mọi người, chứ khác gì ».

Tác giả chỉ muốn tỏ ra rằng Ngô vẫn chưa gột được hết tư tưởng tiểu tư sản của mình, lỗi không phải ở Ngô mà ở chế độ. Nhưng như vậy, hơi mất ý nghĩa của nhan đề : (*Lôi : sấm sét*).

Tác phẩm không đặc sắc : tâm lý nhân vật không đào sâu, không tự nhiên, không gần sự thật. Nhiều đoạn có giọng sáo.

oOo

Thành công nhất là bộ *Kích lưu tam bộ khúc* (1), dày trên 1300 trang, gồm ba cuốn : *Gia*, *Xuân* và *Thu*. Trong bài *Tựa* cho toàn bộ, viết năm 1931, ông cho rằng đời người như giòng thác (kích lưu) cuộn cuộn chảy hoài, không khi nào ngừng mà cũng không có cách gì ngăn cản được nó. Trên dòng đời đó, có yêu, có hận, có vui, có khổ, tất cả đều đưa tới bề, nhưng bề đó là cái gì không ai biết.

Rồi ông lại bảo : « Có người cho rằng vốn không có sẵn đường đi, vì có nhiều người đi rồi mới thành đường. Có người lại nói vì có sẵn đường rồi cho nên mới có người đi. Tôi không muốn phán đoán ai phải ai trái. Tôi hãy còn trẻ, tôi muốn sống, tôi muốn chinh phục đời sống. Tôi biết rằng cái dòng thác của sinh hoạt không thể ngăn lại được, thử xem nó sẽ đưa tôi tới nơi nào. »

Vậy thì cơ hồ khi viết bộ đó, ông chưa thực cương quyết chống lại hủ tục, chống lại đại gia đình ; ông chỉ nghĩ rằng thời đại đã thay đổi, thì chống lại với cái mới là vô ích, vì không ai ngăn cản được dòng thác của đời sống. Nhưng khi đọc trọn bộ ta thấy lòng căm phẫn của ông đối với đại gia đình thật rõ rệt, ông muốn đả phá nó ; ông không chịu được sự áp bức của nó, mà muốn thoát li nó. Lời la hét của Giác Dân — một nhân vật trẻ trong truyện — trước mặt các ông chú ông bác ở cuối cuốn *Thu* chính là lời phản kháng của ông :

« Tôi không hiểu được cái gì là gia trưởng ! Tôi chỉ hiểu được cái tôi thôi. Chỉ có tôi là có thể cai quản được tôi thôi ».

Sự phản kháng đại gia đình đó gần như xảy ra cùng một lúc với sự phản kháng của nhóm Tự-lực Văn-đoàn (Khái Hưng, Nhất Linh) ở bên ta, nhưng có giọng mạnh mẽ hơn, một phần cũng vì chế độ đại gia đình bên Trung-Hoa cổ hủ hơn, áp bức cá nhân hơn bên ta.

Ông nổi danh là tiểu thuyết gia của gia đình nhờ bộ ấy. Ông dùng những hồi ký cảm xúc thừa nhỏ, nên tác phẩm sinh

(1) Nhà xuất bản Nam Quốc ở Hương Cảng đã tái bản năm 1965.

động, gần sự thực hơn những tác phẩm trên.

Không rõ khi viết, ông có nghĩ tới *Hồng lâu mộng* không, mà tác phẩm gần như có tính cách đề đối chiếu với *Hồng lâu mộng*. Cách nhau non hai trăm năm hai gia đình của Tào Tuyết Cần và Lý Phế Cam có những nét, những tục rất giống nhau : đều là đại địa chủ — Gia đình của Tào có phần vinh hiển hơn — đều ba bốn đời ở chung với nhau, đều nuôi rất nhiều gia nhân, đều có một bà nội hiền lương, những cậu, những cô ăn không ngồi rồi, tàn nhẫn với người ở ; là chỉ khác thanh niên trong gia đình họ Tào tài hoa lãng mạn hơn nhiều.

Nhưng trong *Hồng-Lâu-mộng* chế độ đại gia đình còn vững ; còn trong *Kịch lưu tam bộ khúc* chế độ đó đã bắt đầu lung lay vì những tư tưởng mới của phương Tây (1).

Tác giả đề hết cả tâm trí vào tác phẩm. Trong một bức thư cho bạn ông bảo : « Tác phẩm này làm khổ tôi, làm tôi giảm thọ mất vài năm ». Ông rón đào sâu lòng người, làm sống lại những người đã chết. Ông « tự rạch tim » ông ra. Đêm nào ông cũng thức đến ba bốn giờ khuya để viết, và khi nằm xuống, mới chợp mắt là thấy những bóng ma hiện lên (trong bài tựa tập *Thu*) Ông đã bỏ ra bảy tám năm để hoàn thành tác phẩm : cuốn *Gia*, in năm 1933, cuốn *Xuân* in năm 1938 và hai năm sau in nốt cuốn *Thu* ; toàn bộ dày trên 1.750 trang. Có nhiều đoạn ta có thể cho là rườm, nhưng chủ ý của ông là ghi lại một cách trung thực tâm trạng, cử chỉ, hành động của mọi nhân vật.

Truyện là một bi kịch giữa thế hệ già và trẻ. Bọn trẻ muốn chống lại cổ tục và sống một đời sống mới, nhưng

hậu quả chỉ là chết chóc và đau thương.

Bọn trẻ gồm ba anh em họ Cao : Cao Giác Tân, Cao Giác Dân, Cao Giác Tuệ, một cô em gái Thục Hoa, và vài cô em họ Cầm, Thục Anh. Còn nhiều thanh niên nữa nhưng họ nhỏ tuổi hơn không có tinh thần chống đối và nhẫn nhục chịu đau khổ rồi chết. Tác giả chép hết bi kịch này tới bi kịch khác, mà bi kịch nào cũng do tục lệ cha mẹ bảo gì nghe nấy, con cái không được cãi lại.

Giác Tân là anh cả, tốt bụng, đa cảm, thường bênh vực, chống đỡ cho các em và cố giữ hòa khí trong gia đình. Chàng yêu một cô em họ, Mai, nhưng cha mẹ không cho cưới ; Mai buồn rầu rồi chết vì bệnh lao. Vợ chàng có mang, đau ; chàng cũng không dám cãi lời người trên, để các thầy lang chữa bậy bạ, rồi cuộc vợ chết.

Người thứ nhì là Giác Dân, tính tình cương quyết hơn một chút, thỉnh thoảng cũng dám làm trái ý ông bà. Chàng yêu một cô em họ, Cầm, mặc dầu gia đình cấm đoán.

Người thứ ba, Giác Tuệ, chính là tác giả : cương quyết hơn cả, bướng bỉnh, thường cãi lại người trên. Một nữ tì, trẻ, đẹp, tên là Minh Phương rất yêu chàng, nhưng gia đình ép gả nàng cho một lão già gian hùng. Đêm trước ngày cưới, nàng vô phòng của chàng, muốn xin chàng cứu vớt, nhưng thấy chàng mãi mê đọc sách, không nghĩ gì tới mình, tủi thân, đâm đầu xuống giếng. Chàng hối hận và giận

(1) Nên so sánh thêm với cuốn *Bonne terre* của P. Buck : bi kịch trong tác phẩm của Ba Kim mạnh hơn.

nhà, bỏ ra đi, lại Thượng-Hải học và làm cách mạng.

Tới đó hết phần đầu : *Gia*.

Trong phần giữa : *Xuân*, Giác Dân vẫn yêu Cầm, và ừ khi em ra đi, chàng tỏ vẻ quyết liệt hơn, cũng muốn làm cách mạng Giác Tân, sau khi vợ chết rồi con chết, yêu một cô em họ khác : Huệ, nhưng rồi Huệ cũng phải lấy một người chồng tàn nhẫn, rồi chết. Một cô em họ khác, Thúc Anh cũng bị ép gả cho một tên hèn hạ. Nàng can đảm trốn khỏi nhà với người yêu lên Thượng Hải tìm Giác Tuệ ; nhưng giữa đường thì người yêu của nàng chết vì bệnh lao. Toàn những cảnh ép gả và chết chóc.

Qua phần cuối : *Thu*, ngọn bút của Ba Kim bớt hẳn học. Ông nhận thấy mấy người lớn trong gia đình cũng có điểm tốt : họ nghiêm khắc, nhưng cũng có chút tinh thần Khổng học, đôi khi cũng ngay thẳng, cũng biết thương người.

Mặc dầu vậy, truyện cũng kết thúc bằng sự tan rã của đại gia đình, sự phản kháng quyết liệt của thế hệ trẻ đối với thế hệ già.

Gia đình họ Cao càng ngày càng suy: các ông chú ông bác ra ở riêng với các cô vợ bé làm nghề ca nhi. Họ đòi bán nhà để chia gia tài. Trong cảnh đó, Giác Dân và em gái là Thục Hoa thường chống lại họ. Thục Hoa lúc này đi lớn và đánh đá, không sợ các ông chú bà thím nữa. Trong hai phần trên, mỗi khi bị áp bức, mấy anh em còn chịu nhịn ; bây giờ họ cãi lại.

Một lần Giác Dân, uất hận quá, mắng thẳng vào mặt các ông chú, Khắc An, Khắc Định, vạch hết bao nhiêu

tội lỗi, hành vi xấu xa, tàn nhẫn của họ ra, như bao kỹ nữ, nghiện thuốc phiện, độc đoán với các cháu, làm cho mấy người trong nhà chết oan, rồi phá tán gia sản của tổ tiên để lại...

Bao nhiêu nỗi căm hờn chất chứa trong lòng, Giác Dân trút ra hết, giọng hỗn xược, vẻ mặt khiêu khích, Nói xong, chàng cùng với Thục Hoa bỏ đi. Khắc An và Khắc Định, giận tím mặt mà không thốt ra được một lời nào cả vì những lời trách mắng của cháu đúng quá.

Một lát sau, Khắc Định quay lại, thấy Giác Tân (anh Giác Dân) đứng gần đó, mới thu hết can đảm, đề vót vát chút thẻ điện, mắng Giác Tân:

« Minh Hiên — tên hiệu của Giác Tân — mày có nghe em mày nói gì đấy không ? Nó còn nhỏ tuổi, không biết gì cả, tao không thêm nói với nó. Mày là anh nó, mày phải chịu trách nhiệm thay nó ».

Khắc Định cũng nói thêm vô :

« Thăng Hai — trở Giác Dân — đã làm nhục bậc tôn trưởng, phải áp dụng gia pháp mới xong ».

Họ bắt Giác Tân phải biện lễ tạ tội họ và xin hứa từ nay phải dạy em, bắt em nghe lời họ, không để xảy ra những chuyện như vậy nữa.

Vương thị xen vô, uy hiếp thêm Giác Tân :

« Không được, như vậy nhẹ quá. Anh cả và bác gái (mẹ Giác Tân) đều phải làm lễ tạ tội và phải nọc thăng Hai (tức Giác Dân) mà đánh một trận mới được »

Giác Tân nhịn không nổi, ngừng đầu lên đáp lại :

« Tôi không làm như vậy được. (...) Nếu vậy thì phải áp dụng gia pháp nào để trừng trị chú Tư (tức Khắc An), chú đã lờ mắng chửi mẹ tôi ? »

Khắc An, Khắc Định và Vương Thị không ngờ Giác Tân trả lời như vậy, nín thinh. Họ tự cho rằng biết rõ tính Giác Tân, có thể xỏ mũi chàng được, có ngờ đâu đứa cháu rất nhu nhược đó bây giờ lại dám phản kháng lại họ.

Trần Di Thái đứng ở bên, đỡ lời cho Khắc An :

« Anh cả, anh đề ý đến chuyện đó làm gì, chú Tư đâu có cố ý làm nhục má anh, chú ấy vô tâm đấy. »

Giác Tân nuốt lệ, nói vung lên :

— Hữu tâm hay vô tâm thì tôi cũng chịu hết rồi ! Tôi đã phải trả tồn khoản cho các ông các bà, trả cổ phiếu cho các ông các bà, cung cấp cổ quan tài cho đứa ở gái của các ông các bà, tôi đã xuất tiền ra để thuê người ta vớt xác con gái của các ông các bà ở dưới giếng lên mà các ông các bà làm cho gia đình tôi, nhà tan người mất, các ông các bà giết vợ tôi, đuổi em tôi, như vậy chưa đủ sao ? Tôi không sợ các ông các bà đâu, sớm muộn gì tôi cũng sẽ chết, không ai sống tới hai kiếp, thà tôi dùng cái cái kiếp này để chống với các ông các bà ! Tôi quyết không làm cái gì thẹn mặt cha mẹ tôi một lần nữa đâu ! »

« Rồi chẳng đề ý tới ai cả, chán ? quay đi, chạy lại phía cầu thang ». (1)

oOo

Truyện « gần nổi tiếng nhất của » Ba Kim là truyện Cầu (chó) tả tâm trạng một gã cùng đinh Trung-Hoa ngày ngày lang thang trên hè phố Thượng Hải, thấy một con chó tây

mập lù, và lông mượt được bà chủ người Âu nâng niu, mà đêm đêm về ngủ trong một tòa miếu bỏ hoang, mơ tưởng được làm kiếp chó cho người da trắng. Giọng mỉa mai cay độc, rõ ràng là phản đế.

Ngoài ra Ba Kim trong giai đoạn này còn dịch ít sách ngoại quốc, nhưng ông không lựa những tác phẩm có nghệ thuật, chỉ dịch những cuốn về cách mạng như của Kropotkin, Pushkin, Herzen, Vera Figner, Gorky...

oOo

Ba Kim không khéo xây dựng truyện, không chịu xếp đặt chi tiết tác phẩm của ông như những hình làm bằng mảnh chén chấp lại ; nhiều chi tiết rườm, nhiều đối thoại quá dài, làm cho ta lăm khi thấy chán. Văn ông thỉnh thoảng có đoạn cuồn cuộn, nhưng bình thường thì như dòng nước lặng lẽ, uốn khúc. Ít hình ảnh, không tô chuốt như văn Mao Thuấn, không có hương vị như văn Lão Xá, chỉ sáng sủa và trong trẻo thôi.

Chính ông cũng tự nhận như vậy :

« Tôi thiếu bản chất một nghệ sĩ. Tôi không thể xây dựng một truyện dài cho thành một nghệ phẩm được. Khi viết, tôi quên cả tôi đi mà thành một dụng cụ (...) Như có ai quất vào tim tôi ; nó hồi hộp, nó đập mạnh và tay tôi lia lịa. đưa trên tờ giấy, tôi không kiểm soát nổi nó. Có biết bao người như đưa ngòi bút của tôi, bắt nó diễn nỗi đau khổ của họ (...) Bạn nghĩ rằng tôi còn có thể chú ý tới hình thức, tới tình tiết, tới phép phối cảnh được ư ? Nhưng tôi còn là tôi nữa đâu. Có một sức gì lôi cuốn tôi, bắt tôi tìm sự thỏa

(1) Theo S.

mẫn trong việc "sản xuất cho thật nhiều », Tôi không sao chống lại sức thúc đẩy đó được, và lâu thành thói quen rồi » (1).

Quả thật là ông "sản xuất" mạnh, quá chú trọng tới lượng. Trong số bốn chục sáng tác của ông, sau này may ra còn lại vài ba, nhưng ông đã đạt

được mục đích làm tiếng loa cho cách mạng ; và thanh niên rất ham đọc ông một phần vì ông diễn được những thắc mắc của họ, gần như viết riêng cho họ ; một phần vì văn ông dễ đọc, giọng ông thành thực.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(1) Theo C.F.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Herbert Marcuse

tiên tri của người sinh viên nổi loạn

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

Từ vài ba năm nay, người ta thường nghe nói tới H. Marcuse. Tên tuổi của ông được gắn liền với những cuộc biểu tình, đình công và thảo luận sôi nổi giữa giới sinh viên. Một người ở California (Mỹ) đã nghĩ ra khẩu hiệu lý thú sau đây : *Ba ông M : Marx, thượng đế, — Marcuse, dẫn tiên tri — Mao, lưỡi gươm chính phạt của Người*». Khẩu hiệu trên không hoàn toàn đúng (như chúng ta sẽ thấy sau), vì tư tưởng của Marcuse không giống tư tưởng nguyên thủy của Marx, lại càng không giống tư tưởng các lý thuyết gia chính thống tại các nước cộng sản hiện nay. Nhưng nó có công dụng đập mạnh vào trí tưởng tượng của người nghe và bảo họ phải hướng mắt về chân trời nào để tìm ngôi sao Marcuse mới xuất hiện...

Nói mới xuất hiện, không ngụ ý : Marcuse là một tư tưởng gia còn trẻ. Năm nay ông đã 71 tuổi (1). Tư tưởng căn bản của ông đã thành hình từ lâu. Nhưng phải tới những năm mới đây, người ta mới biết đến ông, nhờ giới sinh viên và thanh niên khuynh tả. Marcuse đã diễn tả bằng ý niệm những điều mà giới trẻ ở các nước kỹ nghệ tân tiến hiện nay đang thực nghiệm bằng tình cảm. Đó là một tâm trạng bất an, khó chịu chính vì xã hội quá sung túc. Cho nên họ nghĩ phải lật đổ chế độ xã hội hiện hành, mặc dù còn mơ hồ không biết phải thay thế bằng

chế độ nào. Điều chắc chắn là xã hội mai sau đã đành là một xã hội không tư bản, nhưng cũng không phải là một xã hội cộng sản theo kiểu Liên-xô hay Trung-cộng. Chính Marcuse cũng không thể nói rõ hơn. Và đó có lẽ là nhược điểm lớn nhất của thầy trò ông !

*Marcuse phê bình
xã hội kỹ nghệ tân tiến
như thế nào ?*

Karl Marx đã phân tách xã hội thế kỷ XIX là một xã hội đang ở giai đoạn kỹ nghệ hóa. Kỹ nghệ đã đẻ ra hai giai cấp : giai cấp tư bản bóc lột và giai cấp thợ thuyền, càng sản xuất bao nhiêu càng bị vong thân bấy nhiêu. Chế độ tư-bản nhất thiết phải dẫn tới đầu tư ; nghĩa là số vốn để khai thác càng ngày càng tập trung vào một số ít người hơn (những đại tư bản). Song song với việc đầu tư, giai cấp thợ thuyền càng ngày càng thêm đông đảo và nghèo khổ. Cho đến một

(1) H. Marcuse sinh năm 1898, tại Berlin (Đức). Là đảng viên Đảng Xã-hội, cho đến khi bà Rosa Luxemburg, một lãnh tụ quan trọng của Đảng, bị ám sát (1919). Học và làm luận án triết học với Heidegger. Từ năm 1934, dạy học ở Hoa-kỳ. Sau đây là vài tác phẩm : *Reason and Revolution*, Londres 1941 ; *Eros and civilization*, Boston 1955 ; *One-Dimensional Man*, Boston 1964 ; *Das Ende der Utopie*, Berlin 1967.

lúc nào đó, thì đòn cân sẽ lật ngược lại : chế độ tư bản nhường chỗ cho chế độ xã hội.

Như thế, chính giai cấp thợ thuyền là giai cấp cách mạng : chính giai cấp thợ thuyền là niềm hy vọng của loài người. Bởi vậy, theo Marx, ở những xã hội chưa được kỹ nghệ hóa, nghĩa là chưa có giai cấp thợ thuyền, thì chưa thể có cách mạng. Người ta biết Lenin và Mao-trạch-Đông đã "sửa đổi" lý thuyết trên như thế nào. Cách mạng Nga và cách mạng Tàu không dựa trên những điều kiện khách quan mà Marx đã mô tả, nhưng dựa trên giai cấp nông dân.

Nhưng những phân tích và phỏng đoán của Karl Marx còn tỏ ra sai lầm ở một điểm khác quan hệ hơn. Chế độ tư bản chẳng những đã không sụp đổ, trái lại đã tìm được cách nâng cao đời sống thợ thuyền lên đến mức độ rất cao, nhất là ở những nước tân tiến như Hoa-kỳ. Và đây là chỗ Marcuse nghĩ cần phải sửa đổi và bổ túc cho lý thuyết của Marx.

Xã hội kỹ thuật tân tiến là một xã hội trong đó tất cả mọi bình diện cuộc sống và thực tại đều được tổ chức theo lý trí (*raison, rationalité*). Vì thế đó là một xã hội rất có hiệu quả (*efficace*). Nhưng mỉa mai thay, chính trong xã hội đó, mà con người đã đánh mất tự do, tuy bề ngoài vẫn tưởng rằng mình sống rất tự do !

Thử nhìn vào đời sống của con người trong xã hội sung túc. Họ có xe hơi, máy lạnh, máy truyền hình... ; họ được rộng quyền tự do ăn nói, hội họp, đi lại v.v. ; họ có phương tiện thỏa mãn nhiều nhu cầu. Nhưng đó là những nhu cầu được hướng dẫn bởi quyền lợi riêng của một nhóm người, của

chế độ (tư bản). Và cách thức thỏa mãn nhu cầu cũng không tùy thuộc ở cá nhân. Kỹ thuật đã tìm cách tạo nên một lối suy tư và phản ứng *độc chiều* (*unidimensionnel*) nơi quần chúng. Hiện tượng đó áp dụng cho tất cả mọi địa hạt : chính trị, kinh tế, văn chương nghệ thuật, sở thích, thời trang v.v. Có một sự kiện mới mẻ mà Marx không nghĩ đến (và không thể nghĩ đến) là ; trật tự xã hội (tư bản) hiện nay đã dung nạp (*intégrer*) được giai cấp thợ thuyền, thu hút họ hòa đồng với chế độ. Sự mâu thuẫn giữa cá nhân và chế độ hầu như không còn nữa. Hay nói đúng hơn, mâu thuẫn đã được chấp nhận ; cá nhân không cảm thấy sự đàn áp của xã hội, vì không coi đó là một cái gì từ ngoài hay từ trên đem tới, trái lại cá nhân tự đồng hóa với nó và tìm được thỏa thích trong việc đồng hóa ấy.

Để tóm tắt, chúng tôi xin nhấn mạnh hai điểm.

1/ Xã hội kỹ thuật hiện nay có khuynh hướng độc tài (*totalitarisme*). H. Marcuse viết :

"Không phải chỉ có những tổ chức chính trị đồng nhất (*uniforme*) và bạo động (tạm dịch chữ *terroriste*), mới gọi được là độc tài. Độc tài cũng áp dụng cho một tổ chức kinh tế không tàn bạo, nhưng nhân danh một thứ công ích giả dối để điều khiển nhu cầu của con người một cách xảo quyết tinh vi. » (*One-dimensional Man*)

2/ Trong xã hội sung túc, vẫn còn hai giai cấp tư bản và thợ thuyền, nhưng cơ cấu và vai trò của chúng đã thay đổi. Giai cấp thứ nhất không nhất thiết là giai cấp "tự đào huyệt

chôn mình » ; còn giai cấp thứ hai, nó không còn là giai cấp cách mạng nữa.

Các chế độ cộng sản hiện nay như thế nào ?

Marcuse phê bình gặt gao chế độ tư bản, nhưng đồng thời cũng rất nghiêm khắc đối với các chế độ xã hội hiện hành.

Hãy nghe ông giải đáp thắc mắc của một thính giả, trong cuộc hội thảo với sinh viên Bá-linh năm 1967 : « Đồng hóa xã hội Liên xô với xã hội tư bản, dưới nhãn hiệu « xã hội kỹ nghệ », là một điều quá đáng, vì khuynh hướng căn bản của hai xã hội ấy không giống nhau. Tuy nhiên hiện nay người ta nhận thấy có sự cộng tác giữa Nga-sô và Hoa-kỳ. Không thể coi việc cộng tác này chỉ là một chính sách tạm thời, do nhu cầu cụ thể tạo nên. Hình như nó dựa trên lý thuyết cho rằng đứng trước những nước nghèo và đối lập với chúng, thì các nước giàu cùng có một số quyền lợi chung ... » (*Das Ende der Utopie*). Ông nói tiếp : không gì khó khăn cho bằng giải thích cho người Mỹ hiểu rằng « những sự việc đang xảy ra ở Liên-xô không đáng gì đến chủ nghĩa xã hội »

Cách mạng cộng sản tuy có đem lại một sự thay đổi so với xã hội tư bản, nhưng đó chỉ là một thay đổi về lượng, chứ chưa phải về phẩm. Con người vẫn còn nô lệ dụng cụ sản xuất, nô lệ Chính phủ và Đảng. Và bộ máy cai trị xem chừng còn lâu lắm mới tan biến để nhường chỗ cho một thay đổi về phẩm.

Marcuse thừa biết rằng công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa phải trải qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn giới vô sản nắm

chính quyền. Mọi phương tiện sản xuất là của chung nhân dân. Nhưng của cải tiêu thụ chưa được phân chia một cách công bằng (1), bởi vì mỗi người chỉ được nhận lãnh tùy theo việc làm của mình, (mà ai cũng biết khả năng của mỗi người không giống nhau : kẻ mạnh, người yếu ; kẻ độc thân, người có vợ con, gia đình...) Trong giai đoạn này, chính phủ có phận sự điều hành và bảo đảm trật tự pháp lý.

Trong giai đoạn sau, « mỗi người sẽ làm việc theo khả năng, và nhận lãnh theo nhu cầu của mình » (Marx) và vai trò chính phủ sẽ trở nên vô dụng.

Marcuse phê bình các nhà lãnh tụ cộng sản hiện nay duy trì mãi giai đoạn thứ nhất và không tạo điều kiện cho giai đoạn thứ hai ngay trong giai đoạn đầu. Với đà tiến hiện tại, người ta không hiểu làm sao có thể tiến tới xã hội cộng sản lý tưởng của Marx được! Cũng không lạ : đảng Cộng sản Nga-sô và Tây-Âu đang xích lại gần Đảng Xã hội. Chúng không còn đủ sức huy động tinh thần cách mạng nữa. Marcuse không trực tiếp bàn tới đảng Cộng sản Trung-hoa, nhưng chắc chắn ông có thiện cảm với Tàu hơn với Nga. Chẳng hạn lý thuyết *cách mạng liên tục* và chủ trương *lấy ý chỉ con người thẳng điều kiện khách quan của Mao*, là những điều có thể cắt nghĩa mỗi thiện cảm này.

Ai sẽ làm cách mạng ?

Marcuse cho rằng kỹ nghệ đã tạo đủ điều kiện để xây dựng một xã hội hạnh phúc, nhưng người ta không biết xử dụng nó, vì cảm thấy thỏa mãn rồi.

(1) Công bằng tuy có, nhưng chỉ là công bằng hình thức, công bằng trên lý thuyết.

« Chế độ » áp dụng chính sách áp bức khôn khéo, đến nỗi làm cho người bị áp bức có cảm tưởng sống tự do hơn bao giờ. Lấy tỉ dụ : cách quảng cáo hiện nay dựa trên tính dục của con người ; bề ngoài ai cũng tưởng đời sống trở nên phóng túng, tự do, nhưng thật ra càng ngày nó càng trở nên nghèo nàn (1).

Vậy thì chỉ còn thiếu số những người bất mãn trong cái xã hội sung túc đó, mới có thể làm cách mạng, lật đổ trật tự hiện hành. Đó là : thanh niên và trí thức, những người da đen (ở Mỹ) và một số người trong giai cấp vô sản ở Tây-Âu. Họ là những hạng người chưa bị « chế độ » đồng hóa. Marcuse nhận định về phong trào *Hippies* và *Beatniks*:

« Dù sao đó cũng là một hiện tượng đáng đề ý. Có thể cắt nghĩa cách đơn sơ : đó là từ chối những ân huệ của xã hội sung túc. Như thế đã là thay đổi nhu cầu, — thay đổi về phẩm. Người ta không có nhu cầu dùng những máy truyền hình tốt hơn, những xe hơi tốt hơn, hay là bất cứ tiện nghi nào, trái lại người ta phủ nhận nhu cầu ấy. » (*Das Ende der Utopie*).

Marcuse hy vọng với thái độ chống đối của thanh niên và trí thức, xã hội sẽ tỉnh thức và lựa cách mạng sẽ bùng dậy ở các nước kỹ nghệ tân tiến. Còn ở các nước chậm tiến, vì giai cấp vô sản chưa bị đồng hóa, nên nó vẫn còn là động cơ chính của cách mạng.

Thực hiện xã hội hạnh phúc

Marcuse mơ ước một xã hội bình an và hạnh phúc, trong đó không còn chiến tranh, không còn độc tài, không còn kỳ thị chủng tộc, không còn nghèo khổ và áp bức nữa. Trong xã hội ấy cố nhiên

sẽ còn có tranh chấp, nhưng chúng sẽ được giải quyết mà không dùng tới bạo động và áp bức (2).

Nhưng làm thế nào thực hiện xã hội đó ? Bằng cách mạng, đã đành. Nhưng cũng chưa đủ ; lật đổ rồi, còn phải xây dựng những cơ cấu cụ thể. Về điểm này, Marcuse cũng như đồ đệ của ông, tỏ ra rất lúng túng. Và cũng chính ở điểm này mà người ta thấy rõ tính cách không tưởng (*utopique*) và lãng mạn của lý thuyết ông. Cũng như phái lãng mạn thế kỷ XIX, ông chủ trương chống đối nhưng không có chương trình hoạt động cụ thể : hành động dường như chỉ tựa trên tình cảm bột phát. Ông lại tôn trọng cá nhân, đề cao vai trò của ý thức và chống lại phương tiện bạo động trong quá trình cách mạng. Ở đây người ta thấy rõ ảnh hưởng của Heidegger là thầy cũ của ông. Bề ngoài Marcuse có vẻ lạc quan và tin tưởng ở sức mạnh giải phóng của kỹ thuật, nhưng thật ra ông có thái độ bi quan đối với văn minh giống như Rousseau xưa. Trong cuốn *Triebkultur und Gesellschaft* (năm 1967) ông trích dẫn lời sau đây của thi sĩ Baudelaire : « Nền văn minh chân chính... không nằm trong hơi khí hay hơi nước (cho máy chạy)... nhưng trong sự xóa bớt

(1) « Những nữ nhân viên văn phòng sexy, những cô bán hàng sexy, những ông « chủ » trẻ trung và tráng kiện : đó là những món hàng có giá trị thương mại lớn... » — « Tất cả những gì xã hội chúng ta chạm tới, đều trở nên một sức mạnh tiến bộ và bóc lột, vong thân và thỏa thích, tự do và đàn áp. Tính dục (*sexualité*) cũng vậy. » (*One-dimensional Man*).

(2) Muốn bàn tới quan niệm Marcuse về hạnh phúc, phải trình bày lý thuyết của nhà phân tâm học S. Freud, điều mà chúng tôi không thể làm trong bài báo nhỏ này.

những dấu vết của tội tồ tông" (1). Và trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo *Der Spiegel* (tháng 8 năm 1967) ông nói: «...Những điệu múa của xã hội tiền kỹ nghệ gần với con người hơn bây giờ.., Làm tình hay âu yếm nhau trên một bãi cỏ xanh tươi, thanh vắng khác hẳn với làm tình hay âu yếm nhau trong một chiếc xe hơi..». Nghe Marcuse, người ta mừng rỡ như nghe Rousseau đang khuyến khích hãy trở về với thiên nhiên !

Ông không phải là con người tồ chức và hoạt động, nhưng là một tiếng chuông

khuyến động, cảnh tỉnh, — một tiên tri. (2) Xã hội cần đến hạng người bảo ta phải làm gì, cũng như hạng người dạy không được làm gì. Không gặp phản kháng, loài người sẽ không bao giờ tiến bộ. (3)

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

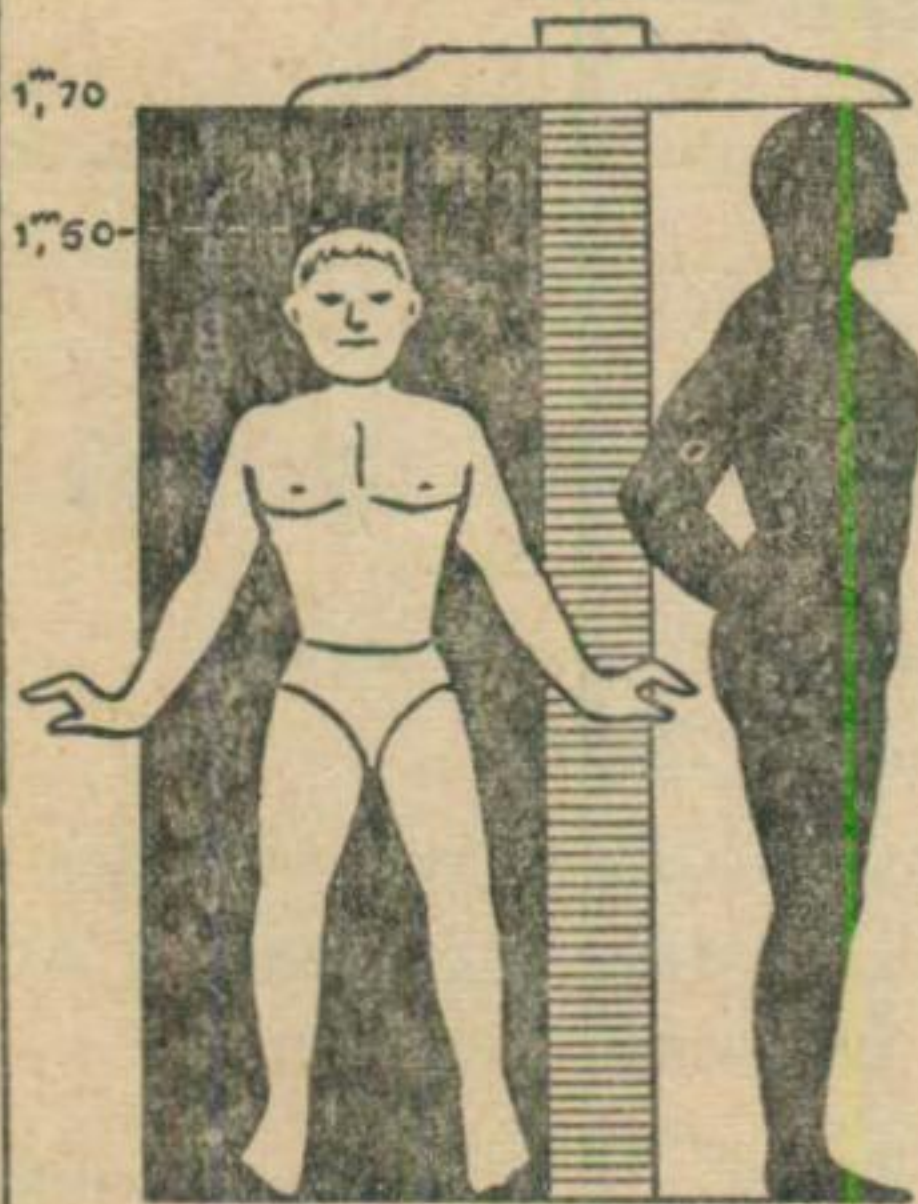
(1) Theo Ki-tô-giáo, sự ác trên thế gian đã khởi đầu từ một hành động xấu của ông tồ loài người.

(2) Báo Pravda ở Nga gọi Marcuse là một tiên-tri giả. Xem : báo *Reihnische Merkur* (Cologne, ngày 14-6-1968).

(3) L.T.S. Bạn đọc có thể xem thêm : « *Lược thuật cuộc nói chuyện với H.Marcuse* » trên BK. số 285 (15-10-68).

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

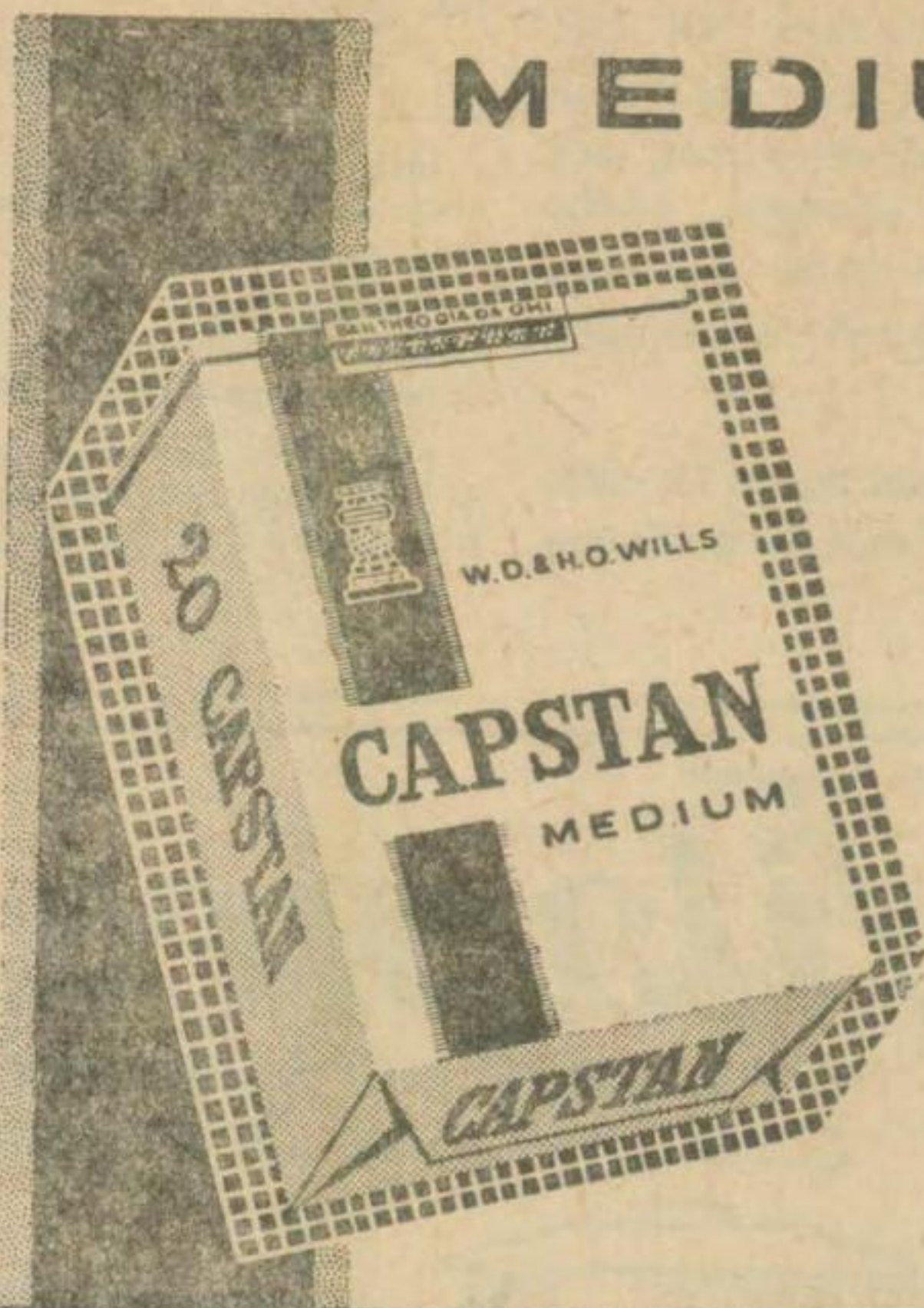
VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

Số KN 78 MBYT/QCĐP

CAPSTAN

MEDIUM



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

TRAM VIẾT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

PHI-LUẬT-TÂN

giữa vùng lầy do phong-kiên và tư-bản Tây-phương để lại

Một quần-đảo gồm trên 7.000 hòn đảo lớn nhỏ trải ra trên một vùng rộng 1.100 km và dài 1.800 km, với diện tích và dân-số suýt soát bằng diện-tích và dân-số Việt-Nam, nằm đối diện với Việt-nam ở bên kia bờ Nam-Hải, đó là Cộng-hòa Phi-luật-tân (Republika Ng Pilippinas).

Một người bạn rất gần kề chỉ cách một vùng biển nhỏ mà nghe chừng xa lắc xa lơ. Vì từ xưa tới thời kỳ gần đây, suốt trong lịch-sử hai nước, Việt và Phi không có một liên hệ nào đáng ghi nhớ. Không hẳn chỉ riêng với Việt-Nam, mà với các nước khác ở Đông-Nam-Á cũng vậy, xứ Phi Gia - tô, xứ Phi Mỹ hóa xứ Phi ư bản dường như ở mãi tận đâu đâu ! Người cao Miên đã cho rằng Phi-luật-tân có vẻ giống Mỹ hơn là giống một nước Á-châu. Người In-đô-nê-sia và Mã-lai-á tuy cùng bộ tộc Malay với Phi trong giai đoạn Nam-thiên đầu tiên, nhưng càng cảm thấy xa hơn vì tôn giáo và văn-hóa khác biệt. Người Hoa-kỳ thì vẫn rất hãnh diện về Phi : Một mẫu mực của nền dân chủ Tư-bản ở Á-châu ! Một mức sống trung bình cao nhất nhì Đông-Nam-Á !

Tuy nhiên, mọi nhận định về Phi một cách hời hợt hay có thành-kiến đều là bất công và thiên lệch. Vì hình trạng thực của Phi-luật-tân không thể tìm thấy ở những người Mỹ-hóa kiểu cách và kệch cỡm, ở những chính-trị-gia chuyên nghiệp thao nghề thao túng chế-độ Cộng-hòa vay mượn, ở thành - phần chủ-điền ca-síc (1) mạnh tay bóc lột hay ở bọn cán bộ Cộng sản Huk đang mơ tưởng một thiên đường đầy máu và gông cùm ; Mà, thật thế, chúng ta phải tìm ở khối quần chúng đông đảo trong đó có những nông dân tá-điền chân lấm tay bùn ngày này qua tháng khác cặm cui lằm than cho kẻ khác hưởng công lao mồ hôi nước mắt của mình, những công nhân đồn-điền và kỹ-nghệ đang điều

(1) Casique : Những lãnh chúa hay tù-trưởng các sắc dân Phi trước kia. Ngày nay được hiểu một cách đặc biệt như là những thành phần phú-hào có nhiều ruộng nương và uy quyền, nhất là uy-quyền về chính-trị, trong một vùng.

đứng vì đói rách do bọn sét-ty (chetty) và chủ-nhân, phần lớn là ngoại quốc gây nên.

Thảm cảnh ấy là kết-quả của chuỗi thán năm dài sống trong nô-lệ và cũng là vũng lầy xã-hội mà kẻ thống trị đã để lại. Còn trên mặt tăng, cái vô dân-chủ kiểu Hoa-kỳ chỉ là sự đánh tráo con bài của những tay cờ bạc bịp. Cái mức sống rất cao không phải là mức sống của quảng-đại quần-chúng mà chỉ là cái lợi tức của tư-bản tính chung vào nhân khẩu quốc-gia.

Chút ít lịch-sử

Những người Âu chép thế-giới-sử có cái nhìn các phần đất khác ngoài Châu Âu một cách rất chủ - quan đến gần như bất cô g. Phần đất nào chưa có vết chân người Âu đặt tới thì họ mặc nhiên coi như đất còn trinh nguyên chưa có loài người sinh sống, vì vậy cái việc đặt chân lên những phần đất ấy của người Âu đầu tiên được khoác cho một động từ rất kêu là *khám phá ra* (decouvrir). Với cung cách ấy, sử Phi-luật-tân do người Âu-Mỹ viết đã bắt đầu bằng câu "Fernando Magelan đã *khám phá ra* quần đảo này ngày 16-3-1521."

Công bằng và hợp lý hơn, chúng ta phải nói nhóm người Âu đầu tiên đến tiếp xúc với dân ở quần đảo Nam-Hải này do Magelan cầm đầu. Magelan nguyên là một nhà hàng-hải Bồ-đào-nha nhưng hồi đó phục vụ cho chính-phủ Tây-ban-nha. Hai mươi một năm sau, triều-đình Madrid cho người trở lại và đặt tên cho quần đảo là Phi-luật-tân (Philippine) theo tên hoàng tử Philip (sau này là Quốc-vương Philip Đệ-nhi của Tây-ban-nha) và đặt nền đô hộ xứ này suốt 350 năm.

Cho đến năm 1899, Tây-ban-nha nhượng lại quần đảo cho Hoa kỳ do hiệp ước Paris, sau trận chiến tranh giữa hai nước, với giá 20 triệu đô la mà Hoa kỳ phải trả cho Tây.

Cuối thời Tây-ban-nha đô hộ, có một cuộc nổi dậy do nhóm một trí-thức du-học Âu-châu về lãnh-đạo, đòi bỏ chế độ thuộc địa, biến Phi-luật-tân thành một tỉnh của Tây-ban-nha để dân Phi được hưởng mọi quyền công dân như dân Tây. Jose Rizal, một y sĩ kiêm điêu khắc gia, kiêm thi-sĩ và tiểu-thuyết-gia, là người nổi bật nhất trong nhóm lãnh đạo. Ông bị bắt, bị khép vào tội phản loạn và bị bắn chết tháng 12-1896. Cuộc nổi dậy không vì thế mà bị dập tắt, trái lại còn lan rộng ra nhiều tỉnh. Sau mấy tháng chống cự mặt-đối-mặt với quân đội thống trị, quân cách mạng chịu đựng không nổi phải rút vào vùng rừng núi tiếp tục chiến đấu với chiến thuật du kích. Tới tháng 4-1897, đôi bên điều đình ngưng chiến. Nhưng sau chiến thắng của Hải-quân Hoa-kỳ ở vịnh Manila ngày 1-5-1898 chưa đầy một tháng kể từ khi khởi chiến giữa Tây-ban-nha và Hoa-kỳ thì quân cách mạng lại-chính bị lại hàng ngũ và tuyên bố quốc gia Phi độc lập.

Emilio Aguinaldo, người lãnh đạo quân Cách-mạng thời ấy, vốn thừa kế sự-nghiệp của nhóm trí-thức khởi xướng, nhưng ông chủ-trương thực-hiện độc-lập hoàn toàn và cải-tạo xã-hội mạnh mẽ chứ không chấp nhận những đòi hỏi vá víu như trước, do đó ông được nông-dân Phi ủng-hộ nhiệt-liệt. Tháng 1-1899 ông trở nên Tổng thống

của nền Cộng-hòa ngắn ngủi. Sau đó ông bị lực-lượng thống-trị kế tiếp là quân-đội Hoa-kỳ săn đuổi vào vùng rừng núi và bị bắt năm 1901.

Tới năm 1902 thì Hoa-kỳ bình-định xong toàn quần-đảo. Thực dân Tây-ban-nha trong thời kỳ còn ngự trị trên quần đảo Phi vẫn mượn tay bọn đội lốt Giáo-quyền Gia-tô để cai quản và bóc lột nhân dân xứ này. Chuyển sang Hoa-kỳ, chủ-nhân-ông mới lại có lũ tay sai mới, đó là những ca-síc và sau này là giới luật-gia, thương-mại và kỹ-nghệ Mỹ-học. Chính-quyền Hoa-Kỳ đã cố gắng thu xếp để cho lớp người này kế-vị lãnh-đạo Phi theo kiểu Hoa-kỳ. Bộ luật 1916 (The Jones Law) đã cho phép dân Phi bầu Thượng và Hạ-nghị-viện và sau đó Hoa-Kỳ cũng đã hẹn trả độc lập hoàn toàn cho Phi vào năm 1946 (Theo Tydings-Mc Duffie Act năm 1934). Theo hiến-pháp do Quốc-hội Phi soạn ngày 14-5-1935, nước Phi tự-trị dưới quyền bảo-hộ của Hoa-Kỳ thành hình ngày 15-12 cùng năm do Manuel Quezon làm Tổng-thống. Ông này được tái cử năm 1941.

Ngày 8-12-1941, quân Nhật đổ bộ lên Phi. Sau khi thất thủ Bataan và Corregidor, Quezon và chính-phủ của ông chạy sang Hoa-kỳ. Trong thời cầm quyền, Quezon vừa là tổng-thống bù-nhìn trong tay tướng Hoa-kỳ Douglas Mc Arthur, vừa là lãnh tụ đảng duy nhất mang danh là Đảng Quốc-Gia (Nacionalista) quy tụ những thành phần ca-síc chủ-điền, sét-ty v.v... Khi quân Nhật chiếm đảo này thì cũng chính những thành phần trên của Đảng Quốc-Gia đứng ra bắt tay với Nhật và do Jose P. Laurel, nhân-viên Tối-cao Pháp-viện trong chế độ cũ cầm đầu. Thành phần cộng-tác

trong Đảng Quốc-Gia nhiều đến nỗi sau khi Mc Arthur mang quân tái chiếm Phi, chính phủ Phi lưu vong ở Hoa-kỳ trở về (1) cũng không biết xử trí làm sao và chính Mc Arthur cũng lọt vào thế kẹt không thể thực hiện ý-định sửa trị bọn phản động của ông.

Đầu năm 1946, trong cuộc vận động bầu cử Tổng-thống đầu tiên của nước Phi độc lập, Đảng Quốc-gia đã tự phân hóa làm hai với thành-phần đa-số lấy tên mới là Đảng Tự-do (Liberal Party) do Manuel Roxas cầm đầu, và phần thiểu số còn lại vẫn mang danh nghĩa Đảng Quốc-gia dưới sự lãnh-đạo của Sergio Osmena. Roxas nguyên là Bộ-trưởng-không-bộ và Giám-đốc Cơ-quan Trưng-mua ngũ-cốc (đề tiếp tế cho quân Nhật) trong chính-phủ Laurel, đã đắc cử trong cuộc bầu cử này.

Từ đó đến nay, hai đảng Tự-do và Quốc-gia thay nhau cầm quyền ở Phi, tạo thành một chế-độ lưỡng đảng kiểu Hoa-Kỳ. Trong số các Tổng-thống kế-vị Roxas sau này có Ramon Magsaysay là nổi bật nhất nhờ những hành-động đẹp mắt trong công cuộc cải-tạo xã hội của ông. Ông đắc cử ngày 30-12-1953 và chết trong một tai nạn phi-cơ ngày 17-3-1957.

Xã-hội Phi trong quá khứ

Không giống tất cả các quốc-gia khác trong vùng Đông-Nam-Á, Phi-luật-tân chưa từng thống-nhất dưới hình thức một quốc-gia trước khi đụng chạm với Tây-phương. Không có những công-trình kiến-trúc vĩ-đại trong quá khứ như Angkor Thom, Angkor Wat của

(1) Lúc ấy Sergio Osmena, Phó Tổng-thống, đã lên kế-vị Quezon sau khi ông này mất vào tháng 8-1944.

Cao-Miên hay Borobudur của In-Đô-nê-sia, không có một nền văn hóa dân-tộc nổi bật như Việt-Nam, Thái-Lan, Miến-điện... Phi-luật-tân đã nhảy luôn từ trạng thái bộ lạc sang nếp sống Âu-hóa và gần như không có hoặc có rất ít kinh-nghiệm về hai nền văn minh Hoa và Ấn.

Trước khi người Tây-ban-nha đặt chân lên quần đảo này, dân Phi còn đang sống trong tình-trạng bộ-lạc và sinh nhai bằng nghề săn bắn, đánh cá và làm ruộng. Đơn vị xã-hội lớn nhất quy tụ thành làng, được gọi là Barangay, gần như Bản Thượng của ta. Datu, người cầm đầu Barangay, được coi như một vị chúa tể trong khu vực. Tất cả ruộng nương trong làng là của y. Y đặt ra luật lệ, thi-hành luật lệ một cách độc đoán và đồng thời cũng là quan tòa xử án theo ý riêng của mình.

Một chút ảnh hưởng từ phương Bắc xuống qua những thương gia Trung-hoa (đặt chân lên quần đảo này từ thế kỷ 11) và từ phương Nam lên của thời kỳ Đế-quốc Srivijaya và Majapahit không còn lưu lại vết tích quan trọng nào trong nếp sinh hoạt của dân địa phương.

Về tôn giáo, dân các barangay có nhiều phương thức thờ cúng khác nhau, tất cả đều là phiếm-thần và linh-hồn-giáo. Mãi tới đầu thế kỷ 15, Hồi-giáo mới bắt đầu xâm nhập được vào những vùng đảo ở phía Nam Sulu và Mindanao. Sang thế kỷ 16, Hồi-giáo đã lan dân được lên miền Bắc và bắt rễ ở cả Manila. Giữa thời kỳ đó thì người Tây-ban-nha tới. Về biến chuyển lịch-sử này, có người đã nhận định: Nếu người Tây-ban-nha tới chậm hơn chừng một thế-kỷ hoặc họ tới chỉ có mục-dịch thuần túy kiếm

thi-trường thì ngày nay dân Phi đã trở thành dân Hồi-giáo, nhưng với một ông vua như Philip Đệ Nhị (The most Catholic of Kings!) thì dĩ-nhiên lịch-sử lại rẽ sang một khúc queo khác. Khúc queo ấy là con đường gia-tô-hóa hầu hết dân Phi với phương cách *thầy dòng tiến theo binh lính* (Friars marched with soldiers) (1). Ngay từ bước đầu nhờ uy-quyền chính trị và quân sự, việc truyền giáo không gặp trở ngại nào đáng kể, trừ một vài đề kháng của nhóm Hồi-giáo ở Sulu và Mindanao, còn những Phiếm-thần-giáo linh tinh ở các Barangay khác đều lần lượt quy hàng và bị xóa dần vết tích. Hiện nay 830/o dân Phi theo Gia-tô La Mã, 10% theo Giáo-hội Thiên-chúa Độc lập của Phi (Aglipayan), phần nhỏ nhỏ còn lại chia cho các tôn giáo khác trong đó có Tin Lành, Hồi-giáo, Phật-giáo... Sự kiện này biết đâu lại chẳng là một điều may cho xã-hội Phi vì nhờ vậy mà không có những tranh chấp, xáo trộn lớn về tôn-giáo.

Trong thế kỷ đầu tiên của cuộc đô hộ, chính-phủ Tây-ban-nha đặt một viên Toàn quyền cai trị toàn quần đảo với một lớp người trung-gian giữa trung ương và dân chúng địa phương được gọi là *Encomendero*. Các *Encomendero* là người Tây-ban-Nha, thường là bạn bè thân thuộc của viên Toàn-quyền, đứng ra tổ-chức việc bình-định chiêu-an, lo việc giảng dạy Kinh Thánh và thu lợi tức, thuế má một vùng với tính cách gần như thâu việc. Mỗi *Encomendero* hoạt động trong một khu vực trung-bình độ 6.000 gia-đình. Hầu hết các *Encomendero* đều hành sự một cách rất

(1) Governments and Politics of SE
Cornell University Press, 1964, trang 681. A

tàn bạo, vì lợi tức, thuế má thu về càng nhiều y càng được hưởng nhiều. Y chỉ phải trả cho chính-phủ Hoàng-gia 20% số thu hoạch.

Cuối thế kỷ 17, chế độ *Encomendero* được bãi bỏ. Chính-quyền thống-tại bổ nhiệm các viên chức tại các tỉnh, dân sự ở nơi đã bình-định, quân-sự ở nơi còn lộn xộn, gần như các Công-sứ Pháp ở Việt-Nam trong thời Pháp thuộc. Tại các đơn vị xã-hội nhỏ hơn cũng có các viên chức nhỏ của chính-quyền lo việc cai trị, nhưng trên thực tế, tiếng nói của vị linh-mục trong khu vực vẫn luôn luôn là tiếng nói quyết định cuối cùng trong mọi hoạt động về hành chánh (1), vì quyền lực của Giáo-hội rất lớn và hơn nữa ông ta là người Tây-ban-nha duy nhất trong khu vực. Nói về Giáo-quyền Gia-ô La-Mã ở Phi, một du khách viếng Phi vào năm 1781 đã ghi lại là quyền lực này còn tuyệt đối hơn cả Vương-quyền (2),

Sang thế kỷ 19, nhiều sự kiện đã xảy ra làm cho xã-hội Phi dần dần thụt lùi lại tình-trạng Barangay và Datu trước kia, dĩ-nhiên với bộ mặt khác. Trước hết là những luật-lệ mới cho phép một số phú-hào dùng đổi các Datu xưa được phục hồi quyền thừa hưởng lãnh địa. Nhân cơ hội ấy, những người này đã khai man thêm diện tích đất cũ và vận dụng luật pháp sang đoạt dần dần thổ cư hữu của đám nông dân ít học. Do đó họ đã trở thành những ca-sic giàu có và thế lực. Cũng trong thời kỳ này, tiền tệ được lưu hành nhiều hơn trong nước. Manila khởi sự giao thương với ngoại quốc (1830) và sau đó nền ngoại thương đã dần dần phát triển nhờ sự hoàn thành kinh đào Suez mở lối dễ dàng sang

Châu Âu (1869) Những diễn biến này đã đưa đến sự suy sụp nền kinh tế tự trị và biệt lập cổ truyền ở nông thôn, do đó lối cuốn theo các nông-gia tự-cày-ruộng-của-mình vào vòng mang-công-mắc-nợ. Công-nợ thường dần dần đưa đến sự cầm bán ruộng đất. Và ruộng đất được chuyển qua tay bọn sét-ty để tập trung vào các thành phần phú-hào đã nói ở trên hay về các Nhà Chung ở mỗi địa phương. Tóm lại trong xã-hội Phi thời đó, nông dân đã bị dồn dần vào tình-trạng vô sản và đã đương nhiên trở thành tá điền cho các chủ-điền và các Giáo-khu.

Trong cuộc cách-mạng cuối thế kỷ 19, đặc-biệt là thời kỳ Aguinaldo cầm đầu, đám quần chúng ủng hộ các nhà lãnh-đạo cách-mạng hầu hết đều là tá điền. Tháng Giêng năm 1899 khi Aguinaldo thành lập chính-phủ cách-mạng thì hành-động đầu tiên của ông là ra lệnh quốc-hữu-hóa những đất đai của nhà Chung và trục xuất các thầy tu Tây-ban-nhe ra khỏi xứ (3). Cuộc cách mạng đã thất bại vì sự đàn áp của quân-đội Hoa-kỳ với sự tiếp tay của giai cấp phú-hào, nên dĩ-nhiên Aguinaldo không thực-hiện được ý-định ấy, Nhưng, như phần trên đã nói chúng ta thấy cuộc cách mạng đã nhằm vào hai mục tiêu rõ rệt : Dành lại chủ-quyền quốc-gia và cải-tạo xã-hội. Hai mục tiêu mà cho đến nay nhân dân Phi

(1) The Philippine Islands — W. Cameron Forbes, Harvard University Press, 1945, trang 296.

(2) Governments and Politics of SEA. Cornell University Press, 1964 trang 68.

(3) Đọc The Revolt Of The Masses của Teodoro Agoncillo, Philippines University 1956.

cũng như nhân dân toàn thể Đông-Nam-Á vẫn còn phải đeo đuổi nhưng chưa biết bao giờ mới đạt !

Sự tập trung ruộng đất vào tay một số người từ thời Tây-ban-nha đô hộ vẫn được tiếp tục duy-trì dưới thời Hoa-kỳ. Luật về điền thổ mới của Hoa-kỳ hạn chế diện tích tối đa cho các đoàn thể hay hiệp hội là 2.530 mẫu Anh (Acre) và mỗi cá nhân là 355. Tuy nhiên, giai cấp Phú-hào vốn luôn luôn là bạn của chánh quyền nên việc thi hành luật-pháp rất là lỏng lẻo không gặt hái được kết quả đáng kể, nghĩa là ruộng đất vẫn được tập trung vào tay các chủ-điền lớn dưới hình thức này hay hình thức khác. Chỉ có ruộng đất của Nhà Chung là được chiếu cố phần nào. Trong năm 1904, chính quyền đã mua lại 400.000 mẫu Anh đất trồng trọt của Giáo-hội Gia-tô ở Phi. Những ruộng đất này không lọt được vào tay tá-điền mà lại qua tay những kẻ ngồi không thừa hưởng huê-lợi. Lớp chủ-điền mới này tuy không tập trung được một số diện-tích lớn lao như những chủ điền cũ nhưng khả dĩ cũng tăng thêm nhân số cho giai-cấp ấy và gây thêm sự bất công cho xã-hội Phi vốn đã đầy bất công. Chính những sự kiện trên đã

là đầu mối cho ba cuộc nổi loạn của nông dân ở đảo Luzon từ 1920 đến 1930.

Tóm lại, dưới thời đô hộ của Hoa-kỳ, một số lớn đất đai trước kia thuộc Nhà Chung thì nay được chuyển sang tay một lớp chủ điền mới, những phần tử có liên hệ với chính-quyền thống-trị. Sự việc không có gì khác hơn là hành-động nhằm hạ bớt uy-lực cũng như tài-lực Giáo-quyền của người Hoa kỳ, còn lớp tá-điền thì vẫn cha truyền con nối là tá-điền. Từ năm 1916 đến 1919 nhiều bộ luật mới được đưa ra nhằm tạo cơ-hội cho những phú-hào bỏ vốn khuyến-trương công-kỹ-nghệ. Song song với việc các gia-đình chủ-điền san sẻ con em sang các ngành hoạt-động công-kỹ-nghệ, thì các gia đình tá điền cũng san sẻ con em sang ngành thợ thuyền phục-vụ trong các cơ-xưởng, các mỏ than, mỏ sắt, mỏ dầu và nhà máy xi-măng. Bọn sét-ty, phần lớn là Trung-hoa, không bỏ lỡ cơ-hội này. Như những con ruồi thấy mùi mật ngọt, chúng lại bầu quanh những trung-tâm công-kỹ-nghệ để kiếm mồi bằng cách cho vay nặng lãi, bóc lột đám thợ thuyền vốn đã xác xơ !

(Còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

HOA LỆ

*Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương.*
N. D.

Vui, buồn, giận, tủi, mỗi một khi ta xúc động, cảm kích thì nước mắt dễ dàng tuôn ra. Có khi chỉ vì một hạt bụi vô tình hay đứng cạnh một củ hành đang được cắt, bóc là mắt ta đầm đìa hoa lệ. Dù là phản ứng phòng vệ hay vì nguyên do tâm lý, cơ chế phát tiết nước mắt chỉ là một tiến triển sinh-lý-học cần yếu và thường trực trong cơ thể vào lúc vận dụng thái quá. Thật vậy, với một cấu tạo xác định, nước mắt không phải để ta biểu lộ cảm tình, tỏ rõ nỗi lòng, mà có những nhiệm vụ quan trọng: che chở, đùm bọc, chống phòng truyền độc, nuôi dưỡng thượng bì tổ chức giác mô ('épithélium de la cornée') để cho thị quan vận dụng được điều hòa.

Cần thiết như vậy cho nên bất cứ động vật nào, con người hay thú vật, đều có nước mắt. Ta thường đùa bảo «nước mắt cá sấu», thật ra cá sấu cũng đầm đìa châu lệ khi đang nhai mồi hay lúc lên cơn tức. Con nai vàng khi bị chó đuổi chạy quanh cũng ướt đầm hai mắt nhưng đây mồ hôi có thể trộn lẫn với giọt châu. Như tưởng mọi thú vật sống ở ngoài nước đều cần có nước mắt, chỉ trừ rắn có cơ quan phòng vệ đặc biệt, như cá dưới nước không cần nước

mắt. Đáng khác, người ta lại nhận thấy phần lớn các loại thú đều có ba mí mắt để cho nước mắt khỏi bốc hơi, từ đấy để giữ mắt luôn ẩm ướt. Chỉ có loài người là chỉ có hai mí mắt để làm tròn các phận sự kia mà thôi.

Nước mắt chứa vừa muối vừa đường.

Nước mắt cần thiết như vậy thì tưởng cũng nên biết nó từ đâu ra và chảy về ngã nào.

Thật ra, có ba lớp nước mắt bao phủ giác mô, cấu tạo khác nhau và nguyên thủy cũng khác nhau. Lớp ngoài, nhờn hơn các lớp kia, khó bốc hơi hơn, là từ các tuyến mí mắt mà lại (gọi là các tuyến Meibomius, Moll, Zeis, tên các nhà bác học đã tìm ra chúng). Lớp giữa, nhiều nước, và về mặt lượng cũng là nhiều nhất, là do những tuyến lệ thật sự tiết ra cùng hai tuyến Krause và Wolfring. Lớp lầy nhầy trong cùng thì là công cuộc sản xuất của các tuyến tiếp hợp mạc (conjunctive) còn gọi là các tuyến Henle và Manz. Nói chung, cả hơn một chục tuyến có nhiệm vụ phát tiết nước mắt đủ loại. Trung bình mỗi ngày 1,5 ml nước mắt được tiết ra, trừ

trường hợp người bị bệnh. Tuy nhiên, số lượng này cũng thay đổi với tuổi tác: mức tối đa nằm và khoảng 20-40 tuổi.

Dù sao, nước mắt lúc nào cũng được tiết ra một cách điều hòa và liên tục. Từ tuyến, nó được chuyển lên giác mạc. Khi ta nháy mắt (mỗi phút khoảng 10-15 lần) là lúc mí mắt phân phối nước mắt khắp giác mạc. Khi ta khóc, nước mắt chảy ra ngoài đã đành (có người khóc mà không chảy nước mắt, nhưng đây là một chuyện khác), khi bình thường nó được đào thải theo lối nào? Mặc dầu lớp nước mắt ngoài cùng rất nhờn, khoảng $\frac{2}{3}$ nước mắt đã dần dần bốc hơi để biến đi. Số còn lại chảy xuống khóe mắt bên trong, có những lỗ thông qua các đường dẫn lệ để đưa xuống lỗ mũi. Chính vì vậy mà khi ta khóc, nước mắt chảy ra quá nhiều tràn ngập các đường dẫn lệ và lỗ mũi, buộc ta phải hỉ mũi.

Công cuộc của các nhà khảo cứu hiện nay là tìm biết cấu tạo các lớp nước mắt để từ đấy dễ xác định các vai trò của chúng. Thật vậy, ngoài nhiệm vụ làm chất đệm giữa mí mắt và giác mạc, nước mắt còn có công tác chùi rửa phía trong mắt, lôi cuốn các vật bẩn đi và quan trọng hơn nữa là phận sự chống cảm nhiễm.

Vô tình hay hữu ý, ai cũng đã từng nếm nước mắt. Hơi ngọt, có phần mặn, nước mắt chẳng có hương vị nước trong. Thật vậy, nếu trong nước mắt có đến 98,20% nước, còn lại 1,80% là thành phần khoáng chất và hữu cơ, đủ để làm nước mắt thành một dung dịch sinh vật học hay ho không kém chi máu, mồ hôi hay nước tiểu. So với máu chẳng hạn, nước mắt chứa lân và kali nhiều hơn, còn natri và clori là hai cấu chất của



muối cũng chẳng kém hơn. Bên mặt các hóa chất hữu cơ thì ngoài ammoniac, urê, axit citric, còn có glucot (đường), nhiều sinh tố và đặc biệt nhiều prôtêin, danh từ quen thuộc thường gặp mỗi khi nói đến các tế bào sống.

Trong các prôtêin này có nhiều giếu tố (enzyme) mà chất đặc biệt nhất là lysozym, gồm có 129 axit amin! Riêng một mình nó làm đủ phận sự chống vi sinh, chống cực trùng, chống sùng phù, chống tính viêm (anti-inflammatoire); ngoài ra, nó còn là một chất chỉ thống, hàn gán vết thương, làm dễ dàng sự đông huyết, cần yếu cho thực vật trong ruột. Lẽ dĩ nhiên, một giếu tố quan trọng như vậy đã được mỡ xẻ, quan sát tường tận.

Cấu tạo của nó đã được xác định và người ta đang kiếm cách tổng hợp. Đáng đề ý là cấu tạo của nó giống cấu tạo chất interferon vừa mới được các phòng thí nghiệm chuyên chú đến để thử tìm dùng làm chất chống cực trùng (xem Bách-Khoa số 292). Chính nhờ nó mà nước mắt đã có được những tính chất nói trên.

Ngày nay, người ta còn tìm ra được lysozym trong máu, phôi, thận, óc, sữa mẹ và nước miếng. Các nhà khảo cứu đã tự hỏi những cấu chất của nước mắt có phải từ các bộ phận khác của cơ thể mà lại không. Khảo sát về mặt phẩm cũng như về mặt lượng, người ta đã biết nhiều chất từ máu mà qua như: lãn, natri, kali. Còn các prôtêin và giểu tố thì vì cấu tạo có phần khác prôtêin và giểu tố ở máu nên người ta cho là chúng đã được chế tạo ngay tại chỗ.

Nước mắt chung sống với tiếp kính.

Người ta lại còn biết nhiều prôtêin-giểu tố này rất quan trọng và cần yếu trong các tác dụng biến thể của tế bào, vậy chúng làm gì trên mặt đôi mắt?

Ta có thể hiểu vai trò phòng vệ cơ học (chống cọ xát) hay hóa học (chống cảm nhiễm) của nước mắt, nhưng ở một chỗ như tuồng không có tế bào sống thì các nhà bác học không khỏi ngạc nhiên khi tìm ra được chúng. Những giả thuyết mới mẻ nhất cho là những tế bào ở thượng bì tổ chức giác mô (nghĩa là những tế bào ở ngoài cùng con mắt) rất cần được bổ trợ và chính nước mắt là nguyên lực chuyên chở những prôtêin-giểu tố cho chúng. Giả thuyết còn cần phải được chứng minh ở nhiều chi tiết nhưng người ta đã nhận thấy còn có một vai trò quan trọng hơn người ta đã tưởng.

Những bác sĩ chuyên môn về trị liệu còn khám phá ra các thành phần của nước mắt thay đổi với trạng thái cơ thể. Ví dụ người bị bệnh đái ra chất đường lâu ngày không chữa thì có nước mắt chứa nhiều glucot hơn người thường. Những người bị chứng sưng tròng mắt

khô (kératoconjunctivite sèche) thì lại có nước mắt chứa ba lần ít natri hơn. Nhiều bệnh khác thì lại làm thay đổi tỷ lệ prôtêin, làm tăng đản bạch (albumine) và giảm giểu tố, đặc biệt những chứng có tính viêm ở màng trong mí mắt hay ở các tuyến lệ:

Nhiều chứng bệnh làm thay đổi hẳn lưu lượng của nước mắt, hoặc tăng, hoặc giảm. Có khi các đường dẫn lệ bị tắc và nước mắt phải chảy ra ngoài. Có những người khi ăn thì nước mắt đầm đìa (cho nên gọi là bệnh trưng nước mắt cá sấu) mà hiện chưa ai giải nghĩa được vì sao.

Khảo cứu nước mắt ở con trẻ, người ta nhận thấy đến một tháng phần lớn các đứa bé mới có nước mắt và cơn khóc tâm lý chỉ hiện ra khi nó lớn đến bốn tháng. Như vậy nghĩa là bộ phận thần kinh kiểm ba và điều hòa cuộc phát tiết nước mắt được vận dụng rất chậm ở con người. Nói một cách khác, bé con vài tháng sau khi sinh ra chỉ biết kêu gào mà chưa biết khóc lóc.

Về phương cách kích thích các tuyến lệ, có hai hệ thống giao cảm riêng biệt: nhiều công tác khảo cứu đã chứng minh một trong hai hệ thống kia kiểm ba những giọt lệ tâm lý của các cơn đau, buồn hay thích thú cùng những "giọt lệ phản ứng" đã tuôn ra khi ta ho, ngáp hay buồn nôn, ợ mửa (système parasympathique). Hệ thống thứ nhì (système sympathique) có thể xem như là chịu trách nhiệm cuộc phát tiết điều hòa nước mắt nhưng những thí nghiệm trực tiếp chưa xác định được rõ ràng nhiệm vụ ấy. Rất có thể hệ thống giao cảm thứ nhì này chỉ có ảnh hưởng gián tiếp vào cuộc phát tiết nước mắt bằng cách tác dụng lên

luồng máu chảy qua các tuyến lệ hoặc tác dụng lên những kích thích tố các tuyến có dính liú đến nước mắt như các tuyến tính giao.

Như đã thấy, cuộc khảo cứu về nước mắt đang còn nhiều việc làm. Ta đã có thể lạc quan vì nhiều khám phá đã ra đời, giúp ta hiểu biết thêm về một giác-quan quan trọng về bậc nhất của cơ thể. Một áp dụng đáng được nhắc đến nhất là cuộc thay thế đôi kính cổ truyền với những tiếp kính (verre de contact). Ta thường thấy một hạt bụi nhỏ thôi là đủ để cho nước mắt tràn trề. Bây giờ muốn cho vào cả hai mảnh kính sát ngay giác mô, phải cần một kỹ thuật hoàn hảo mới thành công được. Những tiến triển trong kỹ nghệ đã giúp người ta chế ra được những tiếp kính bằng chất dẻo

(matière plastique). hình dáng làm sao để tránh được mọi cọ xát. Ngày nay nhiều người, nhất là trong phái đẹp, đã thụ hưởng được kỹ thuật này : sau một thời gian tập thử, nước mắt hết còn đầm dề khi cho tiếp kính vào mắt. Tuy nhiên có một bất tiện là nhiều người không chịu đựng được các chất polyester acrylic dùng để làm tiếp kính và kỹ nghệ hiện đang khảo cứu để tìm thêm nguyên liệu khác.

Dù sao, nước mắt thật đã chứng kiến mọi cuộc đau, buồn, vui, thích của cuộc sống và mỗi khi mất đi chút nước mắt là ta đã sống thêm được một xúc động trong đời.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu R. Roi magere.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

NGƯỜI THƯỢNG

dọc theo dãy Trường-sơn

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 297)

Sưu khảo của LAN-ĐÌNH

«Luật» của người Thượng

Một đứa trẻ mới ra đời, mà mẹ chết hậu sản, nó cũng phải chết theo. Đấy mới chỉ là «lệ». Hoặc riêng hai sắc-dân Sédang, Bahnar theo chế độ «lưỡng-hệ» (chắc ở gần nhau nên đã chịu ảnh-hưởng lẫn nhau?), con trai hỏi vợ cũng được, con gái hỏi chồng cũng được, và dung-hòa, thanh-niên phải gủi rề ba năm, rồi phụ-nữ mới làm dâu cả đời, đấy mới chỉ là «tục». Nhưng nếu vợ chồng sống chung chưa đầy một năm mà đã có con, sẽ bị tống xuất (án «biệt xứ»?), thì «luật» lắm rồi. Bao giờ vợ chồng can-nhân cố gắng làm nên, trong hoàn-cảnh cô-đơn, có được một con lợn, cắt tiết, lấy huyết trộn với gạo, để dân làng mỗi người bốc một nắm, làm phép «rửa tội» cho thì mới được trở về.

«Luật» hơn nữa, chồng muốn ly-dị vợ, hay vợ muốn ly-dị chồng đều được chấp nhận, miễn sao bên nguyên lo đủ khoản bồi-hoàn cho bên bị, từ một đến hai trâu.

Hồi trước, người Sédang còn bắt buộc chú rề phải nộp sín-lễ bằng một bàn tay kẻ thù, hay của ai khác, ngoài bộ-lạc mình.

Người Bahnar, anh nào còn tân trọng biết ngay, búi tóc ngược lên đỉnh đầu, làm đóm hơn các anh đã có vợ hoặc đã đính hôn, (chỉ vấn khăn đỏ). Họ không bắt buộc gủi rề như người Sédang, bên

nào chịu phí tổn cưới hỏi thì được quyền bắt rề hay bắt dâu. Đàn bà Bahnar ngoại tình sẽ bị phạt từ 1 đến 7 lợn, hoặc trâu, bò, tùy tội nặng, nhẹ. Nếu người chồng muốn ly-dị người vợ ngoại tình, thì nhà gái càng khốn-đốn hơn, vì phải... cưới vợ khác cho con rề!

Người Djarai theo hẳn mẫu hệ. Tuy vậy, phụ-nữ lại bị kiểm chế ghê gớm, chẳng hạn, phải ngủ riêng ở «phòng cấm», không được bén mảng đến nhà làng, là chỗ ngủ tập trung của các trai tân. Trai gái đến tuổi cập-kê đều đeo hoa tai. Con gái hỏi chồng. Chú rề không chịu tốn kém cưới xin, nhưng bù lại, phải đãi tiệc trai làng, ít nhất là một dê. Sau đó, chú rề «vu qui», ở bên nhạc gia ba năm. Mãn hạn, tùy thích, gủi rề nữa, hay ra tự lập cũng được. Nếu chồng là nguyên cáo trong vụ ly-dị, thì phải bồi hoàn hết thảy tổn phí mà nhà gái đã cưới mình. Ngược lại, vợ muốn bỏ chồng, chỉ về không. Chị chết, sau khi đã mãn tang, cô em vợ đương nhiên thành hôn với anh rề (chắc nhà gái ngại tốn kém lần nữa). Ngoại tình, cả gian phu, dâm phụ đều bị «ăn cơm máng» suốt ba tháng, thứ cơm để ngoài trời, ruồi bâu kiến đậu, bêu mưa, thiu thối. Rồi sẽ được tha thứ, không còn án tích gì.

Người Ragglai cũng theo mẫu hệ, nhưng con trai vẫn phải hỏi vợ, cưới

vợ, và chỉ «mẫu hệ» ở chỗ phải gửi rề. Rất nhiều anh chồng phải đi... vợ sau lưng, như đi con, đi làm, vì sự đính ước giữa đôi bên cha mẹ, ngay từ khi cô dâu còn nằm trong bụng, nhưng thế mới là hạnh phúc.

Ngược lại, cô dâu Rhadé tuy có quyền cưới chồng nhưng trước ngày thành hôn phải làm dâu (thời gian tập sự?) từ ba tháng đến ba năm. Thoạt tiên, nhà gái sang nhà trai ăn cỗ, cỗ xoàng thôi. Đến lượt nhà trai sang nhà gái thì cỗ mới linh đình, bởi đây là ngày cưới, cưới chồng, bắt rề vĩnh viễn. Nhưng nếu bên nhà chồng hiếm con trai, nhà vợ sẽ thuận cho gửi dâu, với điều kiện cô dâu được thừa hưởng trọn gia tài của cha mẹ chồng.

Chồng muốn ly dị, phải bồi hoàn mọi khoản chi phí cưới xin, nếu có con, đã hẳn phải để chúng ở với mẹ, còn phải bồi thường thiệt hại cho từng đứa một. Vợ chết, nếu nhà gái không cưới vợ khác cho chàng rề, gã bỏ về, tay trắng. Chồng chết, vợ tái giá, vẫn được nuôi giữ các con trước.

Đàn ông Stiêng có vẻ «đàn ông» hơn vì theo phụ-hệ, nhưng hết sức tốn kém về khoản cưới vợ. Sinh lễ bắt buộc phải đủ mười lăm món, 1 đầy tở, 9 cái vò để đựng rượu đủ cỡ to nhỏ (từ hũ đến ché), một thanh đao thật lâu đời (nếu thiếu, thay bằng một trâu), 1 cây lao cũng thuộc loại gia-bảo (thiếu, thì bù trâu), 1 cái chiêng trị giá một trâu, 1 tấm sà-rông thổ sản Cao miên hoặc 1 cỗ vòng đồng, 1 bát lớn bằng đồng, 10 bát sành lớn, 20 bát sành nhỏ, 1 giây chuyền cườm, 1 chiếc vòng đồng, 1 cuộn chỉ để hai vị chủ hôn làm lễ tơ hồng buộc cổ tay cô dâu, chú rể.

Nếu vợ chồng đã có con, không được ly-dị nữa. Hai vị chủ-hôn ngày trước sẽ được mời làm «đồng chánh-thâm» trong vụ ly-dị. Đã hội đủ «các yếu tố pháp-lý», mà thiếu một chánh-thâm, chết chẳng hạn, thì... thôi. Chồng đòi ly dị, vợ bằng lòng, anh ta phải đền một lợn, một vò rượu. Khi người vợ ly dị lấy chồng khác, phải đền chồng cũ phân nửa phí tổn cưới xin, nhưng được giữ con. Bù lại, chồng cũ phải đền chồng mới một khoản tiền... phá trình. Có trường hợp chồng cũ phải đền nặng hơn, nếu ngày trước anh ta còn khát nợ nhà gái, chưa nộp đủ sinh-lễ. Nếu vợ đòi ly dị, sau khi hoàn trả hết thấy sinh lễ, chị ta cũng bị nộp phạt một lợn, một vò rượu, và mất hết các con cho chồng.

Chồng ngoại tình, vợ không được đòi ly-dị, nhưng có quyền bắt vợ một con gà. Vợ ngoại-tình với người quen, gian-phu bị phạt tiền kèm với một con lợn và một vò rượu (nếu cuộc thông-dâm xảy ra ngoài trời). Loạn luân, phải nộp bốn trâu (cho chồng), một lợn và một vò rượu (cho làng). Từ đó, người vợ sẽ bị xếp xuống hàng đầy tớ. Tội chữa hoang cũng tương tự. Nếu gian-phu không đủ sức bồi thường phải ở đợ cho nguyên đơn.

Chồng chết mà đã hoàn tất các khoản cưới xin, chị dâu phải làm vợ em chồng. Nếu không chịu, nhà gái phải trả của.

Riêng sắc dân Koho có tục «chạm ngõ» hoặc chạm ngõ cụ-thể hơn các sắc dân khác. Nhà gái sang nhà trai ăn cỗ rồi chia hạt cườm cho mọi người, làm như phân-bua rằng đôi bên đã thuận tình gả bán. Chú rể, cô dâu được tặng giây chuyền cườm, đeo ngay lúc bấy giờ. Sau đó, nhà trai thách cưới

vá định ngày rước rề. Người Koho lại có tục «nhị hỉ», sau hôm cưới bảy ngày, cô dâu theo chồng về bên nội, ở lại một tháng, để tỏ lòng biết ơn «các cụ». Trở lại bên ngoại, vợ chồng gầy dựng một năm, lại trích ra một số lợi tức, đặt được nhờ ở của «hồi môn của chú rề», đem biếu bố mẹ chồng, cảm tạ một lần nữa. Ai muốn ly dị cũng phải bồi thường cho kẻ phối ngẫu, từ 2 đến 15 trâu, tùy theo sự nại có có chính đáng hay không. Ngoại tình bị phạt đúng 15 trâu, hai kẻ thông dâm liên đới lo liệu, tạ lỗi với nguyên đơn 14 con, và dân làng 1 con. Hồi trước, trong sắc dân Koho, gian phu dâm phụ thường bị nạn nhân (dù chồng dù vợ) tìm dịp ám hại, chứ không cần ai phân xử. Nền loạn luân, cả đôi sẽ bị làng khép án «trầm hà», hành hạ chán chê, muốn ra sao thì ra

Sắc dân Teu thế mà trử tình. Trai muốn tìm vợ (phụ-hệ) cứ thử tặng quà cô gái, nếu nàng nhận, là nên duyên. Bấy giờ nhà trai sẽ cho người sang nhà gái, «đánh tiếng», và xin «chạm ngõ» bằng tiền mặt. Người Teu dẫn cưới cũng tốn kém gần bằng lệ bộ của người Stiêng, trâu nôi, chiêng...Khó hơn nữa, có nhiều nhà gái thách cưới cực kỳ riết-róng, cả họ đều có thể yêu-xách, mỗi người một hiện vật, thích cái gì đòi cái ấy, đến nỗi nhà trai phải xin «cưới chịu,» mang nợ đời đời. Nếu chú rề không thanh toán được, thì để con gái phải gán nợ cho bên nhạc gia, để các cụ ngoại khai thác khi nào nó lấy chồng. Ngộ nhớ không có con gái, cha phải dẫn con gán nợ cháu gái sang bên ngoại. Cho nên, đàn ông Teu, ít ai dám hỏi vợ. Cha chết, để thiếp lại cho con, tức di-ghe thành hôn với

con chồng. Anh chết, để vợ lại cho em, chị dâu lấy em chồng !

Người Rhé cũng có thời kỳ «hứa hôn» như người Teu. Trai gái làm quen nhau trước khi cưới gả, trong vòng một tháng. Đặc biệt họ có bà mối, «rá». Tội gian dâm của họ cũng tổn trâu tổn rượu như người Koho ..

Năm tháng trên thanh tre

Vợ chồng sống chung chưa đầy một năm mà đã có con, sẽ bị đuổi khỏi làng, tội «tiền dâm hậu thú». Có điều người Thượng không ngờ các bà cô, bà bác người Kinh đi ăn cưới vẫn chúc nàng dâu cái câu cửa miệng, rằng *chưa đầy năm mẹ đã đầy tháng con*, để vào ngay tháng thứ mười-một. Thế cũng còn chậm, bởi vì thời kỳ mang thai chỉ cần có 9 tháng mười ngày. Nhưng người Thượng cứ bắt đàn-bà mang thai lâu hơn — lâu hơn ba tháng nữa, — chỉ vì họ làm tính sai. Họ không đếm thông được nhiều. Tính tuổi, mỗi lần Tết, họ khắc vào cái gậy một nốt dao. Tính việc, họ chỉ biết «bẻ que» để đếm lại, trước mỏng thanh tre, vừa đếm vừa bẻ gập từng khúc, bao nhiêu khúc là bấy nhiêu số. Và chẳng, mỗi lần Tết của họ chưa chắc đã đủ một năm, và mỗi năm không nhất thiết phải đủ mười-hai tháng.

Bố mẹ chết, chị cả được thừa hưởng di-sản. Con trai đã lập gia-đình, tức đã «xuất giá tòng thê», sẽ mất quyền hưởng gia tài. Đàn ông đi làm rề, mà vợ chết, thì nên tục-huyền với em vợ, nếu không, hãy ra về tay trắng. Trường-hợp chị cả đã có chồng, còn bận việc gia-đình, không đích thân phụng-dưỡng cha mẹ già, tuy vẫn có quyền

thừa hưởng, nhưng phải « tương phân » quyền lợi cho em gái, em gái chứ không phải em trai. Nếu chị cả lại mãi phần, trừ trường hợp anh rề sẽ tục huyền với em vợ, phải bỏ lại hết của cải, con cái cho « di nó », hoặc « ông cậu », hoặc ai khác thuộc bên ngoại.

Trong khi đó, đàn bà người Kinh mà « bước thêm bước nữa », cũng phải bỏ lại hết của cải, con cái cho bên nội. Kinh Thượng đã gặp nhau ở luật lệ thừa kế di-sản, tương phân phụ-phụ, chỉ khác nhau, một đẳng mẫu-hệ, một đẳng phụ-hệ, và chênh-lệch đôi chút về

phương-diện định quyền đặc hưởng liệt-sản thôi.

Nhưng nếu trở lại trình-độ xã-hội ban sơ của người Kinh, thuở còn « luật lệ thoát thai từ tục-lệ », gia-đình cũng đã tuân theo « Hội-đồng Gia-tộc ». Tôi muốn nói, hiện thời, người Thượng vẫn họp nhau, giữa các ông già bà cả, những người am tường cổ tục, « hiểu luật », để phán xét, xử sự, đúng hơn, qui định các khoản « cộng hữu » trong vấn-đề « tương phân tài-sản », và các « trái chủ » vẫn tuân theo.

LAN ĐÌNH

(trích trong cuốn « Người Thượng ở khắp nơi, trên Thế-giới » sẽ xuất bản)

MỚI TAI BẢN

BƯU KẾ

TÀM NGUYÊN TỰ ĐIỀN

Quyền sách rất có giá trị, cần thiết cho học sinh và sinh viên

Bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ

62 Lê-Lợi Saigon

Hai tác phẩm mới của Nhà Xuất Bản HỒNC ĐỨC

• PHÍA NGOÀI

Tập truyện của HUYNH PHAN ANH và NGUYỄN ĐÌNH TOÀN
10 sáng tác chọn lọc của 2 nhà văn thời danh. Một tác phẩm
tiêu biểu của lối viết hiện đại.

• SARTER và HEIDEGGER trên thảm xanh

Khảo luận của TAM ÍCH

Những trình bày cặn kẽ và những nhận định công bằng về triết
lý hiện sinh

Chuyện cá voi

Sau mấy ngày mưa trời Monterey mới trong sáng và đẹp làm sao ! Gặp ngày lễ nghỉ khỏi đi làm, phố xá đóng cửa, Linh Bảo còn đang chưa biết tiêu phí suốt cả ngày trời ra sao thì bỗng có ông bạn đến mời đi xem cá Voi. L.B. nhận lời ngay. Xe chạy dọc theo bờ biển độ 10 dặm, rồi đường lớn chạy vào một con đường nhỏ sát biển. Ông bạn cho xe dừng cạnh mấy chiếc xe khác.

L.B. nhận thấy có cả một chiếc xe cắm trại có đủ bàn ghế giường bếp v.v. L.B. đang thăm phục ông nào yêu biển đến nỗi dọn nhà ở cạnh trong mùa mưa gió thế này, thì ông bạn kéo L.B. đến giới thiệu với một ông râu ria ngồi cạnh một con chó đang biên biên chép chép, có lúc lại cầm ống nhòm nhìn ra biển một hồi xong lại biên biên chép chép.

Ông bạn bảo :

— Đây là Bác sĩ D.R ông ấy đang đếm cá Voi.

L.B. ngạc nhiên hỏi :

— Đếm cá Voi để làm gì cơ ?

— Cô không trông thấy à ? Mỗi vệt đen ngoài bề kia là một con cá Voi. Cô có thấy nó thò ra không ? Làm sương mù vọt lên không trung kia là hơi thò ra của nó đấy.

Ông bạn lại chỉ tay ra biển :

— Kia, một con đang quật đuôi lên kia.

— Thế thì còn đầu nó đâu ?

— Nếu cô chịu khó theo dõi sẽ thấy có lúc nó ngóc đầu lên nhìn chung quanh, như thế gọi là 'spyhopping'.

L.B. hỏi ông bạn đếm cá :

— Ông đếm được bao nhiêu rồi ?

— Tôi vừa mới đếm giúp cho ông bạn đi ăn cơm trưa. Coi bộ cũng khá, một giờ vừa qua được 25 con, chia ra làm 6 đoàn.

— Làm sao mà đếm được hờ ông ? Chúng nó lênh đênh khắp biển mông mênh thế kia !

Ông bạn râu ria chỉ vào một mòm đá nằm chia ra biển nói :

— Cô nhìn mòm đá kia làm chuẩn. Con nào qua khỏi mòm đá ấy mới đếm.

— Nhưng ông đếm để làm gì thế ?

— Đếm để nghiên cứu xem năm nay có bao nhiêu cá Voi đi về miền Bắc.

L.B. không thể nén được tình tò mò hỏi thêm :

— Chúng nó về Bắc làm gì hờ ông ?

Ông Bác sĩ râu ria nhìn ông bạn tôi bảo :

— Cho cô bạn của ông một bài học cá Voi đi. Tôi còn phải đếm kẻo nhớ.

Ông bạn tôi cắt nghĩa :

— Mỗi năm vào quãng tháng hai, tháng ba thì cá Voi bỏ quê lội về phía

Bắc. Lúc đầu chúng đi từng đoàn nhỏ, càng chậm đoàn càng đông. Có khi người ta đếm được đến 60 con đi qua trong một giờ. Đến cuối tháng tư thì những con chậm chạp nhất phải lên đường.

— Chúng nó đi đến đâu và đi làm gì ?

— Chúng nó đi từ Baja California đến đầm nước mặn Point Barrow Alaska, gần 6.000 dặm ! Chúng nó tán tỉnh nhau trên đường, lấy vợ lấy chồng, và những con có chửa thì đẻ ở đấy. Đến mùa đông khi nước đóng băng thì chúng nó lại kéo nhau lũ lượt lội về miền Nam.

— Thế chúng nó chỉ độc có một việc lội đi lội về như thế suốt đời sao ?

Ông bạn gật đầu :

— Đúng rồi. Đó là việc chính của chúng nó. Nửa đời của nó tiêu vào những cuộc lữ hành tập đoàn ấy.

— Cá voi đẻ như thế nào hở anh ?

— Chúng nó đẻ con đuôi ra trước, đầu ra sau. Lý do là nó thở bằng không khí, nếu đầu ra trước lại không có bà Mẹ, cô đỡ, bác sĩ húng lấy thì ngộp và sặc nước chết ngay. Vì thế đuôi ra trước khi nào đầu ra hết thì cá mẹ sẽ xoay mình đỡ lấy con nâng nôi lên mặt nước, con cá voi bé sẽ tập cách thở và nín thở cho quen. Nếu cá con học thở nhanh đầu ra đấy thì cá mẹ sẽ cho bú.

— Anh nói đùa đấy à ?

— Thật đấy mà ! Tồ tiên của nó ngày xưa cũng ở trên đất liền. Nó là loài động vật có vú, cũng như...ơ...ơ...cũng như...

L.B vội gạt đi :

— Cá mẹ có thai độ bao lâu thì đẻ hở anh ?

— Cá Voi mang thai độ một năm,

để xong phải cho con bú 9 tháng. Vì thế nó đẻ cách năm chứ không thể đẻ năm một được.

— Cá Voi to đến như thế nào anh ?

— Loại cá Voi Grey Whale mới đẻ độ 2 tấn, Cá Blue whale mới đẻ độ 8 tấn, 1 phần 12 bề dài của mẹ, và mẹ nó cho bú 50 gallons sữa mỗi ngày. (1 gallon là 4 lít rưỡi).

— Nhưng nó ở dưới nước thì cho bú cách nào ?

— Cá con há miệng ngậm sát vú mẹ. Cá mẹ dùng sức bấp thịt bắn tia sữa vào mồm con thật nhanh. Sữa cá Voi rất đặc chỉ có 45% nước, sữa bò đến 85% nước. Sau 7 tháng nó dài gấp đôi, nghĩa là mỗi ngày lên 220 cân Anh, dài độ 26 feet.

— Nó không có răng, nó ăn như thế nào hở anh ?

— Chúng nó há mồm ra, cá nhỏ tôm tép lội vào đầy mồm, xong nó ngậm mồm lại. Chung quanh mép bên trong có một vòng đai "baleen" như cái hàng rào thưa, nước chảy qua cái hàng rào thưa ấy ra ngoài. Cá Voi dùng lưỡi đẩy tôm tép vào cuống họng và nuốt chửng luôn.

— Vừa rồi anh bảo nó thở không khí, vậy nó thở dưới nước như thế nào ?

— Nó chỉ ở dưới nước được từ 3 đến 8 phút mà thôi. Khi thở ra trông như phun sương mù. Mũi nó ở trên đầu nên nó có thể trồi đầu lên một chút hơi khỏi mặt nước hít không khí vào thực nhanh. Khi nó lặn các thớ thịt trong mũi tự động đóng chặt lại nước không thể nào vào phổi được. Cũng nhờ đường mũi đi vào phổi riêng biệt không qua mồm nên nó có thể ăn và thở không phiền đến nhau.

— Thế thì một con cá Voi to nhất nặng bao nhiêu cân hử anh ?

— Cá Voi có nhiều loại, loại to nhất là Blue Whale dài 100 feet, nặng 130 tấn. Cá Grey Whale dài độ 40 đến 45 feet, nặng từ 32 đến 37 tấn.

Thấy ông bạn râu ria quay lại nhìn, L.B. hỏi :

— Các ông phải đếm đến bao giờ mới về nhà ?

— Mùa cá đi qua như thế này, mỗi ngày chúng tôi có người thay phiên nhau ngồi đếm từ sáng tinh mơ cho đến tối mịt.

— Thế ban đêm nhờ chúng đi qua thì sao ?

— Không trông thấy được thì đành nhờ vậy. Ít nhất chúng tôi cũng biết được số cá ban ngày.

— Sở Nghiên cứu của ông là sở gì hử ông ?

Ông bạn L.B. vội vàng giới thiệu thêm :

— Bác sĩ D.R. là Giám đốc cơ quan U.S. Bureau Commercial Fisheries, ông phụ trách tất cả những gì thuộc về ngư nghiệp của cả nước Mỹ. Ông ấy có một chiếc tàu đi tuần khắp nơi. Mùa này cá Voi đi qua nên ông đến tận nơi quan sát.

Thấy L.B. bỗng dưng buồn, ông bạn hỏi :

— Cô chán cá Voi rồi phải không ?

— Tôi chưa chán, trái lại tôi muốn xem cả con cá kia. Chỉ thấy có một cái đuôi hay một cái đầu xa xa thế này thì tức chết được !

Ông bạn ngẫm nghĩ một lúc xem đồng hồ bảo :

— Trước hết nó không phải là « cá » cô nhớ chưa ? Nó là một loài động vật thở bằng không khí, đẻ con, cho con bú, nó không phải là « con cá » mà là « mamm-mal » như ai vậy.

— Vâng, còn gì nữa ?

— Xong rồi, nếu cô muốn xem cả « con cá » thì cô phải đi chơi với tôi suốt đêm hôm nay.

L.B. tròn tròn mắt :

— Anh ăn nói hay quá ! Anh điên đấy à ?

Ông bạn vội vàng làm nghiêm cái chính :

— Tôi nói thật, đứng đắn lắm mà ! Ở San Francisco có một hãng đánh cá Voi. Họ đánh cá ban ngày kéo về ban đêm, và làm thịt suốt đêm.

— Thật không ? Chúng ta đi xem đi !

— Thì tôi đã bảo nếu cô bằng lòng đi chơi suốt đêm thì được.

— Anh phải cho tôi biết chương trình như thế nào trước đã !

Ông bạn tính toán một lúc nói :

— Thế này nhé, bây giờ ta về nhà lấy thêm quần áo ấm và giày cao su hay giày mưa cao cổ. Xong rồi chúng ta đi ngay. Đến nơi vừa tối ta vào phố Tàu ăn cơm. Cơm xong đến đây xem cho đến chán. Nếu cô không muốn ở lại khách sạn thì phải đổi tay lái với tôi lái xe suốt đêm về. Cô nghĩ thế nào ?

Như thế còn gì bằng. L.B. và ông bạn vội vàng chào Bác sĩ D.R. vẫn còn đang đếm đếm chép chép, lên xe về nhanh như chớp.

oOo

Lúc L.B. và ông bạn vào đến « phòng mờ » thì đã 10 giờ đêm. Người ta đã xé

xong con cá thứ hai. Ông bạn và L.B. đến chào những người đang nghiên cứu. Bác sĩ D.R. ông bạn râu ria đếm cá lúc ban ngày lại chỉ huy ở đây nữa !

Phòng mổ cá là một cái nhà to rộng mênh mông xây ngay sát bờ biển. Bên ngoài cửa phía biển, mấy con cá Voi nổi lênh bênh dưới nước đang đợi kéo lên. Người ta móc xích sắt vào mõ con và dùng máy trục kéo đuôi lên trước. Khi toàn con cá vào trọn trong nhà rồi, cửa lớn đóng lại, các nhà Bác học bắt tay vào việc. Trước hết họ đo bề ngang, bề dài, bề cao, đầu, đuôi, bụng, họ đo tất cả những cái gì đo được. L.B. không hỏi nhưng đoán con cá vừa kéo lên độ 30 tấn và dài độ 30 feet.

Ông bạn nói thầm :

— Đây là một con cá Voi Xám đực.

— Sao anh biết nó là cá đực.

— Cô trông thấy cái vật trắng dài độ hơn 2 feet lòi ra ngoài thân hình con cá không ? Đó là «nam tính» của nó, khi chết thì lòi ra ngoài.

Các bác đồ-tề đợi đo xong, xông vào xẻ thịt. Họ cầm những thanh đao cán dài thật lớn, bước trên mình cá Voi xẻ thịt xoèn xoẹt, máu chảy lênh láng khắp sàn nhà. Bắt đầu họ cắt lườn cá ra trước đó là phần nhiều mỡ hay là toàn mỡ, phần thịt để riêng một bên.

L.B. hỏi ông bạn :

— Họ chia hai thứ thịt và mỡ ra để làm gì hở anh.

— Phần mỡ và đầu đuôi tất cả họ cho vào máy tiện ở góc tường kia để cắt ra từng tảng nhỏ cả đầu, xương bất cứ cái gì để ép dầu. Phần thịt dùng để làm đồ hộp cho chó mèo.

L.B. trông thấy các bác đồ-tề lột mỡ sát làn da để bày ra lớp thịt đỏ hồng, thớ thịt dài trông như thịt bò. L.B. lại hỏi ông bạn :

— Tại sao họ phải lột lớp mỡ ra thế kia ? Và tại sao nó có nhiều mỡ kinh khủng ?

— Lớp mỡ dày dưới làn da ấy để cho cá Voi khỏi bị lạnh khi nước bắt đầu đông băng ở miền Bắc. Và đó cũng là nguồn chất bổ để cá Voi tiêu dùng khi đến mùa nhịn đói, không bắt được gì ăn, có khi hàng 7, 8 tháng, mỡ ấy sẽ nuôi dưỡng cá Voi. Người ta phải lạng mỡ đi, lấy toàn thịt mới dùng làm đồ hộp cho chó mèo được.

Phần thịt đã xẻ ra từng tảng to, các bác đồ-tề dùng đại đao cán dài chặt ra từng miếng nhỏ độ 2, 3 cân ném vào những bể nước lạnh như băng để đợi chờ đi năng làm đồ hộp.

L. B. hỏi một bác đồ-tề :

— Thịt cá Voi có ngon không bác ?

— Ngon lắm chứ, cô có muốn ăn thử không ? Tôi bảo cô cách làm nhé. Cô lấy một thìa dấm cho vào ít nước lã, ngâm miếng thịt cá Voi độ vài giờ. Xong cô rửa sạch mùi dấm rán ăn giống hệt như thịt bò.

Muốn sang một góc phòng khác, L.B. phải lội trong những vũng máu lênh láng đông đặc lộn cợn chỉ sợ nhỡ trượt ngã. Ông bạn chỉ một con cá Voi mắt nhắm nghiền trông rất ngây thơ bảo :

— Đây là một con cá Voi baby còn ở trong bụng mẹ vừa được móc ra. Độ 1 tháng nữa sẽ sinh. Con cá baby này dài độ 20 feet, nặng độ 1 tấn rưỡi, màu da xám tươi mịn trông rất xinh ; chả giống những con cá lớn đầy những vật ký sinh

bám đầy quanh mồm. Vây, đuôi đề sống nhò.

Một nhà bác học đang dùng đồ nghề như xiên, đục, dao, kéo... moi móc lỗ tai cá Voi. Thấy L. B. chạy đến tò mò nhìn, ông ấy ; cắt nghĩa :

— Cục xương mềm ở trong lỗ tai có những vành tròn, khi cắt ra đếm được bao nhiêu vành là nó được bấy nhiêu tuổi, cũng như xem tuổi của cây gỗ đồ vậy.

Một góc khác, Bác sĩ D.R. tay đeo găng cao su đầy máu đang mò mẫm sờ soạng trong một đồng bầy nhầy to bằng cái thúng, không trông rõ là cái gì. Ông bạn bảo :

— Đây là dạ con của một con cá Voi cái. Bác sĩ D.R. đang tìm xem những quả trứng già ở trong buồng trứng.

— Tôi chưa hiểu tại sao lại có cái vụ trứng già trứng non.

Trong buồng trứng của cá Voi cái mỗi năm chỉ có một quả thụ thai được thôi. Sau khi đẻ con xong quả trứng ấy sẽ teo nhỏ lại nằm yên một nơi, và một quả trứng tươi non mạnh khác sẽ thành hình để thụ thai năm tới. Tìm được tất cả những quả trứng già thì có thể tính được đại khái con cá Voi ấy bao nhiêu tuổi. Ví dụ cá lớn độ 5 năm thì bắt đầu cặp bồ, 2 năm mới đẻ một lần vì chữa một năm, cho con bú 1 năm. Cứ thế mà tính.

— Thế các ông ấy còn muốn biết gì nữa ?

— Nhiều lắm, còn rất nhiều thứ người ta đang tìm hiểu, còn phải nghiên cứu rất lâu.

— Cơ phải hãng này muốn bắn bao

hiều cá Voi cũng được không anh ?

— Các loại cá Voi khác thì được giết nhiều hơn. Loại cá Grey Whale này chỉ được phép giết 100 con thôi ; nhưng phải để cho các nhà bác-học nghiên cứu tru tiên, và cũng vì lý do ấy họ mới được phép bắn cá Voi.

— Tôi nghe hình như quốc-tế dự vào việc bảo vệ cá Voi của toàn thế giới.

— Đúng rồi, năm 1937 Hội International Whaling Commission bắt đầu bảo vệ cá Voi ; vì các nước, nhất là Nga và Nhật giết rất nhiều cá để lấy dầu dùng trong kỹ nghệ. Cá Voi gần như bị tiêu diệt.

Lúc mới bắt đầu 17 nước ký hiệp-ước với nhau, về việc chia phần số cá mỗi nước được phép đánh trong một năm. Nhật nằng nặc đòi cho được phép giết 10,000 con một năm. Số cá không sinh sản kịp nên tuy được phép mà không có cá để đánh. Theo thống-kê năm 1934 Nhật bắt được 15 000 con. Số cá ít dần cho đến năm 1964 thì chỉ bắt được 20 con thôi. Lúc bấy giờ quốc-tế mới phát hoảng lên bảo vệ triệt để. Hiện giờ số cá trong biển có lẽ lên đến hơn 10 nghìn con.

— Nếu họ vẫn tiếp tục giết thì sao ?

Ấy thế họ mới phải tính sao cho quân bình, chia phần cho các nước bắt cá thế nào mà số cá sinh sản ra nhiều hơn số cá bị giết mới được.

— Cá Voi theo chế độ đa thê hay độc thê hở anh ?

Loại Sperm Whale đa thê. Một đàn cá cái đi với một đàn cá đực. Anh chàng nào lém phéng đến gần là bị đánh tơi bời. Con cá đực làm chủ nhân harem của

mình cho đến khi con cá khác mạnh hơn đánh đuổi phải nhường ngôi.

— Tôi còn một câu hỏi nữa, Cá Voi ngủ như thế nào ?

— Thường thường trong mùa Bắc tiến chúng nó lặn suốt ngày đêm. Khi nào đến nơi mới có thì giờ để ngủ. Chúng ngủ nổi trên mặt nước, mỗi giấc ngủ độ từ nửa giờ đến 1 giờ.

Trên đường về để giúp ông bạn đỡ buồn ngủ nhớ xây tay lái, L.B. kể cho ông bạn nghe chuyện cá Voi Việt-Nam.

— Dân miền biển ở Trung-Bắc Việt-Nam có tục khi cá Voi chết tấp vào bờ, người nào trông thấy cá Voi trước tiên phải làm con trưởng. Tuy dân làng xẻ thịt cá, lấy đầu cá, chặt xương nấu cao để dùng, nhưng họ làm một đám táng tượng trưng cho cá Voi. Người «con trưởng» của cá voi phải chống gậy đi dật lúi trước cái hòm tượng trưng, phải mặc áo tang sô gai, và phải để tang ba năm như bố chết thật.

Ông bạn nửa tin nửa ngờ hỏi ;

— Nhưng tại sao họ lại làm như thế?

— Vì dân chài Việt Nam tin rằng cá Voi không bao giờ hại dân chài, Trái lại khi có bão táp nhớ còn ở ngoài khơi, cá Voi gặp được sẽ đẩy thuyền họ vào bờ. Vì thế giữa người dân chài Việt Nam và cá Voi có một hiệp ước riêng, Người không giết cá Voi và cá Voi giúp người khi nào người cần đến.

Hơn nữa cá Voi còn được gọi là «cá Ông» Tôi đã có dịp viếng một vài đền thờ cá Voi ở các làng đánh cá miền Trung Bắc. Phần nhiều mỗi làng có một đền thờ «Ông» Trước khi đánh một chuyến cá quan trọng, xa hay lâu, họ đến đền thờ cầu khẩn đề xin «Ông» phù hộ cho họ ra biển được bình yên trở về.

Khi nói đến cá Voi họ dùng chữ «Ông» một cách kính cẩn và đầy mến yêu, chứ không dùng tên cá voi bao giờ.

Ông bạn cười bảo :

— Cá Voi có 20 loại. Tôi nghĩ là khi họ gặp loại Killer Whale có răng nhọn hoặc họ sẽ buồn lắm.

Thấy L.B. bỗng dưng có vẻ không vui ông bạn đỡ dành :

— Bây giờ cô lại sắp đỡ chúng gì nữa đây ? Cô đã xem đầu cá, đuôi cá, lại còn được xem cả «con cá» như ý cô muốn rồi, còn đòi gì nữa ?

— Tôi muốn ăn thử thịt cá Voi.

Ông bạn phá lên cười thò tay vào túi lấy ra một gói nhỏ đưa cho L.B. Mở xem thì ra đây là một hộp cá Voi hộp.

Thấy L.B. vẫn còn có vẻ suy nghĩ, ông bạn kể :

— Chúng tôi có dự định tổ chức một Ban Nghiên cứu, đi thuyền ra biển tìm cá Voi để bắn vào mình nó một cái máy nhỏ, dùng điện tử để dò theo suốt cuộc hành trình của nó.

— Tôi đi theo xem được không ?

— Được nhưng cô phải quay phim màu hộ tôi.

— Bằng lòng, nếu anh dám phí phim để tôi quay. À còn cái ảnh anh vừa chụp tôi đứng cạnh con cá Voi đực, đèn tối quá chắc in ra không rõ, Tôi muốn có một cái thật rõ để gửi về Việt Nam. Anh bảo tôi làm thế nào bây giờ ?

Ông bạn gật gù thờ dài làm bầm :

— Bây giờ tôi mới hiểu thấm thía cái câu : «Ách giữa đàng, quàng vào cồ» Đành là hôm nào phải đi chụp lại vậy.

LINH-BẢO

Monterey tháng hai 1969

NHƯ CHỖ NGHỈ CHÁN

Truyện ngắn TỪ-KẾ-TƯỜNG

Nguyễn và Hân bước vào quán. Thiếu úy Long cùng mấy người lính đang ngồi ăn uống ở chiếc bàn gần cửa ra vào đều lên tiếng chào. Long đưa tay bắt và mời Nguyễn ngồi chung bàn nhưng Nguyễn từ chối. Chàng và Hân đi thẳng đến chiếc bàn trong cùng. Ông chủ quán bước ra tươi cười hỏi :

— Hai thầy dùng chi ?

— Ăn cái gì chứ Hân, hồi đêm ăn cháo bây giờ thấy cồn cào trong bụng

— Tôi cũng nghĩ là mình nên ăn cái gì. Nhưng chẳng lẽ lại ăn hủ tiếu hoài.

Nguyễn cười :

— Chứ ở đây còn có cái gì khác nữa đâu ?

Ông chủ quán nói :

— Hay là hai thầy dùng xiu mại đi, ở đây mới có thêm món đó. Thợ mới ở tỉnh về, ngon lắm. Ngon không chê được.

Hân vỗ vai ông chủ quán :

— Vậy thì cho chúng tôi món đó đi. Ăn xiu mại với bánh mì nghe Nguyễn ?

— Sợ cậu chứ còn tôi cái gì cũng xong.

— Dạ, hai thầy uống chi tôi làm luôn một thê ?

Nguyễn nói :

— Tôi như thường lệ.

— Tôi cũng như thường lệ.

Ông chủ quán trở vào một chút mang ra đầy đủ, xiu mại, bánh mì và hai ly cà phê sữa. Hân hỏi :

— Hình như hồi tối có đụng ở đâu đó phải không ông ?

— Dạ, nghe nói đâu miệt Tân Định gì đó.

— Có chết ai không ?

— Cái đó thì còn trong vòng bí mật.

Ông chủ quán vừa nói vừa xoa hai tay vào nhau ngó chừng về phía Long :

— Dạ, hai thầy muốn biết xin hỏi ông trưởng đồn. Không phải tôi sợ, nhưng...

Hân cười :

Tôi biết. Thôi chút nữa tôi hỏi lại ông trưởng đồn xem Nguyễn và Hân bắt đầu ăn. Buổi sáng đã có hơi ấm. Nắng từ một nơi nào đó làm hồng một khoảng trời trước mặt. Hai hàng me tây lên lá xanh, những mái ngói còn ướt sương và nước mưa. Tiếng chim hót riu rít trong cành lá. Sau một đêm mưa khu chợ như mang một bộ mặt khác, tươi thắm và trong vắt. Nguyễn thấy dễ chịu và tươi tỉnh hơn cũng sau đêm mưa đó. Đêm mưa huyền diệu cho một thời tiết có tác dụng sơn phết lại hồn người. Lúc Nguyễn uống cà phê Hân cũng vừa ăn xong. Hân nói tạm được, đỡ phải nhai hoài một thứ, đời sẽ có ý nghĩa hơn. Nguyễn nói :

— Cậu lúc nào cũng quan trọng, mệt!
Hân châm thuốc cười:

Phải vậy mới được, sống ở đây mình thiếu thốn đủ mọi thứ. Thế nên lúc được hưởng cái gì mình hãy hưởng ngay cái đó. Vả lại cậu thấy, đời sống nó bấp bênh lắm, biết đâu đêm nào đó mình lãnh nguyên một quả, chết không kịp ngáp.

Nguyễn làm thính, chàng tránh mọi sự cãi vã với Hân. Không ích lợi gì còn bực mình. Về đây chàng như lạc lõng hoàn toàn. Nguyễn thấy mình bơ vơ giữa các đồng nghiệp, không khí hàng ngày gặp nhau là cái không khí giả vờ, cười nói như đang đóng một vai trong vở kịch. Nguyễn trở nên mệt nhọc và buồn nản. Nguyễn chỉ còn hy vọng ở đám học trò. Chàng cố gắng với lương tâm và quyết mang vào lớp học một sinh khí mới, sơn phết ngôi trường một lớp sơn mới. Nguyễn nghĩ dù sao mình cũng phải chấp nhận cuộc sống hiện tại. Dù sao cũng phải hoàn tất vai trò mình đang đóng. Vai trò của một nhà giáo thời chiến với đám học trò khổn khổ như tuổi thơ chúng. Ngày đầu tiên mới tới Nguyễn cũng thấy ngao ngán, lo sợ khi hằng đêm phải bị đánh thức dậy nhiều lần để chui xuống hầm trú ẩn tránh đạn pháo kích. Hay phải nghe tiếng đạn ròn rã của một mặt trận nào đó kề bên quận lỵ. Đời sống đe dọa từng giờ từng phút làm Nguyễn sốt ruột muốn từ bỏ tất cả để trở về thành phố. Chàng sẽ có một đời sống khác, an nhàn thoải mái hơn cái nghề gõ đầu trẻ nơi một quận lỵ hẻo lánh này. Nhưng khi bước vào lớp học bao nhiêu gương mặt đen đúa cùng khờ ngơ lên theo dõi, chiêm ngưỡng ông thầy giáo

mới với tất cả sự rộn rã trong đáy mắt làm Nguyễn xúc động thật sự. Chàng đã hoàn toàn không ngờ tới sự cách biệt của một ngôi trường tiểu-học tỉnh với một ngôi trường tiểu-học quận. Đám học trò ở đây là hiện thân của bất hạnh, là tiêu biểu cho tuổi thơ vỡ nát trong đời sống hỗn nhiên của mình. Sự học đối với tuổi thơ ở đây như là một xa xỉ phẩm và lũ học trò không cần thiết phải theo đuổi. Chiến tranh đã kéo học trò về với những lo âu không phải lúc và chiến tranh bất chợt cướp mất chúng trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp phi-lý nhất mà thầy giáo bất lực, chỉ đứng nhìn lớp học một ngày một thêm trống vắng. Nguyễn từ những ngày đó đã chấp nhận cho mình một cuộc sống gắn liền với đám học trò, với ngôi trường, với cái quận lỵ này. Và chàng đã sống qua ba tháng, thời gian cam go thử thách nhất đối với Nguyễn. Bây giờ Nguyễn đã quen với tiếng súng, quen tất cả mọi người ở đây. Cái chết hiển nhiên như mặt trời, cộng mây, hòn sỏi. Nguyễn đã nhìn thấy mỗi ngày và đã quen.

Chờ cho Hân uống hết ly cà phê Nguyễn kêu ông chủ quán ra tính tiền rồi đứng lên. Lúc đi ngang qua bàn của Long, Hân hỏi:

— Hồi hôm đựng ở đâu vậy thiếu úy?

— Tụi nó về bỏ cái bót cầu sắt Tân Định nhưng chẳng làm nên trò trống gì. Lâu lâu buồn tình phá nhau cho vui vậy thôi.

— Có ai bị thương hay chết gì không?

— Huề cả làng.

Hân đưa tay lên trời:

— Vậy mà hồi hôm mình câu mọc ché

đủ quá, tôi tưởng đựng trận lớn.

Long cười xòa :

— Thì cũng chơi cho vui vậy thôi.

Mấy người lính và Hân cười theo. Nguyễn đứng ở cửa bật diêm châm thuốc.

Chàng và Long quen nhau từ ngày mới tới. Long còn trẻ, chịu chơi và vui tánh. Trước khi về đây Long đã ở Cao Nguyên và làm lính văn phòng, vì cãi nhau đánh lộn với cấp chỉ-huy nên bị tống về quận này. Long nói tôi như một thứ đi đây nhưng chả làm sao cả, sống như vậy mà khoẻ hơn, làm lính văn-phòng riết bó chân bó tay và quên bắn súng. Long về đây vừa kịp lúc thay thế ông trưởng-đồn già bị ám sát bằng mấy phát súng cũng chính tại quán này trong buổi sáng sớm. Từ đó Long đã làm thay đổi hẳn bộ mặt của khu chợ. Sự trẻ trung và tánh chịu chơi cũng như cái máu của người sinh-viên văn-khoa đã giúp Long hòa hợp dễ dàng với đời sống này. Đời sống mà trước đó được coi như đời sống chết. Long được sự mến thương của mọi người cũng như hầu hết các binh sĩ thuộc cấp. Cái đồn đóng phía trước chợ không còn bị quấy phá nữa bởi những người lính dân-vệ đã phục tùng không còn bất mãn để làm nội-tuyến hay bỏ theo bên kia nữa. Long đã nói về mình một cách say xưa trước người bạn mới trong một quán rượu. Và Nguyễn cũng can đảm nói về mình. Hai người thân nhau từ buổi hôm đó. Nguyễn châm xong điếu thuốc quay trở vào hỏi :

— Cậu còn ngồi đấy à ?

Long nói :

— Cũng sẽ đi ngay. Hôm nay bận chút việc. Nhưng chiều có lẽ rảnh.

— Tôi phải vào dạy. Chiều nghỉ, nếu thích mình lên Phú-Vang chơi.

Long đùa :

— Bộ thầy giáo phải lòng cô nào trên đó rồi phải không ?

Nguyễn vừa bước ra đường vừa nói :

— Thầy giáo không tốt mã bằng ông Thiếu-úy đâu, cậu bày vẽ lo xa.

Long và mấy người lính cười khà khà. Nguyễn nghe tiếng Long thật lớn :

— Xong rồi, chiều đi.

Buổi sáng khu chợ thật tấp nập. Nguyễn gặp rất nhiều người quen, hầu hết đều là người trong làng. Dân trong làng thật bình dị, họ sống thoải mái trước đầu ngày, và gần như không phải thắc mắc gì về những biến chuyển ở thành phố. Có lẽ thành phố ở quá xa họ, cũng có lẽ họ không cần để ý tới ngoài những thửa ruộng những vòng rau cải, đất cát làng mạc này. Nếu không có sự đe dọa mỗi ngày của chiến tranh, đời sống ở đây thật là huyền diệu.

Con đường thật êm ả dưới gót giày. Sau cơn mưa đêm, đất cát nằm in như có một sự vuốt ve nào đó thật nhiệm mầu. Không khí của một cơn mưa lớn vẫn còn làm ngây lòng. Nguyễn cho tay vào túi quần bước đi thênh thang trên những chiếc lá khô rụng từ đêm qua. Trong khi Hân huýt sáo một điệu nhạc theo chiếc Radio của tiệm thuốc Bắc vọng ra. Người Tàu già đang già thuốc trong cối đồng, mùi thuốc hắc bên mũi. Hân bỗng ngừng huýt sáo và hỏi :

— Chiều nay cậu định lên Phú-Vang à ?

— Buồn đi bày chơi. Tôi có quen một vài người bạn trên đó. Cậu có đi không ?

— Tôi bận.

— Tôi hình như chả bận gì cả. Chiều

thứ Bảy đi nhậu sướng nhỉ? Hân hình như không để ý gì đến câu nói của Nguyễn, anh ta tiếp tục huýt sáo. Một đứa học trò từ phía bên kia đường băng qua giờ nón chào Nguyễn. Chàng hỏi :

— Gì thế Sơn ?

Đứa học trò ấp úng một lát rồi nói :

— Dạ thưa thầy sáng nay mẹ em đi dưới quận. Em xin phép nghỉ ở nhà trông em.

Nguyễn hỏi :

— Sao mẹ em không lại trường ?

— Dạ mẹ em đi từ sáng sớm.

Nguyễn chép miệng :

— Thôi được, em cứ nghỉ nhưng phải mượn tập chép bài đấy nhé? Đứa học trò cúi đầu chào bước đi. Nguyễn đã quen với những cảnh nghỉ học ngang xương như thế này. Nguyễn không làm cách nào hơn được khi đứa bé học trò nhỏ bé cần cho gia đình hơn là cần cho học-đường. Sự sống và những cái khó khăn hiện tại đã là một thực-tế ngoài sự thực-tế của một ông thầy giáo. Nguyễn hỏi Hân :

— Trong trường-hợp này cậu đối xử thế nào ?

— Không cho nghỉ.

— Nhưng một buổi học bây giờ không cần thiết cho đứa bé hơn là một iu em ở nhà.

— Tụi nhỏ nhiều khi cũng bịa chuyện để nghỉ học. Cậu đừng tin chúng mà lắm.

Tôi biết từng đứa học trò. Tôi tin không có chuyện đó xảy ra đâu.

Hân mỉm cười :

— Tôi đã từng bị như vậy. Chúng

xin phép ở nhà làm việc này việc nọ nhưng có hôm rồi lại gặp chúng thấy đáo hay là bắn chim.

— Trong tình trạng này tôi nghĩ chúng sẽ lần lượt nghỉ học hết.

— Nhưng chúng ta bắt lực, chiến tranh đã làm băng hoại tất cả. Nguyễn định nói thêm với Hân về bổn phận của một ông thầy giáo trong thời chiến. Nhưng chàng chợt nhớ chính mình cũng chưa có một bổn phận nào rõ ràng. Dạy học một ngày hai buổi, một tuần sáu ngày cũng chưa phải là bổn phận, đúng hơn là bổn phận mơ hồ, phiêu du như mây khói. Trong hoàn cảnh hiện tại, trong giới hạn của một quận lỵ kém an ninh, nghèo nàn và bấp bênh Nguyễn thấy chàng không là cái gì hết cho đám học trò nhỏ nhoi mà bất hạnh lớn lao kia. Sự học trở nên phù du và không tương, hình như mạng sống và miếng cơm manh áo là những vấn đề cần thiết cần có hàng ngày hơn là những bài học thuộc lòng nói về tình yêu thương giữa con người và con người. Những bài toán không làm sáng tỏ một tương lai, không là đáp số đúng cho tuổi thơ sẽ lớn. Ngày tháng nơi đây là ngày tháng rêu gọi từ trong sương mù trùng trùng. Tuổi nhỏ mong manh như giọt nước của cơn mưa rào, mất tăm trong biển lớn, dưới lớp cát khô suốt mùa hè nóng bức, Nguyễn thấy ngợp thở và lênh đênh. Rồi chàng cũng sẽ phải ra đi, rời khỏi cái quận lỵ này nếu chàng may mắn còn sống sót và đầy đủ tay chân để bước đi. Con đường dẫn tới trường học không xa lắm. Hay nó xa mà đã thành gần vì sự thân thuộc của đôi chân Nguyễn. Buổi sáng còn lờng lờng hơi nước của cơn mưa đêm. Nắng ngọt ngào và gió thơm

lưng. Nguyễn đi chậm rãi giữa những đám học trò từ hai đầu đường đổ về những đứa con gái tóc kẹp chấm vai đội nón lá e ấp khi cúi đầu chào Nguyễn. Chiếc áo trắng tinh khôi, đôi giép nhẹ nhàng, hai gót chân vướng cát. Khuôn mặt đôi mắt và nụ cười. Tất cả những thứ ấy đã từng bàng hoàng thảng thốt trong đêm tối, trong ánh hỏa châu, trong tiếng súng ròn rã của một trận chiến nào không biết trước. Những đứa con gái của quận lỵ thật khác xa với những đứa con gái của tỉnh thành. Mặc dù mai đây, cũng trong số học trò của Nguyễn có những đứa con gái ra tỉnh học, trở thành cô nữ sinh may mắn của đồng ruộng, làng xóm, ngôi trường tiểu học nhỏ bé này. Nguyễn dõi mắt về phía trước, xa xa ở một khúc quanh những chiếc xe đạp tiến song song dưới hai hàng sao và phương vĩ. Dưới chiếc nón lá là khuôn mặt hồng tươi, mái tóc uốn ngắn không theo một kiểu nào hết. Những đứa con gái đã biết làm dáng trước các bạn trai đồng tuổi, cùng lớp. Sự dễ thương của tuổi thơ đến độ và luôn luôn nở hoa hồng. Nguyễn mỉm cười, chàng cố ý ấn nhẹ hai mũi giày xuống lớp cát mềm. Tiếng chim sâu hót trên ngọn sao cao. Tiếng nô giỡn của học trò, tiếng kèn xe mở đường. Tất cả tạo thành cái sinh động cho buổi sáng. Nguyễn và Hân bước vào phòng họp. Những đồng nghiệp khác đã có mặt. Ông Phụng ngồi ở chiếc ghế mây rộng hút thuốc. Chiếc "píp" bằng sừng đen bóng phun ra từng cuộn khói. Ông Phụng sáng nay ăn mặc diêm dúa hơn thường ngày. Chiếc áo sơ mi trắng ửng hồng thảng bắng. Cà vạt đỏ có viền trắng. Đôi giày ghe lên bàn mới đánh xi-ra bóng ngời. Nguyễn nghe các bạn đồn ông Phụng có tình ý với bà Liên. Hân chêm : kẻ độc

thân người góa chồng xứng đứt đuôi con nòng nọc rồi còn gì. Nguyễn ít khi để ý đến những chuyện vụn vặt đó. Nhưng nếu họ yêu nhau trong hoàn cảnh này thì kẻ ra cũng can đảm. Không có sao hết. Cứ yêu nhau và sống, ít ra cũng dễ lấp cái khoảng thời gian cô độc ở đây. Bà Liên còn trẻ và ông Phụng không quá tuổi bốn mươi, yêu nhau vẫn còn hạnh phúc chán chê rồi mới tới tuổi già. Uyển đã nói với chàng như vậy và nàng tán đồng cuộc tình duyên này bằng sự cồ vũ ngấm ngấm với bạn bè. Nguyễn nói anh không có ý kiến gì hết, nếu họ yêu nhau được là một điều tốt, họ không yêu nhau được cũng là một điều tốt. Uyển trách anh là một người kỳ khôi, anh sống như tự đầy ải mình trong một thứ ngục tù. Có ích gì ? Nguyễn không trả lời Uyển, chàng nghĩ nàng hãy còn là một cô gái đang vui chơi với cuộc đời mình. Anh không thể bắt em phải bỏ cuộc vì một lý do này hay lý do khác. Nguyễn đến bàn rót một ly nước trà, chàng bưng ra đứng ở cửa uống từng ngụm. Ông Phụng bỗng nói :

— Tối nay gánh cái lương ngoài chợ hát tuồng hay lắm cô cậu nào có đi xem không tôi bao ?

Ngân vỗ tay :

— Hay đó, tôi xin ghi tên trước

Ông Phụng lấy cái "píp" ra khỏi miệng cười :

— Cậu Hân chắc không thích coi cái lương ?

— Không chê mà cũng không khen. Đôi lúc nghe người ta vô sáu câu cũng vui vui.

— Bà Liên xi một hơi dài :

— Người ta vô sáu câu mà cậu nói vui, rõ không biết gì về cái lương.

Hân khôi hài :

— Xin lỗi bà chị, kẻ hèn này đã từng viết báo, phụ trách mục vui buồn sân khấu đấy ạ.

— Nhà báo ai mà tin cho được.

Ông Phụng thêm vào :

— Nhà báo chuyện bé xé thành to. Chuyện không có gì mà chạy tít thấy ớn. Tôi chỉ đọc báo chứ không tin nhà báo. Nhưng nếu cậu Hân làm ký giả thì cũng hay đấy.

— Nói đùa với chị Liên cho vui chứ tài gì tôi.

Ông Phụng quay lại phía bà Liên :

— Còn cô Liên, đi coi cái lương chứ?

— Vâng.

— Vậy là được ba người. Tôi, cô Ngân, cô Liên còn Nguyễn và Uyên ?

Uyên lắc đầu :

— Tôi ở nhà ngủ, đi xem cái lương về mất ngủ ừa mắc công khóc.

Nguyễn nói :

— Chiều nay tôi đi chơi, chắc phải đến khuya mới về. Thôi để hôm khác.

Bà Liên cười :

— Cậu Nguyễn không thích cái lương mời, như ép người ta đâu được. Thôi ba người đi vậy.

Ông Phụng hỏi :

— Cậu Nguyễn đã bớt chưa, nếu không tôi xếp người dạy thể cho ?

Nguyễn đặt ly nước lên bàn :

— Đã khỏi hẳn.

— Trông cậu yếu lắm.

Nguyễn nói không hề gì, rồi bước khỏi phòng. Đứa học trò chạy tới hỏi thừa thầy đã tới giờ chưa ạ. Nguyễn xem đồng hồ rồi nói :

— Đánh trống tự thì vừa.

Đứa học trò chạy đi, Ba tiếng trống vang lên. Buổi sáng đã đã hết sương, nắng chói ngoài gang đồng và phía vườn cây xa. Chiếc xe đồ đang chạy trên quốc lộ, tiếng động cơ như cựa quây trong một lớp bụi quánh đặc. Con mưa hồi đêm chắc làm con đường thêm trơn trượt. Chiếc xe đồ cũ kỹ chạy chậm chậm qua những đoạn đường thêm hư như một người mù chống gậy quờ quạng giữa một buổi sáng cuộc đời mình. Nguyễn nghĩ đến một hôm nào đó đột nhiên chiếc xe đồ banh xác trên đoạn đường. Chuyện đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào và Nguyễn bỗng một hôm nào đó đang đứng chờ ngã lặn ra vì một viên đạn ghim ngay vào ngực. Nhưng buổi sáng hôm nay thì yên tĩnh, có thể tin như thế, vì chiếc xe đồ đã vượt qua đoạn đường hư, chạy ngang nhiên bằng tất cả sức lực còn lại của động-cơ. Nguyễn vẫn đứng đây chưa có một viên đạn nào tìm tới. Như vậy là buổi sáng hoàn toàn. Nguyễn về lớp và gặp ngay Uyên trước thềm, nàng hỏi :

— Anh thật sự khỏi rồi chứ ? Hồi đêm trong cơn mưa em lo lắm, em muốn chạy băng đi để tới với anh nhưng bà Liên không cho, bà ấy bảo chạy nếu lỡ bị lính trong đồn bắn ra thì chết oan mạng. Anh nghĩ xem em đâu có sợ chết ?

Nguyễn cười :

— Trong cơn mưa có những điều thú vị cho một người đau vừa mạnh. Em biết, anh đã chạy ra khỏi khoảng sân sau nhà rất nhiều lần. Mưa đêm mát lạnh,

Uyển đây này :

— Trời ơi, anh phải nhớ là anh đang đau chứ. Ra mưa không tốt đâu.

— Nhưng anh đã khỏi. Con mưa huyền diệu vô cùng.

— Vâng, cơn mưa to ghê, chắc là cơn mưa đầu mùa.

— Trong cơn mưa em làm gì ?

— Em đang thức chấm bài và sau đó thì lo lắng cho anh.

Nguyễn nhìn lên hàng Phượng ngoài cổng. Bông bắt đầu trổ giữa đám lá xanh. Cơn mưa đã báo tin cho mùa hè sắp tới. Nguyễn chợt nhớ mấy hôm nay chàng đã trông thấy vài cô học trò ngồi đầu bàn trao đổi lưu bút cho nhau. Mùa hạ đã tới mà không hay. Nguyễn hoàn toàn không hay. Hôm nay là lần đầu tiên chàng nhìn lên hàng Phượng, thấy những chùm bông đỏ ối. Những lũ học trò đã thấy điều đó lâu rồi, và chúng chắc đang lo ép Phượng trong sách học, và viết lưu bút cho nhau trong không khí xôn xao của tuổi thơ và mùa hạ. Nguyễn, bây giờ như một người quá lớn, quá xa vời với tuổi trẻ mình. Cách đây mười năm chàng đã là hình ảnh của đám học trò mình bây giờ. Cũng làm những việc ngây thơ như vậy. Nhưng Nguyễn đã quên những gì mình đã viết trong lưu bút của bạn bè. Những cô gái đó bây giờ đã có chồng có con. Chắc hẳn quyền lưu bút ngày xanh đã vút vào một xó phòng trước khi tình duyên chớm nở thành hạnh-phúc. Những cậu trai thừa đó bây giờ đã phiêu du khắp nơi. Có đứa đã lớn, có đứa hiện đánh giặc có đứa đã ngã xuống bên này hay bên kia. Nguyễn cũng không nhớ rõ hết số bạn bè tuổi nhỏ của mình. Trừ những đứa đã chết.

Uyển bỗng nói :

— Chiều nay nghỉ, thì giờ trống không em chả biết làm gì. Định về tỉnh chơi nhưng ngán đường đi khó khăn.

— Anh thấy em nên đi về tỉnh. Có lẽ về đó khi trở lại đây mình thích sống hơn. Lâu phải đời không khí. Riêng anh thì không thích về Saigon. Vả lại đi chiều nay mai phải trở xuống không thú chút nào.

— Lâu rồi, có hơn một tháng em không về thăm nhà. Cũng thấy nhớ.

Nguyễn nói :

— Em hơn anh ở chỗ còn có gia-đình ; Anh thì không có gia-đình, không còn ai cả ngoài một bà chị đã có chồng. Từ lâu anh vẫn thèm khát cái không khí ấm cúng của một gia đình. Nhưng em biết anh đã mất nó vĩnh viễn.

— Hay anh về chơi với em cho biết nhà. Gia-đình em dễ lắm. Chỉ còn ông già bà già với mấy đứa em. Có ông anh thì ông ấy đã bỏ đi biệt tích.

— Giữa không khí này thanh niên thường bỏ đi. Anh cũng đã có một thời kỳ bỏ đi và cho đó là một thái-độ. Nhưng là thái-độ của tuổi trẻ. Chả là cái gì cả, nó trẻ con làm sao. Và anh đã bị bà chị làm cho một trận nên thân, bây giờ mới trở thành ông thầy giáo của quận-ly này đây.

Uyển cười :

— Anh có vẻ gì kỳ kỳ. Em chịu không thề nào hiểu nổi anh.

— Nếu không hiểu thì đừng nên tìm hiểu. Mệt lắm. Anh không thích tìm hiểu một người nào, kể cả em.

Uyển buồn :

— Em biết.

Nguyễn xoay qua chuyện khác :

— Chuyện về tỉnh với em anh cũng đang nghĩ, nhưng đề vài tuần nữa, chiều nay anh bận.

Uyển bước xuống thềm đi ra khoảng sân để về lớp mình. Tiếng trống nổi lên báo hiệu cho một buổi học. Đám học trò chạy nhanh về lớp xếp hàng. Nguyễn cho vào. Chàng lấy phấn viết lại ngày tháng trên tấm bảng đen. Nguyễn làm công việc này như một thói quen của người gỡ lịch, lặng yên nhìn ngày tháng rớt xuống chân.

Nguyễn quay ra đảo mắt một vòng quanh lớp học. Vẫn từng ấy những khuôn mặt, từng ấy những mái đầu. Thế là may mắn, thế là bình thường. **Thầy** không mong gì hơn mỗi ngày được nhìn lại đầy đủ các em. Nguyễn ra hiệu ngồi xuống và tới ngồi ở bàn viết giờ sô diêm ra truy bài. Chàng đã quen với những cái tên, quen từng cách thế, điệu bộ của mỗi đứa học trò khi bị gọi lên đứng trước mặt. Chàng cố tạo một nụ cười thật tươi dù rằng tâm hồn trí óc mình mệt mỏi. Nguyễn bỗng xếp sô lại. Chàng thấy không cần thiết phải làm điều đó. Và Nguyễn đứng lên. Đám học trò ngạc nhiên đưa mắt nhìn nhau. Nguyễn chậm rãi nói :

— Hôm nay thầy miễn lệ truy bài. Đôi lúc mình nên đổi lại cái trường ngày mình vẫn làm. Thầy tin rằng các em đã thuộc tất cả. Và những điều ấy, thầy biết, hiện tại không giúp ích gì cho các em cả, ngoài việc đề cho thầy một số điểm cao. Sống ở đây, trong cái quận lỵ nhỏ bé mất an ninh này điều cần thiết

là mạng sống, cơm áo. Sách vở không phải là vấn đề cần thiết cho các em, và cho ngay cả thầy nữa. Thầy cảm thấy buồn rầu và bất lực trước một lớp học mỗi ngày phải mất đi một đứa học trò vì lý do này hay lý do khác. Nhưng chúng ta, thầy, gia đình các em hãy cố gắng. Cố gắng trong một không khí phủ vây, của hơi sức mệt mỏi, của đời sống mênh mông này.

Nguyễn ngừng một chốc. Đám học trò im lặng theo dõi chàng từng bước đi, từng nhịp thở. Nguyễn thấy mình cần phải nói thật nhiều, nhưng càng nói chàng càng thấy mình bất lực, kỳ cục, và không đi đến đâu cả, chỉ tạo ra sự xúc động cho học trò mà thôi. Đời sống của chúng đã là xúc động đã là nước mắt, khơi dậy trong lớp học có vẻ như làm tuồng, đóng kịch. Nguyễn không muốn mình đóng kịch dù thật sự mình là một vai kịch của học đường. Phải ăn nói, phải cắt nghĩa, phải giảng bài, phải đi đứng trong một cung cách được xếp đặt trước. Nguyễn thở nhẹ, chàng ngó ra cửa lớp nói.

— Các em là học trò lớp lớn, cuối cùng của ngôi trường này. Bãi trường các em sẽ thi và sẽ có người lên tỉnh tiếp tục học. Thầy tin ở tuổi này, căn bản này, các em đã hiểu ít nhiều hoàn cảnh mà chúng ta đang sống đang chịu đựng. Thầy dừng ở đây, câu chuyện mà lẽ ra phải còn dài. Bây giờ thầy giảng bài mới.

Đám học trò thở phào, nãy giờ chúng đang bị căng thẳng bởi câu chuyện. Chúng lục đục mang sách vở ra, có đứa bàn tán này nọ, có đứa ngó chừng Nguyễn, đáng chừng chúng đoán một cái gì đó đang thay đổi ông thầy giáo quen thuộc của mỗi ngày. Nguyễn đi một vòng lớp

và khi trở lại chỗ cũ chàng bắt đầu giảng bài.

Vào giờ ra chơi, Nguyễn gặp bà Liên ở phòng họp, bà đang đưa lại móng tay. Thấy Nguyễn vào bà hỏi :

— Cậu Nguyễn dạo này buồn thế ? Không quen ở đây à ?

--- Tôi chả có gì để buồn mà cũng không có gì để vui. Tôi sống bình thường.

Bà Liên cười :

— Cậu dấu tôi sao được. Làm đàn bà, hơn nữa là đàn bà góa tôi nhìn sơ là biết ngay. Thế nào, có gì khó nói cứ thú thật với tôi đi. Liệu rồi tôi giúp cho ?

Bà Liên nheo mắt sau câu nói. Nguyễn rót một ly nước trà tới ngồi ở ghế đối diện với bà Liên, chàng cũng đùa :

— Tôi đang thất tình.

— Sạo nghe ông mãnh ! Tôi đoán là cô cậu giận nhau gì đó. Phải không ? Chứ người như cậu mà thất tình thì có ma nó tin.

Nguyễn cười :

— Chuyện khó tin mà có thật.

Nguyễn đứng lên khỏi ghế. Chàng đi vòng ra phía sau bà Liên.

— Cậu Nguyễn ở đâu nhỉ, tôi quên mất. ?

— Tôi ở Sài Gòn.

— Tôi cũng ở Sài Gòn. Thì ra mình sống chung trong một thành phố mà chẳng nhận ra nhau. Cậu ở đường nào.

— Tôi ở nhà của bà chị. Nhưng không thường. Hình như tôi không có một căn nhà nào cả.

— Tôi đang dự định xin đổi về Sài Gòn. Dạy ở đây lâu quá rồi, dễ thương có hơn năm năm.

— Bà ở Sài Gòn một mình hay với gia đình ?

— Tôi sống với người mẹ và đứa con gái duy nhất mười bốn tuổi. Không còn ai khác.

Bà Liên móc bóp đưa cho Nguyễn cái danh thiếp :

— Kỳ nghỉ hè tới, nếu cậu có về Sài Gòn ghé lại nhà tôi chơi. Hy vọng niên khóa tới tôi sẽ về dạy ở đó.

Nguyễn nói :

--- Tôi sẽ tới tìm.

Chàng ngắm bà Liên ở phía sau. Người đàn bà ở tuổi này có một nét đẹp riêng biệt. Với bà Liên, bà còn mang cái vẻ quyến rũ của một thời hạnh phúc chưa tan. Nguyễn nghĩ nếu bà Liên là một nữ công chức cao cấp hay là một thương gia có lẽ đời sống thích hợp hơn là phải giam mình nơi cái quận lỵ hẻo lánh này với một cái nghề ăn mồn đàn bà. Bà Liên có vóc dáng của một mệnh phụ phu nhân hơn là một bà giáo. Với sắc đẹp đang còn đầy tràn, da thịt đang còn thu hút và nẩy nở toàn diện bà Liên không thể thua bất cứ cô gái nào kể cả Ngân và Uyên. Chàng nghĩ, sống ở đây, bà Liên như một người chờ tuổi già đến. Và ông Phụng không thể là một tình-nhân thích hợp. Nguyễn đứng sát sau lưng bà Liên, chàng nghe mùi nước hoa toát ra từ mái tóc uốn rất thời trang của bà, mùi nước hoa đắt tiền, rất thích hợp với người đàn bà ở tuổi này. Nguyễn

chợ, nhớ bà Liên trước đây là vợ của một giáo-sư đại-học rất giàu theo lời Uyên thuật lại. Chẳng bà Liên bị tai nạn phi cơ để lại cho bà một gia tài đồ sộ. Nguyễn không hiểu bà giàu có như vậy mà còn đeo đuổi theo cái nghề gõ đầu trẻ này làm gì.

Nguyễn nói :

— Tôi thấy bà hình như không thích hợp với nghề này. Có lẽ bà nên xin nghỉ để trở về đời sống bình thường. Ở đây tôi thấy bà như người chịu đựng. Làm đàn bà đẹp chịu đựng là một cái tội.

Bà Liên cười :

— Tôi thích trẻ con và thích đi xa. Và lại tôi cũng muốn xa căn nhà tôi đang ở một thời gian. Ở đó còn nhiều kỷ-niệm quá.

-- Tôi hiểu. Đúng hơn mới hiểu đây thôi. Tôi nghĩ bà đang trốn chạy một thứ hạnh phúc chỉ còn hương thơm.

— Cậu Nguyễn nói nghe hay nhỉ ? Tôi chưa nghĩ ra điều đó.

Nguyễn để ly nước trả lại chỗ cũ, chàng chào bà Liên và bước ra. Nguyễn thấy ông Phụng đi với Hân từ ngoài cổng vào. Chàng về lớp trong tiếng trống báo hiệu giờ chơi đã hết. Nguyễn thấy đời mình hình như đã dính liền với tiếng trống. Tiếng trống vang lên, đời rộn rã. Nguyễn bỗng nhớ tới thành phố. Căn nhà của chị Xuyên, bé Như và hạnh phúc của vợ chồng chị. Căn nhà ấy Liên thường lui tới, mang theo hương phấn của yêu đương. Nguyễn bỗng nhớ là đã ba tháng nay chàng không nhận được bức thư nào của nàng cả. Trước khi đi chàng nhớ có biên cho Miên một lá thư nói đại khái nơi chàng phải tới. Thời gian

ba tháng đủ để hai người xa lạ quen nhau, yêu nhau tạo thành một mối tình nào đó hoặc tan vỡ. Nhưng trong ba tháng đó Miên làm gì đến rồi không biên được cho Nguyễn một lá thư. Đến hôm nay nghe bà Liên nói đến căn nhà của bà ở Sài Gòn, hạnh phúc ở đó và những dự tính ngày về, Nguyễn mới thấy nhớ thành phố và nôn nao ngóng đợi tin của Miên.

Nguyễn bước vào lớp tiếp tục bài giảng đứt khúc trong cái buồn mênh mông. Đám học trò ngồi phía dưới có đưa lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Hết bài giảng, Nguyễn kêu chúng lấy tập ra chép bài và Nguyễn vừa đọc vừa dõi theo những cánh hoa Sao rơi quay như chong chóng trong gió. Tiếng chim cu hót buổi trưa buồn như một lời gọi đã xa vút từ quá khứ. Khoảng sân cát đã khô, nắng lấp lánh trên bồn cỏ. Những cánh hoa mười giờ nở đỏ ối quanh trụ cờ. Bầy chim sẽ từ trên hàng phượng bay xa xuống rượt đuổi nhau khắp khuôn sân. Những cặp chân nhỏ xiu màu hồng non lướt nhanh trên mặt cát. Cánh đồng ở phía xa nắng chói chang. Rừng cây và con lộ đá bụi mù. Những thứ đó Nguyễn nhìn thấy mỗi ngày, quen thuộc như viên phấn trong đầu mấy ngón tay. Hết bài học Nguyễn gấp sách lại chầm một điệu thuốc. Chàng đứng lên đi xuống chỗ Phiến ngồi. Cô học trò lúng túng gấp quyển lưu bút lại. Nguyễn nói :

— Cho thầy mượn xem một chút ?

Phiến đỏ mặt ấp úng :

— Tụi nó viết kỳ lắm thầy ơi.

Linh nguyệt Phiến một cái :

— Kêu người ta viết, không vừa ý cái xé Lăn sau cho mà nắn nỉ.

Nguyễn cười :

--- Đề thầy xem rồi thầy xử cho.

Phiến trao quyền lưu bút. Nguyễn lần giở từng trang. Đầu tiên là một cái hoa Phượng vẽ bằng viết chì màu, chiếm hết nửa trang giấy. Dưới đó là hàng chữ «Kỷ niệm mùa hè», Một khung ảnh của Phiến. Trong ảnh Phiến đội chiếc nón lá thắt quai nhưng cười thật tươi.

Nguyễn khen :

--- Hình con nhỏ này đẹp ghê.

Phiến đỏ mặt. Linh, Thơm, Nguyệt cười khúc khích. Sang trang khác Nguyễn đọc được một đoạn văn và một bài thơ. Linh mách :

--- Bài mở đầu và thơ của Phiến đó thầy.

Chữ Phiến viết rất đẹp. Nguyễn đùa :

— Không khéo học trò của thầy người nào cũng trở thành văn thi sĩ hết,

Tụi học trò lại chụm đầu vào nhau cười. Bọn con trai lại được dịp phá đám Hậu vừa cười vừa nói :

— Thầy lật xem có hình ai giống em không ?

Tnuận pha trò :

— Thằng Quý nó có làm bài thơ «con chim se sẻ đẻ ở cột đình» đó thầy.

Nguyễn đưa trả Phiến quyền lưu bút. chàng cười :

— Nên đưa hết cho tụi nó viết vào. Viết thế nào cũng được không cần phải hay. Đó là kỷ niệm vui tươi êm đẹp nhất của tuổi thơ. Ngày nhỏ thầy cũng đã từng viết lưu bút cho các bạn. Có khi thầy còn viết dở hơn các em bây giờ nữa.

Đám học trò nhao nhao lên :

— Thầy viết một bài thầy nhé ;

Nguyễn cười trừ. Chàng đi ra cửa lớp đứng hút thuốc. Còn vài phút nữa tan buổi học, Nguyễn nhìn ra phía cổng, chiếc xe đồ của ông Năm lọc cọc đi qua trên xe chất đầy rau cải. Nguyễn biết buổi chợ đã tan. Chàng ném điếu thuốc ra bồn cỏ thở một hơi dài.

TỪ KÊ TƯỜNG

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Đón đọc :

Tạp chí TƯ TƯỞNG

Cơ quan luận thuyết của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh

— Chủ nhiệm : T. T. Thích-Minh-Châu

— Tổng thư-ký : Thích-Nguyên-Tánh

Số 1. bộ mới, phát hành vào đầu tháng 6/69,

gồm có những bài đặc biệt về Hiện-Tượng-Học của HUSSERL và những vấn đề liên hệ đến thời đại :

- *Hiện tượng học về Hiện tượng học của Husserl của Phạm-Công-Thiện*
- *Vấn đề thực tại trong Hiện tượng học Husserl của Ngô-Trọng-Anh*
- *Môi trường tiên nghiệm trong Hiện Tượng Học Husserl về cuộc đời của Lê-Tôn-Nghiêm*

Tạp chí xuất bản mỗi tháng 1 kỳ.

CA DAO đã phát hành :

- NHỮNG TIẾNG KÊU LỚN CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN HIỆN ĐẠI của André Niel — Mạnh Tường dịch
- ĐÔI BẠN CHÂN TÌNH của Hermann Hesse
Vũ Đình Lưu dịch

Sắp phát hành :

- TÌNH SẦU CỦA CHÀNG WERTHER của Goethe — Chơn Hạnh dịch
- KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU của Alan Paton — Nguyễn Hiến Lê dịch
- THẾ GIỚI TÍNH DỤC (The World of Sex) của Henry Miller
- CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ PHÊ BUỒN của Carson Mc Cullers

Số 1 Mới phát hành

Tình yêu dậy thì

Như một lần anh đến thăm em; ngờ ngàng tựa một chú nai lạc vào rừng lạ, anh theo con đường vào khu lao động, lò dò kiểm từng số nhà, thì anh bỗng thấy một người con gái đi ra, anh linh cảm đó là em. Anh thấy mặt em đỏ bừng, bước chân cuống quýt rồi lẩn ra ngoài đường phố. Còn anh, anh ngờ ngàng không thể nói, đại khờ không thể nói. Anh vẫn ngẩng mặt nhìn thẳng, chẳng cần để ý đến ai. Nhưng em không biết, chính giây phút ấy, là lòng anh xao xuyến vô chừng. Con tim dễ chừng muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Con nằng đã hôn trên lối đi, rục rịch những mái tôn. Con nằng vương vít da người và anh bỗng nhìn lên cao, mới thấy hôm nay, trời thật đẹp, thật nhiều mây trắng. Anh ngó ngàng giữa đám trẻ con huyền ảo, những người lao động những người đàn bà đi chợ về. 10, 12, 14, 16 rõ ràng đây là địa chỉ của em. Anh đứng lặng một chút, lấy chiếc mũ rùng che bằng tên, hơi liếc vào trong nhà. Anh hơi nhón chân để nhìn cho rõ những cái gì trong ấy, để coi thử có đúng như những lời em viết cho anh :

« Anh nì, mỗi buổi chiều nhớ anh, em vẫn ra ngoài ở hành lang, nhìn đám mây trắng. Ba thật tệ, phòng em ba lại làm hầm tránh pháo kích. Em nói, thời buổi nì, chết sống là mạng số. Chẳng lẽ giữa thành phố này, rộng lớn thế này,

khi không một quả hỏa tiễn lại nhắm nhà mình mà rớt. Ba cũng không nghe. Anh nì, phòng em nhìn ra vườn, buổi sáng buổi chiều em cứ nhìn mấy trái cam mà chảy nước miếng. Thèm ghê. Có ngày em phải lén hái trộm. Để gì ba em biết, ông biết thì cứ gọi mấy đứa em trai của em, sức mấy gọi em.

« Anh ơi, tháng trước, pháo kích trúng một nhà đồng bào, chết mấy người. Bọn bạn em, cứ bảo đi coi. Em không dám đi. Em sợ phải xỉu thì người ta chở vô bệnh viện... Anh nì, cái bằng tên em thêu gởi vào anh, đáng lẽ phải thêu trên vải xanh như lời anh dặn, nhưng em tìm không ra vải lính. Em đành thêu trên vải trắng vậy...

« Ở đây, em lo sợ cho anh mỗi giờ mỗi phút. Cứ nghe cà nông nồ, thì giật mình, nhớ anh muốn khóc».

Rõ ràng nhà em rồi. Phía phải căn nhà là khu vườn nhỏ anh còn thấy những trái cam vàng chín. Những cây dứa cao xum xuê lá trên mái ngói đỏ tươi. Rõ ràng là căn phòng của em. chắt đầy bao cát. Anh tần ngần muốn bước vào cổng. Nhưng khi thấy con chó dữ dẫn; gầm gừ và thấy một ông già lẫm lẫm ngồi quạt trước hiên, thì anh ái ngại. Anh đoán ông già đó là ba em. Anh lại vụt bước qua, bàn tay vẫn cầm chiếc mũ rùng, che bằng tên. Anh sợ ông thấy tên anh

Ông biết, ông kêu lại là có nước độn thổ. Bước chân bỗng trở nên rời rã một cách đáng thương. Mấy nàng con gái ở nhà bên cạnh, nhìn anh chăm chú. Hay họ biết rồi. Họ biết anh quen em, yêu em thắm lén rồi. Hay họ ngạc nhiên vì khi không có một anh chàng thiếu-úy lạc loài đến, ngờ ngẩn như một chàng trai mới biết yêu, Anh muốn biến mất ngay lập tức. Mồ hôi bắt đầu nhỏ giọt trên trán, rịn trên cổ, trên lưng. Anh bực tức đá vào mông con chó đang gặm xương ở lỗ cống. Con chó la lên oác oác, co giò chạy ra đường thì bị một chiếc Honda phóng qua. Thằng lái xe thắng một cái rít ghê gớm, đến nỗi chiếc xe phải ngã xấp xuống. Anh tự giận, tự cho anh là thằng hèn nhát. Có gì đâu, Tân, cứ vào nhà, cứ hỏi: đây phải là nhà của cô Thủy không? Con là bạn quen với Thủy hoặc người bạn của con nhờ con đem thư tới Thủy, Con ở Bình Định ra, thưa bác.. Anh chủi thề cộc lốc. Những chiếc xe Honda lượn qua lượn lại trên đường phố, những hồi còi kéo dài nhứt nhối làm anh càng bực tức hơn. Anh nhìn lại bảng tên... Tân... rõ ràng Tân... hay cô gái khi nãy không phải là em rồi! Có lý do nào em thêu cho anh bảng tên, em đã viết cho anh từng lời tha thiết — «Anh nì, em thêu cho anh «bảng tên nì. Suốt cả đêm đó. Anh phải đền ơn em cái gì đó, nghe anh. Nghe «chỗ anh ở, không yên, em sợ. Em phải «thêu gấp đề gửi về anh mang, kéo sợ anh bị phạt... em thấy ở đây, lính bị quân «cảnh hỏi luôn». — Thì ít nhất em phải la lên một tiếng, để biểu lộ một niềm xúc động hoặc nếu không, em phải chạy vào nhà để đón anh ở cổng. Nhưng cuối cùng, hình như có một sự linh cảm lạ lùng, kỳ cục. là anh cứ tự bảo lòng: rõ ràng em đó, em đang chạy trốn đó, em

đang xúc động đó. Rõ ràng em cúi xuống hấp tấp, cuống quýt thật đáng thương đó. Rõ ràng đôi má của em bừng đỏ vì sung sướng đó... Anh bước đi chậm chạp dưới cơn nắng của thành phố vào đầu hạ. Tự nhiên anh buồn đến ứa nước mắt. Đôi mắt vọng lên tầng lầu cao mới thấy mình trở nên thật xa lạ, lạnh lùng. Em không hiểu cho anh đâu. Em không biết anh đã trở về thành phố này vianh đi tìm em, nhớ em. Thành phố này là thành phố thứ hai, để anh dừng chân lại, và có lẽ là thành phố vĩnh cửu đời đời trong hồn anh. Điều mơ ước đó cứ ám ảnh khi anh cầm tờ giấy phép thường niên 15 ngày cộng thêm 3 ngày đi đường ở đơn vị. Anh cầm tờ giấy phép áp vào ngực, hôn mảy nhé.., cho ta đi tìm một đôi mắt giai nhân, hôn mảy nhé, cho ta về để xem cô bé ta chưa hề biết mặt, đã hẹn hò cùng ta qua bao nhiêu lá thư, bao nhiêu giòng nước mắt rồi. Hôn mảy nhé, ta đi. Và anh đã gọi thằng lính đeo Honda xuống đời, đến ngã ba cầu ghềnh, đón xe lam đến phi trường. Hôn mảy nhé, ta đi. Anh tưởng tượng đến những giây phút sắp sửa, bất ngờ, kỳ thú mà anh đã dành cho em. Đáng lẽ, anh phải đánh điện tín đề em ra đón, để anh khỏi bỏ ngỡ ở một lần trở về. Nhưng anh đã nói, anh muốn dành cho em một ngạc nhiên mà.

Thành phố thứ nhất anh trở về, là thành phố của những năm trôi nổi của đời sống sinh viên. Một giòng sông, một chiếc cầu đã gãy, những hàng phố sụp đổ, những dây lau bơ vơ, hoang thành đổ nát. Nơi đó, ông bố anh già nua chờ đợi cùng mấy đứa cháu bé như những con chó con. Thú thật, anh có muốn trở về đâu. Nhưng nếu ông già anh biết anh — vì mê em, không chịu về, chắc ông sẽ

cầm chổi mà rượt anh như thời bé dại. Điều đó, thật sự một trăm phần trăm. Lúc nào ông cũng coi anh là thằng trẻ con hôi sữa. Ông dặn dò đủ thứ, mày đi xa, đừng uống rượu. Rượu làm hại sức khỏe. Đừng lông bông, phải lo lập thân. Lành một tháng 7 nghìn, thì để dành hai nghìn để lo cưới vợ, để con. Như tao, cả đời biết uống rượu đâu. Nghe chưa. Ty... Nhưng khi anh về, thì mặt mày đỏ gay, miệng thở toàn hơi rượu. Anh ngã nghiêng ở trước cửa nhà : Ba, con về. Ông la lên ; Trời ơi, lại uống rượu nữa hả, Mày về trình diện tao như thế hả. Anh đáp ứng : Tại cha Thiếu tá đi chung với con trên chiếc phi-cơ. Cha bụi đời quá ba... Cha lấy chai Martel bắt con cụng ly. Từ chối cha bao nhiêu cũng không được, cha hét ; mày phải uống. Lính đánh giặc phải uống. Uống rồi đi đánh giặc với tao. Cha ngồi ngã nghiêng gần cửa phi cơ. Cô chiêu-đãi-viên đến bên nhỏ nhẹ bảo : Thưa ông, coi chừng cái cửa hông đó, nó bật ra lúc nào không hay... Cha la lên : Ô hay, cái cô này kỳ cục. Cô không biết tôi là dân nhảy dù sao ? Rồi cha đưa chai Martel lên, mời : này Thiếu úy, tôi xem cậu bụi đời đó... Trời ơi, đầu hai thứ tóc rồi.

Thú thật, anh khờ sở đề uống với ông và cuối cùng phải khờ sở đề dlu ông xuống phi cơ, lên xe về thành phố. Đến chừng gọi mục chủ đồ giao ông ấy cho mục, anh mới yên tâm thoát nạn trở về. Anh gọi xích lô, ngồi chân chữ bát, nhàn nhã ngắm phố. Xe qua cầu, anh lại bỗng thêm nhớ lại ngày xưa với cái tuổi học trò e thẹn, chuyên môn đội nón cối trắng, đạp xe đạp lò dò theo sau người con gái hết các con đường trong Thành Nội (trong lòng thì hồi hộp lạ thường, cứ muốn mở miệng hỏi : đằng nó, đi

học sao mà về trễ rứa ? đằng nó, đạp gì mà đạp mau rứa ? nhưng khi đạp xe qua mặt, thì than ôi, tự dừng tê cứng cả chân tay, không dám mở miệng) Anh cười khan, hỏi ông phu xe : Bác ơi, dạo ni, Huế bình-yên không : ông phu xe, cười một cách buồn bã : cũng tầm tầm thôi, thiếu úy. Bây giờ người ta đi tìm xác, nhìn bắt thảm. Anh đã lặng im nhìn mặt sông. Màu xanh vẫn như năm nào, nhưng anh cứ ngỡ dưới màu nước thân yêu ấy là một thành phố đã sụp đổ những kỷ niệm cũng sụp đổ như những bờ thành ngửa nghiêng thắm nảo. Anh muốn rung rung... Trời vẫn xanh, con phà vẫn đi hiu giữa lòng bao la bát ngát, nhưng có chắc gì nó xóa tan những kỷ niệm buồn bã nhất cho một kẻ trở về.

Đến chừng, xe đậu trước nhà, anh mới hốt hoảng. Anh nói : Bác chờ một một tí, để tôi vào xin tiền. Tháng này, lương tôi trả nợ hết rồi. Rồi anh bước vào nhà, cầm theo một chai Whisky cỡ nặng, Bà chị dâu ló đầu ra, mừng rỡ : Chú Tân về. Ba ơi. Anh thì hỏi khốn khổ : Chị cho xin trăm bạc trả tiền xe.

Em có biết ngày đầu tiên trở về nhà của anh như thế nào không ? Trong bữa cơm, ông bố anh uống một cốc Whisky đầu tiên trong đời ông. Anh nói : Ba phải biết : rượu này là rượu ngon, uống vào ăn cơm dễ, ngủ yên giấc. Người xưa cầm kỳ thi tửu, mà ba không có tửu thì ba « yếu » rồi ông la anh một hồi nhưng rồi ông cũng rán uống. Da mặt ông bắt đầu đỏ ửng, ông càng la thêm nữa. Anh thì vội vàng chuồn ra ngã sau, phóng Honda qua phố, đi tìm mấy thằng bạn để chui vào trong quán cà phê cho qua một ngày phép.

Trong bữa cơm thứ hai, ông bắt anh lấy vợ. Mày 27 tuổi. Người ta bốn đứa

con. Còn mày lông bông mãi. Anh than
Ai mà ưa con. Kiểu lính đánh giặc như
con, đứa nào chịu,

Ông la lên : Mày biện-luận hả.

Ông nói tiếp, thật dịu dàng :

— Mày ưng con Lài, tao hỏi cho. Nó
gánh nước, tề gia nội trợ giỏi. Nó nấu
com thì ngon nhất; đó con. Anh thốt
lên, và cười ha hả :

— Trời ơi, ba nói chi kỳ cục vậy.
Nội bắp tay con Lài cũng gấp hai
bắp tay con. Nội cái tài gánh nước của
nó, con bắt sợ. Gánh gì mà chạy như
đua xe đạp.

Ông tiếp tục khuyên :

— Mày không ưa con Lài, thì còn
Hoa vậy.

— Trời, Hoa rồi phải không ?

— Thì nó chứ ai.

— Ba giới thiệu chi mà kỳ rứa ?

Ông la :

— Bộ mày ông vua hả ? Con Hoa tuy
rõ nhưng nó làm nhiều tiền. Nó bảo
đảm đời sống tương lai của mày. Nó...
mày biết, lương nó có chỉ số bao nhiêu
không ?

Anh lắc đầu, cổ và com thật mau.
Anh bỗng nghĩ đến em. Anh nói :

— Ba phải hiểu cho con. Con đâu có
dám chê ai. Nhưng ít nhất con phải hiểu
họ, họ phải hiểu con.

Khi ấy, bà chị dâu thêm vào :

— Đề chú ấy lựa, ba. Nhưng chú
phải rán gấp gấp, kéo ba già rồi...

Anh cười ha hả :

— Ô-kê, trưa ni, Tân đi tìm...

Và anh đã đi tìm em.

oOo

Thành phố của em là thành phố thứ
hai anh ghé lại trong kỳ phép thường
niên này. Anh đã từng bảo với em anh
yêu thành phố như yêu con sông và những
hàng cỏ thụ râm bóng. Buổi trưa, anh
ao ước được ngồi lặng lẽ trên ghế xích
đu, nhìn con nước lênh bênh những
khóm bèo lưu lạc và đôi mắt dễ chừng
muốn ngủ thiếp trong sự vắng vẻ tịch
liêu của sông, nước, mây trời. Anh vẫn
đã từng bảo với em trong thư là
anh thích nhìn những con thuyền lướt
nhanh, buồm căng phơi phới hay được
đi giữa những hàng cây kiền kiền kiền
cao lớn để nhìn những lá vàng dập dờu
đuôi nhau trên mặt nhựa. Hay tại vì em
mà anh muốn dành một tình yêu tha
thiết nhất. Có lẽ vậy. Và anh đã về, sau
một quãng đường dài hơn trăm cây số
trong một ngày đầu hạ thế này. Anh
đã hớn hờ nhảy xuống xe khi xe chưa kịp
ngừng bánh.

Như vậy, em hiểu tình của anh là
như thế nào rồi. Anh đã thất thiêu bước
qua nhà em, hồi hộp, si mê, cuống quýt.
Làm sao gặp em trong buổi trưa hôm
đó. Anh chười thề, và đi bộ xuống bờ
sông, muốn ngủ yên một giấc trên chiếc
ghế bở để quên tất cả. Nhưng hỡi ơi.
năm chưa được năm phút, đôi chân
lại náo nức bắt anh lại đi. Cái tính
giang hồ vật bắt anh khờ. Anh lại đi
tìm nhà một thằng bạn, chui vào kê lè.
Này Tú tao có chuyện muốn kể cùng
mày. Tao phải nhờ mày. Mày giúp tao.
Rồi anh nói, thật thắm nảo ; Mày biết,
tao có quen với một nàng nhưng chưa
biết mặt. Chúng ta quen nhau qua thư
tờ. Mày biết, khi tao về thành phố này,
mục đích của tao là thế nào rồi. Tao có
ghé nhà này, nhưng sợ ông già. Ông mà

biết tao, ông xách gậy đuổi, thì có nước chết.

Tú cười nắc nẻ :

— Cái thằng này, ngu chi là ngu. Linh kiều mày sao nhát vậy.

--- Đã đánh tao là lính, nhưng vấn đề đó không hợp tao.

--- Được mày đi với tao.

Tú thay quần áo từ từ, chậm rãi. Khi nó bỏ quần ra anh mới biết một chân nó là chân gỗ. Anh la lên, mày lại như thế này, ư ? Anh muốn khóc. Điều thuốc cháy buồn lã. Và anh nhìn ra ngoài sân nắng. Không ngờ về thành phố này gặp những chuyện buồn phiền xót xa như thế này. Anh hỏi : Tú, bị cưa lúc nào.

--- Cách đây sáu tháng. Tao bị mìn.

Rồi hấn nói, buồn bã :

--- Mày về trúng ngày đầy tháng thằng con của Luân-Hoán. Luân-Hoán cũng bị cưa chân, mày nghe chưa.

--- Nghe rồi...

Tú lè kè lè từng bước.

--- Mày phải theo tao mà học. Thờ buổi này phải liều. Mày ưng ai, cứ xông đại vào nhà. Cha mẹ nó không chịu, mày lấy lựu đạn dọa tự tử cho tao.

--- Mày chỉ tao kiểu trời đánh đó hả ?

Tú cười.

— Kiểu đó mới được. Mày đi theo tao. Tao dạy cho mày học.

oOo

Khi Tú chở anh trên Honda bằng một chân gỗ đến lối dẫn vào nhà em, hình như tim anh muốn rụng. Trời thật nắng. Hôm qua, thành phố bị rung chuyển vì một vụ bom nổ nên anh cứ ngỡ anh đang bước vào một lò lửa sắp bùng lên.

Nắng cháy trên đầu. Nắng làm da muốn nứt. Anh thì vái trời cho ba em ngủ. Anh nói với Tú ; mày đề tao đây, rồi vào hỏi dùm tao. Rồi anh đứng ẩn mình dưới hàng cây, nhìn con đường dưới nắng trưa, ngủ thiếp một mõi. Tú cười, lò dò, khấp khềnh bước vào nhà em, thật chậm chạp và nặng nề. Nếu nhận xét không kỹ, chắc người ta phải lầm hấn còn hai chân toàn vẹn. Anh [nhìn theo, buồn bã. Về thành phố này, một lũ bạn quen biết, có đứa đã mất, có đứa còn sót lại với một phần thân thể. Còn anh, em hiểu cho anh không ? Em hiểu, và thử tưởng tượng một ngày nào, anh sẽ đứng trước ngõ, tìm em, với một đôi nạng không. Bây giờ, em phải cảm ơn, ơn Trên, cho anh còn sống toàn vẹn thể này.

Một lát, Tú kêu lớn : Tân, vào mày. Đứng gì mà co ro như con mèo đói. Hấn lại cười rộn rã. Anh chỉ có nước bước vào nhà. Con chó lại được dịp gầm gừ. Còn ba em (anh đoán thế) vẫn còn lầm lì hút thuốc. Anh vào, cung kính : Chào bác. Nhưng ông vẫn không đáp, lầm lũi nhìn anh từ đầu xuống chân, ông chỉ cười, hoặc nói một tiếng là anh đỡ bức rức, khổ tâm. Ông đứng dậy, đi qua đi lại dưới hàng hiên. Anh thì len lén bước vào nhà, đến chừng thấy em đứng khép nép trong một góc, anh mới biết anh đã đoán không lầm : Anh là lên : Thủy.

Bây giờ, ba em mới thông thả bước vào nhà, anh vội vàng đứng dậy, khép nép và mặt thì cúi xuống. Thật sự anh e thẹn. Anh thấy ba em thân nhiên đến bên bàn, lấy thuốc, rồi thông thả đưa lên môi. Anh vội vàng lấy hộp quẹt trong túi, bật lửa mời ông. Chẳng biết, ông hài lòng anh chưa, mãi đến bây giờ anh vẫn còn thắc mắc.

oOo

Trước khi ra về, anh chỉ có mỗi một câu can đảm : Thủy mai đi học không ? Em gật đầu. Anh nói nhỏ : anh đón em ở cổng xe lửa nhé.

oOo

Bây giờ, anh mới thấy anh ngờ nghệch, si dại hết chỗ nói. Buổi tối, anh đã phóng Honda qua nhà em, rồi liếc nhanh vào nhà : Thành phố giờ nghiêm thật sớm. Anh mặc đồ lính lang thang khắp ngã phố. Đêm nay, em sẽ làm gì, có chờ anh không ? Có cảm tình với cái gương mặt cô hồn phóng đảng của anh không ? Ôi chao, về đây đề mà thở dài thườn thượt thế này. Rồi sáng mai, vừa tung miễn dẫy, lại khoác cái bộ đồ lính độc nhất hồi mốc, lại xỏ đôi giày vôi vàng rồi ra ngoài cổng xe lửa. Thì em ra. Rõ ràng em mặc áo trắng, dáng nhẹ nhàng như vương vít trong cõi sương mai. Bước em dịu dàng từ đầu ngõ, gương mặt lại cúi xuống. Em đi thật tội, anh hồi hộp đợi chờ, như đợi chờ một niềm yêu dấu, như đợi chờ một bình bông ấp ủ đời đời. Anh đợi em đi qua. Em giả đồ không thấy, vẫn bước. Anh lại chạy theo, qua mặt, rồi chậm chậm đợi. Anh thốt lên : Thủy.

Con đường đưa em đi, thật nhiều cây. Buổi sáng đầy mây xanh và đầy mơ mộng... Anh sẽ gọi con đường này là con đường tình yêu. Em vẫn cúi xuống, thỉnh thoảng lại che vôi chiếc nón. Còn anh, bước đi, nghe tiếng giày xào xạc, anh ngẩng mặt nhìn trời, để tự hào anh là người tình của em. Một đám học trò gái—anh đoán là bạn bè em chăm chú nhìn. Anh phớt ăng lẹ, tiếp tục kể những điều nhung nhớ, lâu lâu

lai chen vào một câu khôi hài. Em lại cười mỉm. Cuối cùng, khi cách trường độ một trăm thước, em nói nhỏ : Thôi anh đi, em đi chết. Đây thư cho anh, em viết hồi đêm. Đừng coi bây giờ. Em đã cuốn vở học trò cho anh.

Anh phải hấp tấp lấy thư, kéo sợ người ngoài biết. Rồi anh tần ngần đứng nhìn em đi khuất hẳn con đường. Tà áo trắng của em nhỏ dần, điu hiu dưới hàng rào đâm bụi. Bỗng nhiên, anh cảm thấy mình hạnh phúc. Một ngày phép thế này cũng xứng đáng và đầy đủ lắm rồi...

oOo

Đã định không viết chi hết mà cũng phải viết, cứ thấy khó chịu khổ sở nếu mà không nói với ai chắc không chịu nổi anh biết không. Thủy muốn khóc quá. Cứ thấy mình có tội. Tội đã nói dối ba má, tội đã xa lìa cuộc sống yên bình đã thoát xác, anh ơi, Thủy muốn hỏi mọi người xem Thủy có tội không, có mang lỗi gì không. Thủy muốn chạy trốn, nhất là anh. Trước Anh, Thủy thấy mình nhỏ bé vô cùng. Có lẽ tại anh là... một ông giáo, và Thủy là một đứa học trò, anh có thể xách thước gõ lên đầu Thủy bất cứ lúc nào. Dù sao, có lẽ từ giờ phút này trở đi Thủy sẽ không còn là Thủy nữa. Thủy đã lớn thêm một tí, Thủy hết còn bé bỏng. Con không còn nhỏ nữa, em không còn nhỏ nữa. Cái sợi giây xích đã được tháo tung. Cuộc sống khắc chế gò bó đã được xóa dần, Thủy đã bắt đầu làm quen với thế giới tình đời đó. Thủy có cảm tưởng Thủy không xứng đáng để được gia đình tin cần, tội em bắt chước, tội cháu theo đường. Ngó di con Tề. Lời nói của bà chị dâu vắng vắng, không, em không đáng cho anh chị mến thương, khổ lắm anh ơi. Thủy khổ

lắm. Anh ghét Thủy rồi? anh hết thương Thủy rồi? ừ nhỉ tại sao Thủy không xem đó là một việc phải có, là thường tình. Để xem, Thủy sẽ cố gắng từ bỏ mặc cảm tội lỗi đó.

« Nói chi thì nói mai anh đi rồi. Anh lại hòa mình với cuộc đời gian khổ của kiếp lính rồi. Thủy không biết Thủy có buồn không. Ở hờ Thủy có làm anh buồn không đó, đừng buồn anh nghe. Thủy cũng không biết phải nói thế nào với anh đây. Thôi thì đành lặng im vậy.

« T B : Ông chú vừa đi ở H. vô. Cứ có ấn-tượng ông biết Thủy « xé rào ». Liệu ngày mai Thủy dám vừa nói chuyện vừa đi đến trường với anh không. Nếu không, hiểu cho Thủy. »

(14 giờ 20.

« Thủy khóc nhiều. Đã bảo không có gì hết mà. Có lẽ bây giờ anh đã đặt chân về đơn vị rồi Anh xa rồi, Thủy buồn vô hạn. Phải chi anh đừng về thành phố của Thủy thì đỡ khổ cho Thủy biết bao. Quyền sách anh gửi cho Thủy, Thủy không dám đọc. Mỗi lần nhìn nó là muốn khóc hoài, nhớ anh, Thủy không muốn có một cái gì nhắc đến anh, nhưng mà anh thấy đó, không được rồi. Thủy khép cửa phòng, trùm mền mà khóc. Thủy yếu đuối. Thủy không chịu được ly cách đau khổ. Thủy tạm dừng ở đây. Anh ơi, anh ơi

« Thủy viết tiếp đây. Thôi, cứ coi như từ hồi nào đến giờ anh em mình chưa gặp nhau, vẫn đang trong tình trạng ly cách cho đỡ khổ. Thủy mong thời gian trôi mau, không phải mau cho đủ 365 ngày để anh về phép mà trôi mau một tuần hai tuần, để Thủy quen với sự ly cách. Phải làm thế nào để

quên anh đây, anh bằng lòng cho Thủy đi nghe anh. »

oOo

Ngày cuối cùng ở lại thành phố thật là ngày buồn thảm. Cám ơn em đã cho anh trở lại tuổi mới yêu, để biết sự si dại của một thời hoa mộng. Nhưng rồi anh phải xa em, sẽ phải trở về với ngọn đời cũ, đêm ngày chỉ biết chờ đợi và băng khuâng. Anh đã bước lên xe ca, để biết rằng từ nay anh sẽ mất em, mất em thực sự. Anh dựa vào thành xe, bàn tay vẫy. Em ở dưới đó, bàn tay ôm mặt khóc. Sao buổi mai, em lại mặc áo màu lam. Em che nón đi thật tội nghiệp. Đầu hơi cúi xuống, và đôi vai bỗng lạc loài đến thương hại. Rồi xe ca rồ máy chạy anh đã ngoảnh lại. Hình ảnh em cũng theo đi như một làn sương khói. Lá thư cuối cùng là lá thư vĩnh biệt,

« Từ hôm ni, xem như hai đứa mình hai phương trời cách biệt nghe anh. Lỡ mà hoàn chuyển bay thì anh cũng tránh em đi đấy. Thấy anh thêm buồn, kéo dài sự đau khổ không ích chi hết. Vào trong đó, rồi rãnh nhớ viết thư cho em, em sẽ cố gắng hết sức để học thay, vì buồn nhớ anh.

« Em nghĩ rằng anh có đủ nghị lực để xa em, chứ không như em, sợ anh buồn anh khổ. Đừng nghe anh, tại vì em thương anh nờ. Anh đừng để cho em khổ thêm nữa. Đáng lý phải hát cho anh nghe bản Áo ảnh : yêu cho hết bao đêm dài, cho quen với niềm đau .nhưng ân tình em đang bằng nước mắt, khóc cho đây hay chữ «TÌNH YÊU»

TRẦN-HOÀI-THƯ
Phi cảng Qui Nhơn
4-5-69

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

Thời kỳ Ngô đình Diệm 1954-1963

Hồi ký của ĐOÀN-THÊM

Xin hỏi tại các hiệu sách và Cơ sở xuất bản
Phạm Quang Khai, 3 Nguyễn-Siêu Saigon

Giá 22⁰ đ.

Bạn đọc hãy tìm mua tại các hiệu sách :

NẠN NHÂN BUỔI GIAO THỜI

tập truyện lừng danh của nữ sĩ đoạt giải Nobel :

PEARL S. BUCK

- Một tác phẩm lột tả hoàn cảnh xã hội Trung-Hoa với những bất công, tệ đoan, thành kiến tạo nên cuộc cách mạng chuyển đổi lịch sử một dân tộc,

TỜ HỢP GIÓ XUẤT BẢN ● TRUYỆN DÀY 320 TRANG

Sau hai năm xuất bản những cuốn sách đứng đầu và bán chạy nhất, nay giữ đúng lời hứa cải tiến hình thức (ấn loát đẹp, trình bày mỹ thuật) và chọn lọc kỹ giá trị nội dung, nhà xuất bản HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG hân hạnh giới thiệu cùng quý độc giả 2 tác phẩm vừa mới phát hành, mở đầu cho giai đoạn II còn nhiều hứa hẹn.

MỘT NGÀY RỜI THỜI

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của NGUYỄN THỊ HOÀNG, với những chuyện tình dịu dàng, thiết tha và say đắm nhất của xứ Huế.

TÌM HIỂU NHÂN TÍNH

Tác phẩm chính của nhà phân tâm học tiếng tăm lừng lẫy nhất hiện nay : ALFRED ADLER — VŨ ĐÌNH LƯU dịch.

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG XUẤT BẢN — SÔNG MƠI PHÁT HÀNH

PNB

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

La disparition

Georges Perec, tác giả cuốn *Les choses* đã được giải Renaudot năm 1965. Mới rồi, G. Pérec lại cho in một cuốn tiểu thuyết dày 320 trang, nhan đề là *La disparition*.

Đây là một kỳ quan trong thế giới tiểu thuyết.

Số là trong tiếng Pháp rất nhiều tiếng có chữ e le, que, se, je, te v.v. Chữ e có lẽ là chữ gặp nhiều nhất trong tiếng Pháp.

G. Perec bèn quyết định viết một cuốn tiểu thuyết trên ba trăm trang mà không dùng tới một chữ e nào. Vì vậy thay vì viết : «ne faisant ni une ni deux» thì ông ta viết : «faisant ni six moins cinq ni cinq moins trois», thay vì viết tên «Baudelaire», ông ta viết tên «un fils adoptif du commandant Aupick» v.v..

Trò ấy lạ thì có lạ, nhưng giá trị nghệ thuật ra sao? Chuyện cao minh lắm, kẻ phàm tục khó biết.

Năm Mậu-Thân

Đó là tên cuốn tiểu thuyết của Max Clos và Pierre Bois, do nhà Denoël vừa ấn hành, dày 344 trang.

Nhan đề thực của nó là : *L'Année du Singe*. Một trong hai tác giả đã làm phóng viên cho tờ *Le Figaro*, có qua Saigon. Ông ta không dùng những điều tai nghe mắt thấy để viết một bản tin, một thiên phóng sự, mà lại viết tiểu thuyết.

Có điều cuốn *Năm Khỉ* nội dung có chỗ cũng rất khi : đối đầu nhau tại Việt - Nam chỉ có một cậu lính Mỹ (Frank) với một tên Việt cộng (Lau). Còn người Việt miền Nam? Mười hai triệu người ấy bị tiêu hóa đi đâu?

63 bức thư gửi Litvinov

Pavel Litvinov là cháu nội của Mar-xime Litvinov ủy viên ngoại giao của Liên bang xô viết từ 1930 đến 1939, đại sứ Liên xô tại Hoa thịnh Đốn từ 1941 đến 1943. Pavel Litvinov không làm ngoại giao như ông, mà dạy vật lý học. Tháng 10-1968, Pavel Litvinov bị kết án 5 năm lưu đày ở Siberie, về tội phản đối vụ xâm lăng Tiệp-khắc.

Trước đó, Pavel Litvinov đã nổi tiếng vì những cuộc phản đối khác. Tháng 2-1966 hai nhà văn Youli Daniel và Alexandre Siniavski bị nhà cầm quyền Nga kết án. Litvinov phản đối. Tháng 1-1967 Alexandre Guinzbourg bị nhà cầm quyền Nga bắt vì phổ biến một cuốn bạch thư về vụ Daniel-Siniavski rồi đem xử trong một phiên tòa hồ đồ. Litvinov phản đối. Đến 26-9-1967 mặt vụ nhà nước gọi Litvinov đến cảnh cáo ; nếu dám phan phui vụ án Guinzbourg ra sẽ bị bắt. Pavel Litvinov bèn thuật lại nội dung vụ cảnh cáo này phơi bày trên mặt báo.

Các tờ báo cộng sản không dám phổ biến bài tường thuật này, nhưng ba tháng sau, bài ấy ấy lọt qua các xứ Tây phương và báo chí cùng các đài phát thanh Tây phương loan báo. Thính giả Nga-xô nghe lén được tin ấy viết thư và đánh điện đến Pavel Litvinov, kẻ chống đối người hoan nghênh. Pavel Litvinov trao các thư từ này cho Karel Van Het Reve.

Karel Van Het Reve, người Hòa-lan, năm ngoái đã làm phóng viên cho tờ nhật báo *Het Parool* của Hòa-lan, tại Mạc tư Khoa. Trong dịp này Het Reve quen biết Pavel Litvinov. Sau đó, trở về Hòa lan Karel Van Het Reve làm giáo sư tại viện đại học Leyde, và cho in các tài liệu về vụ Pavel Litvinov vừa nói trong một tác phẩm hiện đã được ấn hành bằng hai thứ tiếng Đức và Anh.

TRÀNG THIÊN

Phổ thông kiến thức

Cơ-sở Phạm-quang-Khai đã xuất bản được một số sách về phổ thông khoa học của Võ Quang Yến và Trần kim Thạch, gần đây lại ấn hành thêm một loại tiểu truyện danh nhân, trình bày những điểm chính yếu về thân thế và sự nghiệp các nhân vật tên tuổi thường được nhắc đến trong văn học, sử học, các nhân vật nước mình và nước ngoài. Cho tới nay nhà xuất bản đã cho ra được 3 cuốn : Khổng Tử, Nguyễn Thái Học và Tư Mã Quang-Vương An Thạch. Mỗi cuốn khổ 12 x 19 trình bày trang nhã, ấn loát mỹ thuật, cuốn Ng : Thái Học lại có in thêm nhiều hình ảnh. Tất cả những sách này đều thấy ghi cùng một tác giả là : Cổ-Nhi-Tân. Tất nhiên đây chỉ là bút hiệu của một nhà văn nào đó, lấy câu : "On cố nhi tri tân" mà rút ngắn lại Dãy từ 120 đến trên 140 trang, cuốn nào cũng bán cùng một giá 80 đ.

Khổng-tử : gồm 8 chương nói về cuộc đời của vị vạn-thế sư-biểu : lúc nhỏ, khi lớn, 30 tuổi thụ nhận môn sinh, hồi ở nước Tề, lúc về nước Lỗ, rồi sau 14 năm bôn ba các nước quay về cố hương, lại dạy học, soạn sách : Xuân Thu, Kinh Thi, Kinh Dịch.. cảnh thế lương khi trở về già của nhà hiền triết " học mãi không chán, dạy mãi không mỏi " nhưng nay " khô rồi, mục rồi ". Hai chương sau cùng nói về những môn-đệ thường được nhắc đến và những sách của người.

Nguyễn-thái-Học trình bày cuộc đời của nhà lãnh tụ V.N.Q.D.Đ và người bạn đường của ông : Cô Nguyễn thị-Giang cùng 2 yếu nhân của đảng là Nguyễn khắc Nhu và Lê-hữu-Cảnh.

Cuộc đời của Nguyễn-thái-Học cũng liên hệ đến sự hình thành và những hoạt động của V.N.Q.D.Đ, những thăng trầm của trào lưu cách mạng quốc gia tại Việt-Nam từ 1927 đến 1930.

Tư Mã Quang-Vương An Thạch kể lại cuộc đời và sự nghiệp của hai vị danh thần đời Tống ở Trung-Hoa, khoảng thế-kỷ 11 Tây-Lịch đã đem kiến thức của mình đề tận tâm tận lực giúp nước. Tư Mã Quang thì ôn hòa, Vương An Thạch thì cách mạng, bởi vậy chính kiến và đường lối trị dân của hai người trái ngược nhau, mỗi người một phái cũ mới đối chọi. Tuy nhiên tân pháp của họ Vương về hành chánh, tài chánh kinh tế v.v.. mặc dầu thời đó thất bại vẫn là bài học cho ta suy ngẫm ở thời nay.

Người chủ trương nhà xuất bản Phạm quang Khai, ông Lãng-Nhân Phùng-Tất-Đắc có cho biết sau đây loại tiểu-truyện danh nhân sẽ được tiếp tục với những tập : Chiến-sĩ Cần vương, Cô Hồng-Minh-Hồ Thích.

Giấc ngủ chập chờn

Đó là tên truyện dài của Nhật Tiến mới được nhà xuất bản Đông Phương ấn hành, cũng là tác phẩm thứ 12 của tác giả "Thềm hoang" và là truyện dài thứ 8 của anh. Đến hăm Nhật Tiến đề hỏi về tác phẩm mới này, anh cho biết :

— "*Giấc ngủ chập chờn*" được thai nghén từ đầu năm 1966 và viết đi viết lại, sửa chữa trong 2 năm. Tôi nghĩ rằng chiến cuộc ở Việt-Nam là một kho tài liệu vô cùng phong phú, một nguồn cảm hứng dồi dào để nhà văn sáng tác. Dân tộc V.N. qua ảnh hưởng của chiến tranh đã phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ và tùy theo ở từng địa phương, từng hoàn cảnh, những nỗi thống khổ đó có một sắc thái riêng biệt. Khi viết

cuốn « *Giấc ngủ chập chờn* » tôi chỉ ước mong nói lên được một trong muôn ngàn sắc thái đó với hy vọng đóng góp được tiếng nói của mình trong trách nhiệm cầm bút mà nhiều nhà văn khác đã và đang thực hiện.

— Với truyện dài thứ 8 này, anh có định tìm một khuynh hướng sáng tác gì khác trước chăng ? Anh đã từng là nhà văn xã hội lại có thời kỳ viết nhiều về tuổi thơ, nay thì sao ?

— Tôi không có ý định lựa chọn cho mình một khuynh hướng sáng tác nhất định, hay nói cho đúng hơn, tôi chưa tìm được cho mình một mẫu mực lý tưởng nào trong địa hạt văn nghệ để tiến tới. Vì thế, tôi vẫn tiếp tục mò mẫm trong những đề tài không nhất định. Một số tác phẩm tôi viết dành cho tuổi thơ, một số tác phẩm tôi viết về quần chúng lao động, nghèo khổ ở đô thị. Trong *Giấc ngủ chập chờn* tôi thử đi vào sinh hoạt đau thương, tang tóc của đồng bào ở vùng hỏa tuyến.

— Anh có ý kiến gì về việc phê bình văn học lúc này không ?

— Sinh hoạt phê bình của chúng ta hiện nay không được liên tục và phổ biến sâu rộng. Các mục phê bình sách ở một số tạp chí xuất hiện không đều đặn, hoặc chỉ một thời gian rồi lại thấy

ngưng hẳn (Như Bách khoa, một hồi có mục giới thiệu tác-phẩm và tác-giả rất bổ ích và cần thiết, không hiểu sao lại ngưng ?). Tôi mong mỗi sinh hoạt phê bình, nếu có thể, sẽ lan tới cả các nhật báo vì nó cần thiết cho cả tác giả và độc giả. Và những nhận định của các cây bút phê bình như Cao Thế Dung, Uyên Thao, Nguyễn Mạnh Côn, Đặng Tiến... v.v, cần được phổ biến sâu rộng hơn nữa.

— Xin anh cho biết những dự tính hoạt động văn nghệ của anh trong tương lai ?

— Từ năm 1964 tôi vẫn ước mong có phương tiện để ra được một tuần báo nhi đồng. Và cho đến nay, ước mong đó vẫn chưa thành sự thực. Cho nên, nếu có những dự tính hoạt động thì tờ báo nhỏ bé hồn nhiên này sẽ là dự tính đầu tiên mà tôi nghĩ tới.

— Trong giới làm văn nghệ có người nói là gia đình anh rất êm đẹp, và chính hạnh phúc êm đẹp đó đã gợi cho anh nhiều cảm hứng sáng tác. Anh nghĩ thế nào về ý kiến đó ?

Nhà văn Nhật Tiến mỉm cười nhìn nữ sĩ Phương-Khanh (tác giả *Hương Thu*) rồi xác nhận với chúng tôi là « Đúng ».

THU-THỦY

Báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **Tâm đàm tập san** do Núi nhận, cơ sở văn-hóa của nhóm Tâm Đàm, Phú Yên xuất bản và gửi tặng. Mỗi cuốn dày 78 trang gồm nhiều bài tiểu luận và chính trị của các ông Nguyễn Bá Quát, Lê Kiêm, Phan Long Yên, Tôn Thất Quế v.v. một số thơ, tùy bút. Giá 45đ.

— **Mặt Đất** số 2 ngày 1-5-1969, tạp

chí sáng tác văn nghệ xuất bản bất định kỳ, do Nguyễn-Đức-Sơn chủ trương biên tập. Mỗi số khổ 30 x 43, 4, trang, gồm 1 truyện của Nguyễn Đức Sơn và thơ của Tôn nữ Minh Ngọc, Hoàng ngọc Châu, Phùng Khánh, Đặng Tấn Tới, Thái ngọc San, Lê văn Ngăn v.v.

— **Ý thức** số 2, tháng 5-69, tờ báo văn-nghệ của một số cây bút trẻ. Mỗi số in ronéo 2 mặt, khổ 20 x 26, dày 88 trang, gồm những sáng-tác văn nghệ : Truyện của Ngý[Hữu, Lữ Kiêu, Lữ Quỳnh, Hồ thanh Ngạn, Nguyễn Minh, Hồ Thủy Giũ : Thơ của Nông Lai, Tần Hoài dạ Vũ, Ngụy Ngử Nguyễn Lệ Tuấn, Mường Mán v.v...

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **Duy-ái** (Nhập diệu tâm thức) của Điền Sơn Võ Thạch Phước, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 7 chương trình bày học thuyết Duy-Ái từ khái niệm Triết lý đến Tình yêu Duy-Ái.

— **Phương pháp làm bài nghị luận** của Thuần Phong Ngô văn Phát do Trung-tâm Học-liệu Bộ Giáo Dục ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 214 trang, gồm 2 phần. Phần 1 : Phương pháp (Tìm ý, dàn ý, diễn ý). Phần 2 : Bài nghị-luận đề nghị với 18 đề. Biên soạn công phu. Giá 250đ.

— **Non nước Khánh-Hòa** của Ng. Đình Tư do Sông Lam xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 416 trang, của tác giả "Non nước Phú-Yên", gồm 3 phần chính : Địa-Lý Lịch-sử phong tục, và Kinh tế tỉnh Khánh-Hòa cùng phần phụ lục có nhiều bản thống kê và các bản đồ Khánh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh. Sửa khảo công phu. Giá 200.

— **Non nước Quảng-Nam** của Hạ Ngọc Anh do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày ngót 70 trang gồm 7 chương Sử lược, địa lý kinh tế, thắng cảnh, danh nhân, phong tục, tín ngưỡng và ca dao tục ngữ, có kèm theo nhiều hình ảnh vẽ cảnh đẹp địa phương. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— **Địa ngục có thật** bút ký của Dương Nghiễm Mậu do Văn-Xã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 104 trang, tác phẩm thứ 13 của tác giả ghi lại những cảm nghĩ của ông, những cái nghe mắt thấy

Huế từ 30 Têi đến tận hạ tuần tháng 5-68. Bản đặc biệt.

— **Đôi bạn chân tình**, nguyên tác của Hermann Hesse bản dịch của Vũ Đình Lưu, Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 400 trang, tái bản lần thứ nhất Giá 190đ.

— **Nhà nho tiểu thuyết** của Chu Thiên, do Đỗ Chiêu xuất bản, nhà Tổng phát hành Thế-sự gửi tặng. Tác phẩm bay thời Tiền chiến dày 330 trang, giá 185đ.

— **Hiện sinh một nhân bản thuyết**, nguyên tác của J. P. Sartre, bản dịch của Thụ-Nhân, do Thế-Sự xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang, in lần thứ 3. Giá 80đ.

— **Chủ nghĩa hiện sinh**, nguyên tác của P. Foulquié, bản dịch của Thụ-Nhân, do Thế Sự xuất bản và gửi tặng. Sách dày 174 trang, in lần thứ 2, gồm 3 phần : Triết-học chủ-yếu-tính, Triết-học hiện-sinh và Thuyết hiện-sinh chủ-yếu-tính. Giá 120đ.

Thẻ lệ thi cử (đề-thi năm 1968, chương trình giới hạn) đầy đủ chi tiết về ; điều kiện, hồ sơ dự thi, điều kiện để được hưởng thêm điểm, môn thi, thời hạn, hệ số, tổng số điểm đậu, cách chấm điểm, Đề thi năm 1968...do nhà Tổng phát hành Thế-sự gửi tặng. Có 2 cuốn Thẻ-lệ thi : Tú tài phần 1 và Tú tài phần 2. Giá mỗi cuốn 40.đ

Bừng Sáng bộ mới số 2, Nội-san sinh-viên Phật-tử do Đoàn sinh-viên Phật-tử xã hội chủ trương. Nội san in ronéo 2 mặt, khổ 20 x 27, dày 30 trang gồm những bài tiểu-luận và tin tức.

Văn hóa số ra mắt ngày 24-4-69-tiếng nói dự phần vào sự phát triển văn hóa giáo dục do Ủy ban văn hóa giáo-dục Tỉnh hội Phật giáo Thống nhất Đà-Nẵng. Mỗi số báo khổ 16 x 23 dày 70 trang gồm những bài tiểu luận, biên khảo về, văn hóa về Địa lý, Vật lý v.v. cùng thơ truyện, hồi ký, truyện dịch Giá 45.

Con đường văn hội hòa-bình

(Tiếp theo trang 10)

và bạo động Việc triệt thoái sẽ thực hiện 6 tháng sau, sau khi tham khảo ý kiến (after close consultation)

Đến ngày 7-4-1969 trong một thông-điệp đọc trước Quốc-hội, Tổng-thống Nguyễn văn Thiệu đã đưa ra một kế hoạch 6 điểm vào lúc cộng sản đang mở cuộc tấn công Đông-Xuân Kỳ-Dậu để làm áp lực cho cuộc hòa đàm Balê. Ta phải nói ngay là chương trình 6 điểm của Tổng thống Thiệu, tỏ rõ một sự cứng rắn lập-trường trở lại của VNCH. 6 điểm đó như sau :

— 1) Cộng sản phải chấm dứt xâm lăng : từ bỏ mọi âm mưu thôn tính VNCH bằng vũ lực, ngưng vi phạm vùng phi quân sự và các biên giới VNCH, chấm dứt chủ trương tấn công bừa bãi nhằm sát hại thường dân vô tội tại miền Nam.

— 2) Cộng sản phải triệt thoái tất cả bộ đội và cán bộ của Bắc Việt cũng như của lực lượng phụ thuộc của họ ra khỏi lãnh thổ VNCH.

— 3) Cộng sản Bắc Việt không được vi phạm lãnh thổ các quốc-gia láng giềng của VNCH dùng các nơi đó làm căn cứ và vùng tập trung để xâm lăng VNCH.

4) Việt-Nam Cộng-Hòa áp dụng chính sách hòa giải quốc gia và đại đoàn kết dân tộc : Những ai đang ở trong hàng ngũ Cộng sản chống lại VNCH, nếu biết từ bỏ vũ lực, từ bỏ chủ nghĩa Cộng-sản, tôn trọng luật pháp và chân thành chấp nhận các phương thức dân chủ của VNCH, sẽ được hưởng đầy đủ các quyền lợi chính-trị như những công dân khác trong cộng đồng quốc-gia.

— 5) Việc thống nhất 2 miền Việt-Nam

sẽ được định đoạt do sự lựa chọn tự do của toàn dân VN bằng các phương-thức dân chủ : sau khi hòa bình được văn hội, những thủ tục trao đổi kinh tế và văn hóa giữa hai miền Nam Bắc với nhau, cũng như giữa 2 miền Việt-Nam với các quốc gia khác trong vùng, sẽ được tích cực thăm dò cùng với các giải-pháp lân thời khác cho cuộc sống chung hòa bình.

— 6) Cần phải có một hệ thống kiểm soát quốc tế hữu hiệu và những bảo đảm quốc tế đáng tin cậy để chống lại việc Cộng sản tái xâm lăng.

So với 6 điểm của Hội nghị thượng đỉnh Manila, thì 6 điểm của Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu còn có vẻ cứng rắn hơn vì quyết nghị của Hội-nghị Manila không đặt vấn đề hòa giải dân tộc mà chỉ nói tới việc nhân dân miền Nam tự mình giải quyết lấy những vấn đề nội bộ của miền Nam VN. Ngoài ra Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu không hề nói tới việc rút quân đội Đồng-minh ra khỏi V.N. Tổng-Thống chỉ đề cập đến vấn-đề này trong cuộc họp báo ngày 11-4-69 nhân lời tuyên bố của ngoại-trưởng Mỹ Rogers về công thức Manila liên quan đến việc rút quân và nhấn mạnh là việc quân lực VNCH thay thế quân Mỹ không dính dáng đến vấn đề rút quân ngoại quốc ở Việt Nam : Theo Tổng-Thống thì công-thức Manila vẫn phải được tôn trọng, nghĩa là Bắc-Việt phải rút quân trước, Đồng-minh mới rút quân sau, không có vấn đề cùng rút.

Đến ngày 14-5-69, Tổng-Thống Nixon lại đọc một bài diễn văn vô tuyến truyền hình ở Hoa-Thịnh-Đốn đưa ra một kế

hoạch 8 điểm văn hồi hòa-bình ở Việt-Nam.

8 điểm đó như sau :

— 1) Ngay sau khi có thể tiến đến một thỏa-hiệp, tất cả các quân lực không phải là của miền Nam VN phải bắt đầu triệt thoái khỏi miền Nam VN.

— 2) Trong thời gian 12 tháng, qua các giai đoạn đã được thỏa hiệp, phần lớn quân lực các loại kể cả Hoa kỳ, Đồng-minh và quân lực không phải là quân của miền Nam VN sẽ rời khỏi VN. Sau thời hạn 12 tháng này, các lực lượng chưa rút hết khỏi miền Nam VN sẽ phải rút về các căn cứ và trại quân được chỉ định và sẽ không tác chiến nữa.

— 3) Quân lực Hoa kỳ và Đồng-minh chưa rút khỏi VN khi hết hạn 12 tháng, sẽ bắt đầu thực hiện triệt thoái hoàn toàn, cùng lúc đó số quân BV ở miền Nam và Miền Lào cũng bắt đầu triệt thoái hoàn toàn về Bắc Việt.

— 4) Một cơ quan kiểm soát quốc-tế được 2 phe thỏa-thuận sẽ được thiết lập với nhiệm vụ kiểm soát việc triệt binh cũng như đề phục vụ các mục tiêu khác do 2 phe thảo luận và quyết định.

— 5) Cơ quan quốc tế này sẽ bắt đầu hoạt động theo một lịch trình đã được 2 phe thỏa hiệp cũng như sẽ tham gia vào việc tổ chức sự kiểm soát việc ngưng bắn.

— 5) điểm này liên quan đến việc rút quân có thể đưa ta đến mấy nhận xét sau đây :

a) Chương trình rút quân song phương của Hoa-kỳ thực hiện qua 3 giai đoạn :

— Khi mới có dấu hiệu thỏa hiệp, 2 bên sẽ rút một phần.

— Khi đã thỏa hiệp rồi : Trong thời hạn 12 tháng, 2 bên rút một phần lớn, phần còn lại tập trung ở các căn cứ, ngưng chiến đấu.

— Sau 12 tháng : 2 bên sẽ dần dần rút hết.

b) Chỉ có rút quân Mỹ, Đồng Minh và quân Bắc Việt thôi. Cộng sản miền Nam không bị buộc phải rút ra Bắc và cũng không phải tập trung.

c) Cơ quan kiểm soát quốc tế sẽ kiểm soát việc rút quân của 2 bên và kiểm soát luôn cả việc ngưng bắn nữa.

Chương trình rút quân này không thỏa mãn được Cộng sản :

— vì BV không nhận là xâm lăng, không nhận đưa quân đội vào miền Nam, nên không chịu vấn đề rút quân.

— BV và MTGP không nhận là có đóng quân ở Miền Lào nên sẽ không đặt vấn đề rút quân ở đây, vì nếu bỏ các căn cứ ở Miền Lào, Cộng sản sẽ mất các nơi để dưỡng quân và đường để chuyển vận.

Đã không nhận là có quân ở miền Nam, tất nhiên BV không thể nhận việc rút quân về Bắc. Và chẳng điểm thứ 3 của giải pháp Trần-Bửu-Kiểm cũng nói rõ là người VN có quyền chiến đấu ở bất cứ nơi nào trên đất nước VN để gián tiếp bác bỏ việc rút quân BV. Đã không nhận rút quân thì họ cũng từ chối luôn việc kiểm soát quốc tế và việc đó chỉ nhằm vào việc rút quân Hoa-kỳ và Đồng-minh mà thôi. Như vậy là bế tắc sao ?

Trong bài diễn-văn của TT Nixon có một đoạn tuy viết ra mà không đọc, đoạn đó như sau : « Nếu Bắc-Việt vẫn nhất quyết là họ không có binh sĩ ở miền Nam VN thì chúng ta sẽ không tranh luận về

điểm này nữa miễn là lực lượng của họ không còn hiện diện ở miền Nam VN và chúng ta phải có những đảm bảo chắc chắn là binh sĩ BV sẽ không trở lại».

Lại có một đoạn nữa viết : « Có thể đạt được hòa bình bằng một sự hiểu ngầm, miễn là sự hiểu ngầm này phải rõ rệt và phải có những biện pháp bảo đảm đầy đủ là sự hiểu ngầm này sẽ được tôn trọng ».

Hai đoạn đó khiến ta có thể nghĩ rằng rồi ra Hoa-kỳ có thể đơn phương rút quân, khi được sự thỏa thuận ngầm nhưng chắc chắn của Bắc-Việt là họ cũng sẽ rút. Biện pháp này chắc Hoa-kỳ chỉ áp dụng khi nào tình thế quá thúc bách, không thể nào kéo dài hơn được nữa.

Đối với VNCH, giải pháp rút quân của T. T. Nixon cũng gây nhiều thắc mắc :

— Kế hoạch của TT Nixon chủ trương 2 bên cùng rút quân, còn VNCH thì vẫn theo công thức Manila muốn Bắc-Việt phải rút quân trước. Nhưng xét kỹ trong giai đoạn 3 của kế-hoạch rút quân nói ở trên, lực lượng đồng minh đóng ở những căn cứ, sau thời hạn 12 tháng, sẽ chỉ triệt thoái sau khi phần còn lại của lực lượng Bắc-Việt đã triệt thoái. Như vậy là đã có một sự cố gắng dung hòa với lập trường của VNCH.

Theo kế hoạch của TT Nixon thì chỉ có sự rút lui của các lực lượng ngoại nhập mà thôi. Lực lượng võ trang của MTGP vẫn còn được ở lại miền Nam. Một vấn đề khó khăn được nêu lên : làm sao có thể phân biệt các lực lượng võ trang MTGP với các lực lượng BV trú ẩn ở lại không rút về ? Ngoài người VN với nhau ra, thì người ngoại quốc làm sao mà kiểm soát nổi,

Đến đây ta lại liên-hệ đến một điểm trong kế hoạch của Trần-Bửu-Kiểm, điểm 3 : « Lực-lượng võ trang VN ở miền Nam sẽ do các bên Việt-Nam cùng giải quyết. » Nhưng giải quyết như thế nào, đó mới là điều khó)

5 điểm trên liên quan đến việc rút quân và kiểm soát rút quân, điểm thứ 6 liên quan đến vấn đề chính trị.

— Điểm 6 đó như sau : Ngay sau khi cơ quan quốc tế bắt đầu hoạt động, các cuộc bầu cử sẽ được tổ chức ngay khi nào có thể tổ chức được, qua những thủ tục đã được cả hai phe chấp thuận và dưới sự giám sát của cơ quan quốc tế

(Về điểm này kế hoạch của TT Nixon rất mơ hồ, không nói rõ bầu cử để làm gì, bầu cử những cơ quan nào, những thủ tục được 2 phe thỏa thuận là thế nào. Giải pháp 10 điểm của Trần Bửu Kiểm đã nói rõ hơn những điều mà họ muốn. TT Thiệu cũng đã từng cho biết là tổ chức bầu cử trong khuôn khổ của Hiến Pháp VNCH. Còn T.T, Nixon thì không nói rõ gì hết, có lẽ ông nghĩ rằng về chính trị phải dành cho nhân dân VN toàn quyền quyết định ?

Tuy nhiên nếu ta đọc kỹ bài diễn văn của ông ta thấy ông nói là sẵn sàng thỏa thuận cho VN trung lập, sẵn sàng đề cho tất cả mọi thành phần chính trị tham gia sinh hoạt chính trị, sẵn sàng chấp nhận bất cứ một chính phủ nào, sẵn sàng đề cho Việt Nam thống nhất, miễn rằng đó là sự tự do lựa chọn của nhân dân Việt Nam. Các cuộc bầu cử mà ông nói đây, đặt trong khuôn khổ chung, đó là những cuộc bầu cử để dân chúng V.N. tự do lựa chọn chế độ chính trị và chính phủ của mình.

Nếu phân tích như vậy ta thấy điểm này là điểm có thể đem ra bầu cãi tại Hội nghị Paris và có lẽ điểm này là điểm mà phe Cộng sản quan tâm số 1. Nếu đạt được tới thỏa hiệp thì tức là cả nền đệ-nhi cộng-hòa này sẽ không còn nữa. Tổng-thống Thiệu và các nhà thương thuyết VNCH ở Balê chắc chắn sẽ phải bảo vệ quan điểm của VNCH đến cùng.

Còn một điểm bất đồng nữa về vấn đề tuyên cử. Đó là:

Hoa-kỳ thì muốn tuyên cử tự do đặt dưới sự kiểm soát của một cơ quan quốc tế đồng thời cũng là cơ quan kiểm soát sự rút quân của cả 2 bên. Nhiệm vụ này sẽ thực hiện sau khi cuộc rút quân hoàn tất.

Cộng-sản thì muốn tuyên cử tự do, do Chính-phủ liên-hiệp lâm thời tổ chức, sau khi Mỹ và Đồng Minh đã rút hết quân và không có kiểm soát quốc tế.)

— Điểm thứ 7 của kế hoạch Nixon liên quan đến vấn đề tù binh như sau: «Các biện pháp thích nghi sẽ được áp dụng nhằm trả tự do càng sớm càng hay những tù binh chiến tranh của cả 2 phe sau khi đã được 2 phe thỏa thuận» Điểm này liên quan với điểm 9 của chương trình MTGPMN.

(Cộng sản biết là Mỹ rất tha thiết với vấn đề này nên dùng nó làm một cái mồi đề nhử Mỹ. Mới đây ở Balê, Xuân Thủy vừa bác bỏ yêu sách của Bộ-rưởng Quốc Phòng Mỹ Laird xin Bắc Việt trao cho một danh sách tù binh Mỹ Xuân Thủy nói là khi nào Mỹ chịu triệt binh thì sẽ có bản danh sách đó.)

— Điểm thứ 8 nói: tất cả các phe sẽ thỏa thuận tôn trọng thỏa hiệp Genève

1954 về VN và Cam Bốt và thỏa hiệp Genève về Lào.)

(Điểm cuối cùng này rất phù hợp với quan điểm của VNCH và CS cũng khó lòng từ chối được vì chính họ bị ràng buộc hơn ai hết. Nhưng động cơ của 2 bên lại khác hẳn nhau như ở trên đã nói. Vì thế cho nên khi nào vấn đề chiến tranh VN được giải quyết xong thì vấn đề này sẽ được điều đình một cách dễ dàng. Còn nếu không thì nhất định Cộng sản sẽ lần tránh không đi đến thỏa hiệp được.

oOo

Vân hồi hòa bình là ước muốn của các phe tham chiến vì lúc này bên nào cũng có những khó khăn mà chỉ có chấm dứt chiến tranh mới giải quyết nổi, nhất là vì hòa bình là khát vọng cấp thiết mà dân chúng nước nào, miền nào cũng đòi hỏi. Tuy nhiên mỗi bên, do những mục tiêu, những tham vọng chính trị xa gần, những động cơ quyền lợi lớn nhỏ chi phối nên đã vạch ra những con đường dẫn tới hòa bình mà chúng ta vừa kiểm điểm và thấy rằng những đoạn cùng đi chung với nhau tới đích được thực chẳng có bao nhiêu.

Nếu giải pháp toàn bộ của Trần Bửu Kiếm với kế hoạch của Nixon còn có nhiều điểm gần gũi có thể thảo luận được thì con đường dẫn tới hòa bình của Cộng sản và của V.N.C.H phác họa có những đoạn thực là xa cách, mà đoạn đường sinh tử chính là: ai sẽ tổ chức Tổng tuyên cử và Tổng tuyên cử như thế nào để có thể có một chế độ chính trị vững ổn và một nền hòa bình lâu dài và công bằng cho miền Nam Việt-Nam nói riêng và cho toàn thể Đông-Dương và Đông-Nam-Á nói chung.

VIỆT-PHƯƠNG